

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

KINH

ĐẠI PHẬT ĐÁNH
NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHỦ BỒ TÁT VẠN HẠNH

首楞嚴經

THỦ LĂNG NGHIÊM
ŚŪRAṂGAMA-SŪTRA
(V)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*



*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN



- ❁ *Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.*
- ❁ *Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.*
- ❁ *Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi mình mà chê bai kẻ khác.*
- ❁ *Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.*
- ❁ *Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.*
- ❁ *Dịch giả phải dùng trích pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.*
- ❁ *Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức mười phương chứng minh cho bản dịch.*
- ❁ *Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.*

PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

CHƯƠNG 1

MỞ SÁU NÚT

Kinh văn:

阿難白佛言世尊。如來雖說第二義門。今觀世間解結之人。若不知其所結之元。我信是世間解結之人，若不知其所結之元。我信是人終不能解。

A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn, Như Lai tuy thuyết đệ nhị nghĩa môn. Kim quán thế gian giải kết chi nhân, nhược bất tri kỳ sở kết chi nguyên, ngã tín thị nhơn chung bất năng giải.

Việt dịch:

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn, tuy Như Lai đã dạy về hai nghĩa quyết định. Nay xem trong thế gian những người muốn cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì con tin chắc là những người ấy không cởi được.

Giảng giải:

Nghe xong những điều Đức Phật đã giảng giải ở trên, A-nan lại có mối nghi khác, thế nên A-nan lại có lý lẽ khác, muốn tìm đến chỗ nào không còn lý do để nghi nan nữa, Nên A-nan thưa hỏi Đức Phật, **“Bạch Thế tôn, tuy Như Lai đã dạy về hai nghĩa quyết định.”** Điều này nói về hai nghĩa quyết định, một trường hợp là dùng tâm phan duyên, đối tượng của sinh diệt để tu tập và một trường hợp là không dùng tâm phan duyên, đối tượng của sinh diệt để tu tập.

Nay xem trong thế gian những người muốn cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu—nếu họ không biết đầu mối của nút ở đâu—thì con tin chắc là những người ấy không cởi được. Do họ còn không xác định được đầu mối của nút, làm sao mà mở nút được.

Kinh văn:

世尊我及會中。有學聲聞亦復如是。從無始際與諸無明俱滅俱生，雖得如是多聞善根。名為出家。猶隔日瘡。

Thế tôn ngã cập hội trung hữu học thanh văn diệt phục như thị. Tông vô thủy tế dĩ chư vô minh câu diệt câu sanh, tuy đắc như thị đa văn thiện căn. Danh vi xuất gia, du cách nhật ngược.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, con và hàng Thanh văn hữu trong hội chúng này cũng như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được căn lành nghe được Phật pháp như vậy. Tuy được gọi là hàng xuất gia, nhưng như người bị sốt rét cách nhật.

Giải thích:

A-nan rất bộc trực. Ngài có tính an nhiên và ngây thơ như trẻ con, ngài rất chất phác. Bạch Thế tôn, con và hàng Thanh văn hữu trong hội chúng này cũng như vậy. Quả vị thứ ba của hàng A-la-hán gọi là ‘Hữu

học.’ Khi đạt đến quả vị thứ tư thì được gọi là Vô học. “Hàng Thanh văn chúng con giống như những người đang cố gắng mở nút; chúng con không biết đầu là đầu mối, phải gỡ từ chỗ nào? Thế tôn đã nói rằng chúng con có thể vận dụng sáu căn, những sẽ bắt đầu từ căn nào? Căn nào là khó mở nhất? Ngay bây giờ chúng con chưa hiểu được.”

Từ vô thủy đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh. Từ vô thủy kiếp đến nay chúng ta đã từng sinh ra và đã từng chết đi, tạo nghiệp này trong đời này rồi nghiệp khác trong đời sau. Trong đời này quý vị tin vào Phật pháp nhưng đời sau thì không tin nữa. Hoặc là trong đời này quý vị không tin Phật pháp nhưng đời sau lại tin. Hoặc là có thể quý vị tin vào Phật pháp, nhưng không thực sự hiểu được một cách chân chính. Quý vị chao đảo và chỉ học đời cho biết. Theo cách đó nên chúng ta không thể nào tách lìa khỏi vô minh. Nên nói rằng người ta bị ràng buộc bởi gia đình hoặc vợ con. Nhưng không chỉ như vậy. Cái mà chúng ta bị ràng buộc chính là vô minh. Vô minh đối với quý vị cũng giống như bóng đi theo hình; nó theo quý vị bất kỳ quý vị đi đâu. Nó không bao giờ rời quý vị dù trong chốc lát. Nó còn thân mật hơn cả những người vừa mới lập gia đình.

Vô minh đi theo quý vị trong khi sinh ra và chết; điều này là chứng cứ rõ ràng cho lý do tại sao vô minh

đời đời không thể tách lìa với quý vị. Điều ấy không phải là khi người chồng chết, người vợ chết theo. Trong trường hợp ngoại lệ, điều này có thể xảy ra, nhưng đó không phải là quy luật. Chỉ có vô minh là chết theo và sẽ sinh lại cùng quý vị. Điều này thực sự là đi cùng lúc sống và lúc chết không lìa. Nó chiếm một nửa trong những gì gọi là của quý vị, giống như cái bóng đi theo hình.

Và dĩ nhiên, quý vị có biết được rằng những gì liên quan đến chúng ta là vô minh chăng? Nếu quý vị biết được vô minh, thì đừng có thân mật với chúng nữa. Nếu quý vị chưa hiểu được vô minh, thì tốt nhất là hãy nhanh chóng tìm hiểu cho ra. Nếu quý vị hiểu được vô minh, thì sẽ có vài hy vọng cho quý vị. Nếu quý vị không hiểu được vô minh, thì quý vị mãi mãi là kẻ phàm phu. Nếu quý vị hiểu được vô minh, thì quý vị đã được nửa đường đến bậc thánh. Nhưng quý vị phải thực sự hiểu rõ, đừng làm ra vẻ như hiểu mà chẳng hiểu gì, để mình như vừa có vô minh và chẳng có nó.

Tuy được căn lành nghe được Phật pháp như vậy. Tuy được gọi là hàng xuất gia. Thiên hướng học hỏi đa văn của chúng ta là một dạng của căn lành; nhưng tuy được gọi là người sống theo hạnh xuất gia, **nhưng như người bị sốt rét cách nhật.** Đặc điểm của căn bệnh này là nó biểu hiện cách nhau từng ngày một, vào một thời gian nhất định trong ngày. Ví dụ này biểu tượng cho

vô minh của A-nan. Ngày nay A-nan không còn vô minh nữa, đầu óc minh mẫn, không còn si mê nữa. Nhưng ngày mai thì vô minh lại trôi dạt. Tôi tin rằng không chỉ A-nan mới gặp phải vấn đề này. Tôi đã thăm dò mọi người có mặt nơi đây, ai cũng có những vấn đề tương tự. Hôm nay quý vị phát bồ-đề tâm và quyết định tu đạo, nên quý vị nhất tâm tu tập thiền định. “Tôi chẳng để ý đến những gì xảy ra, bỏ qua tất cả.” Nhưng rồi ngày mai quý vị chẳng thể nào bỏ qua nổi. Một lần nữa quý vị lại nhặt lên lại những thứ mà ngày thường mình hay vướng mắc và chẳng thể nào bỏ đi được. Ngay cả khi quý vị muốn bỏ nó ra, quý vị cũng chẳng thể nào buông ra được. Quý vị thấy mình có đáng thương không? Đó là ý nghĩa của người bị sốt rét cách nhật. Thế nên quý vị nên nhanh chóng tự tìm ra cách chữa trị căn bệnh này cho chính mình. Chữa cách nào? Uống thật nhiều nước trí huệ. Một khi đã có trí huệ, quý vị sẽ tự nhiên thấy xuyên suốt mọi sự và sẽ buông bỏ chúng. Khi buông bỏ được rồi, quý vị sẽ thấy thanh thản. Tại sao quý vị lại mắc phải căn bệnh này? Vì quý vị coi trọng thân thể mình quá, với sự hài lòng về thể chất và sung mãn tự nhiên, quý vị luôn luôn có một dự định nhân danh nó. Nên quý vị không thể nào thấy được thông suốt và buông bỏ nó. Nhưng bất luận quý vị có sở hữu một thân thể đẹp đẽ cỡ nào, thì nó vẫn sẽ thối rữa ngay lúc nó chết. Chẳng còn ai muốn đến gần cả.

Kinh văn:

唯願大慈哀愍淪溺。今日身心云何是結。從何名解。亦令未來苦難眾生。得免輪迴不落三有。

Duy nguyện đại từ ai mẫn luân nịch. Kim nhật thân tâm vân hà thị kết, tông hà danh giải. Diệc linh vị lai khổ nạn chúng sanh đắc miễn luân hồi, bất lạc tam hữu.

Việt dịch:

Xin nguyện Đức đại từ thương xót kẻ chìm đắm. Nay ngay nơi nơi thân tâm, xin chỉ cho chúng con thế nào là nút buộc, do đâu mà mở ra. Cũng khiến cho chúng sinh khổ não trong đời vị lai thoát khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi.¹

Giải thích:

A-nan thật là đáng thương. **Xin nguyện Đức đại từ, Thế tôn**, khởi tâm đại bi thương xót chúng con. Chúng con là những **kẻ đang bị chìm đắm**. **Nay ngay nơi nơi thân tâm, xin chỉ cho chúng con thế nào là nút buộc**. Chúng con đã chìm quá sâu trong mê muội đến nỗi chẳng hay biết về thân tâm mình như thế nào. Chọn căn nào trong sáu căn để bắt đầu mở gút, và căn nào là sau cùng? Nếu con là người sẽ mở những nút này, thì phải mở ngay chỗ ban đầu. Không thể nắm lấy chỗ

¹ Tam hữu tức Tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

giữa để làm mà mong mở ra được. Con không biết **do đâu mà mở ra**. Chúng con mở từ chỗ nào? Xin Như Lai giải thích sẽ **khiến cho chúng sinh**—Con không chỉ hỏi cho riêng mình. Con đã phát tâm Vô thượng bồ-đề và muốn cho những chúng sinh **khổ não trong đời vị lai** để mong họ có thể **thoát khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi**. Nếu họ biết được phương pháp mở gút, thì họ sẽ không bị rơi vào ba cõi. Họ sẽ thoát khỏi khổ nạn ở Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Kinh văn:

作是語已，普及大眾 五體投地，雨淚
翹誠，佇佛如來無上開示。

*Tác thị ngữ dĩ phổ cập đại chúng ngũ thể đầu địa,
vũ lệ kiều thành, trụ Phật Như Lai vô thượng khai thị.*

Việt dịch:

Nói lời ấy rồi, A-nan và đại chúng gieo năm vóc sát đất, khóc lóc thành khẩn, ngưỡng trông được nghe lời khai thị vô thượng của Như Lai.

Giảng giải:

Nói lời ấy rồi, sau khi A-nan có lời thỉnh cầu, ngài và đại chúng gieo năm vóc sát đất. Năm vóc là hai chân, hai tay và đầu. **Khóc lóc thành khẩn**, A-nan khóc như mưa—quý vị có biết vì sao A-nan mềm yếu như vậy không? Từ đầu pháp hội giảng kinh đến nay A-nan đã khóc sáu lần, kể cả lần này. Bây giờ khi nghe giảng kinh

này, chẳng có ai khóc cả. Phải chăng quý vị đều mạnh mẽ hơn A-nan? A-nan nghe giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và khi hiểu sâu về giáo lý ấy, A-nan đã khóc. Lần này A-nan khóc rất dữ dội, như mưa. Nước mắt của A-nan có lẽ đủ để rửa mặt.

“*Ngưỡng trông*” biểu hiện tâm nhiệt thành của A-nan. Có thể chữ này (佇 待—*anticipation*) chính là nguồn gốc đôi giày gót cao của phụ nữ. Họ thấy rằng A-nan thành tâm đến mức phải đứng trên ngón chân và họ quyết định đi quanh bằng tư thế đó. **Ngưỡng trông được nghe lời khai thị vô thượng của Như Lai.**

Tôi vừa nói rằng bây giờ mọi người nghe kinh giỏi hơn A-nan, nhưng tuy vậy, quý vị đừng cho rằng mình thực sự tài giỏi hơn A-nan. Nói thật là tôi chỉ chế giễu quý vị thôi!

Quý vị sẽ nói. ‘Ồ!’ Sư phụ sao lại phải chế giễu đệ tử?’

Nếu tôi không chế giễu quý vị, thì quý vị chẳng phát tâm dũng mãnh tinh tấn tu học. A-nan khóc là vì quá nhiệt tâm tìm cầu giáo pháp—hết sức nhiệt thành. A-nan nhận thức được rằng dù mình đã chứng sơ quả A-la-hán, nhưng vẫn chưa thông hiểu tường tận giáo pháp, thế nên A-nan cảm thấy rất ân hận. Đó là lý do tại sao A-nan khóc một cách rất tức tưởi. Và tại sao quý vị không khóc? Tôi sẽ trả lời giúp. Là do quý vị vốn không quan tâm đến Phật pháp. Quý vị chẳng đặt trọng tâm vào Phật pháp.

‘Chẳng phải như vậy.’ Quý vị nói: “Hằng ngày thực sự tôi rất siêng học.”

Điều ấy không kể, vì quý vị không để cho Phật pháp nhập tâm—trong bản tâm quý vị. Nếu được như vậy, quý vị sẽ khóc mỗi ngày. Nay các đệ tử của tôi thường thích khóc, họ nhận ra rằng mình vừa thoát khỏi sự ràng buộc. “Tôi có thể tiếp tục khóc hằng ngày vì tôi không hiểu được Phật pháp.” Nhưng ai trong quý vị muốn khóc thì không nên khóc. Quý vị nên tự chủ và bình tĩnh. Còn ai không muốn khóc thì nên cảm thấy hổ thẹn và tự hỏi, “Tại sao mình không hiểu được Phật pháp?” Nếu quý vị có thể khóc vì điều ấy, khóc vì ân hận như A-nan ở đây, thì còn có vài cơ may cho quý vị.

Những ai không biết khóc, họ có thể thử. Những ai không muốn khóc thì không thể bắt họ phải làm như vậy. Và những ai thích khóc thì không thể nào khóc được. Đó là cách mà Phật pháp vận hành.

Những ai đi quá xa thì nên tìm lại chút ít. Những ai đi chưa đủ xa thì nên tự gắng sức thêm chút ít. Đó là nghĩa cứu cánh của Trung đạo.

Kinh văn:

爾時世尊憐愍阿難。及諸會中諸有學者。亦為未來一切眾生。為出世因作將來眼。

Nhĩ thời Thế tôn lân mẫn A-nan, cập chư hội trung

chư hữu học giả, diệc vi vị lai nhứt thiết chúng sanh, vi xuất thế nhân tác tương lai nhân.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong chúng hội, lại cũng vì chúng sinh trong đời vị lai, tạo cái nhân xuất thế để làm đạo nhân cho đời sau.

Giải thích:

Lúc bấy giờ là khi A-nan cầu thỉnh Đức Phật ban cho lời khai thị tối thượng. **Đức Thế tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong chúng hội.** ‘Hàng hữu học’ là chỉ cho ba quả vị đầu tiên trong Thánh quả A-la-hán: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. **Lại cũng vì chúng sinh trong đời vị lai,** ‘đời vị lai’ là chỉ cho chúng ta ngày nay; chúng ta là những chúng sinh trong đời vị lai. **Tạo cái nhân xuất thế gian**—đây là một nguyên nhân đặc biệt. ‘Thế gian’ là chỉ cho hàng phàm phu. Những vị đã xuất thế là hàng Thanh văn—các vị A-la-hán—các vị Độc Giác, các vị Bồ-tát và chư Phật. Vì giúp cho chúng sinh siêu xuất thế gian và **làm đạo nhân cho đời sau,** để các ngài là con mắt đạo cho tất cả chúng sinh trong đời vị lai. Đức Phật đã làm những điều rất hy hữu.

Kinh văn:

以閻浮檀紫光金手摩阿難頂。即時十方普佛世界六種振動。

Dĩ diêm-phù-đàn tử quang kim thủ ma A-nan đĩnh. Tức thời thập phương phổ Phật thế giới lục chủng chấn động.

Việt dịch:

Đức Phật dùng tay sáng ngời vàng rực như diêm-phù-đàn xoa đánh đầu A-nan. Liên khi ấy, các cõi Phật trong 10 phương thế giới đều rung động.

Giảng giải:

Đức Phật dùng tay sáng ngời vàng rực như diêm-phù-đàn xoa đánh đầu A-nan. Cánh tay của Đức Phật có sắc vàng của cây diêm-phù-đàn¹ ở Nam Thiên-bộ châu. Trong Phật pháp, việc dùng tay xoa đánh đầu biểu tượng cho lòng từ và sự bảo hộ, che chở. **Liên khi ấy, các cõi Phật trong mười phương thế giới đều rung động.** Sáu loại chấn động của thế giới đã được giảng giải ở trước. Khi một người tu tập được giác ngộ và thành tựu Phật quả liền có sáu loại chấn động xảy ra. Trong thời mạt pháp, khi có người tu tập đạt quả vị Thánh đạo

¹ Diêm-phù-đàn 閻浮檀 (s: jambūdāna-suvarṇa). Hán dịch là Lưu kim diêm phù 流金閻浮. Do chữ *Jambū*: diêm-phù, có nghĩa là dòng sông chảy qua rừng cây; *Dana* 檀: là sinh ra loại vàng quý Thắng kim. Ở giữa núi Hương tuý (s: Gandhamadana) và dãy Hy-mã-lạp-sơn có sông chảy qua rừng cây Diêm phù, vàng phát ra từ sông này gọi là Diêm-phù-đàn kim. Theo thần thoại Ấn Độ, sông Diêm-phù là một trong 7 nhánh của sông Hằng, sông này không có thật, nên Diêm-phù-đàn kim và Diêm-phù đại thọ là những vật tượng trưng cho thuyết Tu-di bốn châu.

cũng xảy ra sáu loại chấn động. Có nhiều nguyên nhân khiến xảy ra sáu loại chấn động. Khi thiên ma và đồ chúng ngoại đạo muốn hãm hại ai, họ cũng có thể làm nên sự chấn động, nhưng không nhất thiết thuộc trong Sáu loại chấn động này. Có vô số cách chấn động do thiên ma gây ra. Chẳng hạn, gần đây có trận địa chấn ở Philippines, nghe tin là khiến cho 400 người thiệt mạng, tôi cho rằng đó là con số thống kê ước lượng.

Tôi nghĩ rằng có ít nhất phải đến 500 hoặc 600 người bị chết. Tai họa ấy là một sự báo ứng của nghiệp lực chúng sinh, khiến thiên ma và ngoại đạo huỷ hoại nhân gian này. Đó là điều xảy ra bất kỳ khi nào có thiên tai hoặc thảm họa do con người gây ra. Nhưng nếu có một vị Cao tăng với đạo hạnh tinh nghiêm ở nơi thảm họa sắp xảy ra, Chẳng hạn, như ở Philippines, hoặc nếu có một vị Bồ-tát hay A-la-hán đã chứng quả đang ở nơi đó, thì thảm họa có thể tiêu tan. Khi một vị tu hành có giới đức tinh nghiêm, thậm chí họ có thể đi vào trong những nơi đang bị hiểm nạn, họ có thể xoay chuyển điều xấu ác thành cát tường; họ có thể biến khó khăn thành thuận lợi. Họ có thể khiến cho hoàn cảnh nguy nan trôi qua một cách an ổn.

Sáu loại chấn động¹ là: chấn, hồng, kích, động,

¹ *Động* là sự chuyển động của trái đất giống như một cơn động đất vậy. *Dông* là đột nhiên bị rung động, khiến cho lòng đất phóng vọt lên giống như nước phun lên từ dòng suối.

Khởi là sự chấn động dữ dội trên mặt đất. Đôi khi trái đất có thể bị chấn

đông và khởi. Ba dạng chấn động đầu là thuộc về âm thanh. Ba loại sau thuộc về sự chuyển động. *Động* là sự rung động rất mạnh. *Đông* là bị đẩy mạnh lên trên, như một cột sóng lớn vọt lên giữa biển. *Khởi* là đột nhiên nổi lên, như thang máy vậy.

Khi động đất, có một âm thanh lớn vang ra. Một hôm ở ngay San Francisco này có một trận động đất xảy ra, mọi cửa sổ đều bắt đầu rạn vỡ. “Nguy hiểm! Nguy hiểm!” Mọi người đều la lên. Tôi để ý có người qua sợ hãi đến nỗi chấp hai tay lại với nhau. Những người khác thấy vậy liền làm theo cô ta. Sự đổ sụp tạo nên âm thanh, nhưng khi có tiếng gầm lên, chính trong lòng phát ra tiếng khóc giống như tiếng rống của sư tử. *Kích* là âm thanh vang ra khi lòng đất bị tách thành hai mảnh rồi va chạm vào nhau.

Sáu loại chấn động biểu tượng cho điều gì? Tại sao trái đất rung động theo sáu đến mức như vậy như được diễn tả trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, khi Đức Phật xoa đánh đầu A-nan? Đó là vì Đức Phật sắp diễn bày một

động dữ dội trời lên thành chỗ cao hoặc chìm sâu xuống chỗ thấp. Hiện nay trái đất của chúng ta đang ở giữa thời kỳ biến chuyển của sáu loại chấn động. Ba loại khác là *thanh chấn động*: Gọi là *chấn*, *hống* và *kích*. *Chấn* không giống như *động* mà chỉ là một dạng rung nhẹ của quả đất. Khi dạng chấn động này xảy ra, thì mặt đất bị nứt nẻ ra từng mảng và thường làm nhà cửa sụp đổ. *Hống* là khi từ trong lòng đất phát ra những âm thanh mà thế gian chưa từng nghe. *Kích* là âm thanh vang ra khi mặt đất bị tách ra thành từng mảnh và hai phần của khối nứt va chạm vào nhau.

giáo pháp rất quan trọng. Chư Phật trong 10 phương đều tán thán ngài chỉ bằng một âm thanh. Đó là một trường hợp. Cũng biểu tượng cho sự tự tại của sáu căn-tháo gỡ được sáu nút. A-nan vừa hỏi ra cội nguồn của sáu nút thắt này và làm cách nào để mở được chúng. A-nan hỏi nên bắt đầu ở đâu và nút nào nên mở sau cùng. Đức Phật sắp giảng giải giáo lý này, thế nên Đức Phật xoa đầu A-nan và đại địa xảy ra sáu diệu chấn động.

Kinh văn:

微塵如來住世界者，各有寶光從其頂出。

Vì trần Như Lai trụ thế giới giả, các hữu bảo quang tòng kỳ đánh xuất.

Việt dịch:

Các Đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi nước đều có hào quang báu từ đỉnh đầu phóng ra.

Giảng giải:

Các Đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi nước—vô số chư Phật—các ngài ở trong các cõi nước. Mỗi Đức Phật đều trụ trong mỗi Phật độ của các ngài. Mỗi Đức Phật đều có hào quang báu từ đỉnh đầu phóng ra. Mỗi Đức Phật trong vô số chư Phật đều phóng đạo hào quang hiếm có từ đỉnh đầu các ngài. Có hào quang màu đỏ, có đạo hào quang màu trắng, có đạo

hào quang màu vàng, có đạo hào quang màu xanh—tất cả các đạo hào quang đều phóng ra từ đỉnh đầu của các Đức Phật. Chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần phóng ra vô số hào quang để biểu thị cho sự vi diệu của giáo pháp mà Đức Phật sắp sửa diễn bày và biểu tượng cho giáo pháp ấy vô cùng cao siêu thâm diệu, là giáo pháp lưu xuất Đại Phật đánh.

Kinh văn:

其光同時於彼世界來祇陀林，灌如來頂。是諸大眾得未曾有。

Kỳ quang đồng thời ư bỉ thế giới lai Kỳ-đà lâm, quán Như Lai đỉnh. Thị chư đại chúng đắc vị tăng hữu.

Việt dịch:

Hào quang ấy đồng thời từ các cõi nước kia, đến rừng Kỳ-đà, rót xuống đánh Đức Như Lai. Tất cả đại chúng ở đây đều được điều chưa từng có.

Giảng giải:

Hào quang ấy đồng thời, hào quang mà Đức Như Lai nhiều như số vi trần phóng ra từ đỉnh đầu các ngài, từ các cõi nước kia—từ quốc độ mà các Đức Phật đang trú trì—đến rừng Kỳ-đà. Lưu ý rằng đó là các đạo hào quang phóng đến rừng Kỳ-đà, không phải là chính chư Phật. Hào quang từ mỗi Đức Như Lai nhiều như cát sông Hằng và nhiều như vi trần, đến **rót xuống đánh Đức Như Lai**, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Điều

này biểu tượng cho giáo pháp của các Đức Như Lai đều đồng như nhau. Giáo pháp Đức Phật này giảng nói cũng là giáo pháp mà Đức Phật này tuyên bày. Là đồng nhất như nhau. Ánh sáng thì tương tức tương nhập và tâm chúng sinh cũng tương nhập. Hào quang của chư Phật vốn tương tức tương nhập nên hào quang chính là Phật tâm. Đồng một thể tánh với tâm chúng sinh. Nếu quý vị có tâm bực bội người nào đó, thì người ấy sẽ nhận biết ngay, dù quý vị không nói một lời nào. Chẳng phải người ấy biết một cách có chủ ý, trên bình diện thức thứ sáu (ý thức) thì vốn có sự phân biệt, nhưng có sự cảm ứng từ trong thức thứ 8. Người kia có cái biết từ bình diện thức thứ 8 vì tâm con người vốn có tính tương tức tương nhập. Khoa học ngày nay đã khám phá ra điều này, rằng có một mối tương quan vô hình, như điện tín, có thể liên lạc với nhau rất nhanh dù cách nhau rất xa. Và tâm con người có một hệ thống điện báo hỗ tương lẫn nhau. Điều ấy không thể nhìn thấy được qua mắt thường, nhưng nếu quý vị chân thực có được sự viên thông và đạt được Phật nhãn vô ngại, thì quý vị sẽ thấy rõ tại sao mình biết được niệm tướng sinh khởi trong tâm người khác. Đó là vì người kia đã gửi đi một bức điện tín. Nếu quý vị đã mở được Phật nhãn hoặc huệ nhãn, thì quý vị tự nhiên sẽ nhận biết và có thể thấy được điều ấy.

Vì những bức điện tín này mà người ta nhận ra được

ngay khi quý vị có niệm tưởng bất bình với họ. Bức điện tín của quý vị đến, và đến lúc nó cũng trở nên bức dọc cùng với quý vị. Có người có thiện cảm với người khác, và điều ấy cũng như vậy, người kia cũng nhân biết được sự thiện cảm ấy, nhưng điều ấy được đáp lại chậm hơn. Nếu quý vị muốn có sự ảnh hưởng đến người khác để có sự chuyển hoá bằng phương tiện tác động tích cực, thì quý vị nên dùng những ý tưởng tốt để tác động đến họ, nhưng tiến trình sẽ chậm từng bước một. Dần dần quý vị sẽ khiến cho họ thức tỉnh. Khi họ thức tỉnh, trở lại sự ứng xử của họ sẽ theo hướng tích cực.

Nay tôi đã giải thích hệ thống điện tín này vận hành giữa hai người, sẽ có người không tin những gì tôi nói. Tuy nhiên, đó là sự thực. Trong tương lai, khi quý vị thực sự mở được Phật nhãn, quý vị sẽ không còn hoài nghi gì về giáo lý này nữa. Lúc ấy quý vị sẽ nhận ra rằng, “Ồ! Lúc ấy tôi chẳng tin, nhưng đó là sự thực.” Các hào quang đều rót xuống đánh đầu Đức Như Lai biểu tượng cho sự đồng nhất giáo pháp của chư Phật và sự phóng chiếu hào quang giữa các Đức Phật. Pháp tối thượng mà chư Phật giảng nói là đồng nhất.

Tất cả đại chúng ở đây đều được điều chưa từng có. Không ai hiểu ra được họ thấy điều gì đang xảy ra. “À! Tại sao chư Phật trong 10 phương phóng quang rồi rót xuống đánh đầu Đức Phật chúng ta? Trong đó biểu tượng điều gì?” Quý vị có thể nào tưởng tượng ra tại

sao lại có vô số hào quang được phóng ra bởi các Đức Phật Như Lai nhiều như vi trần? Hào quang nhiều vô số, không thể tính kể được. Nhưng cũng chẳng lẫn lộn chút nào. Mỗi đạo hào quang đều chiếu soi rất rõ vào đỉnh đầu của Như Lai. Những ai đã mở được Phật nhãn, những ai đã chứng được ba quả vị đầu của hàng A-la-hán¹ thì không hiểu được những gì họ thấy. Ngay cả những vị đã chứng được quả vị thứ tư cũng không hiểu được tường tận. Nguyên do họ không hiểu được là vì họ chưa bao giờ thấy việc này xảy ra trước đây. “Được điều chưa từng có” có nghĩa là họ chưa từng thấy điều như thế này xảy ra bao giờ.

Kinh văn:

於是阿難及諸大眾俱聞十方微塵如來異口同音告阿難言。

U thị A-nan cập chư đại chúng câu văn thập phương vi trần Như Lai dị khẩu đồng âm cáo A-nan ngôn.

Việt dịch:

Bấy giờ A-nan cùng đại chúng đều nghe các Đức Như Lai trong 10 phương nhiều như vi trần đồng thanh bảo A-nan rằng.

Giải thích:

Bấy giờ A-nan cùng đại chúng, chư vị Đại Bồ-

¹ Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm.

tát, Đại A-la-hán, Đại tử-khuru, đều nghe các Đức Như Lai trong mười phương nhiều như vi trần. Tất cả các vị này đã đồng nhất thành một, mỗi người là một phần của toàn thể. Cùng lúc họ đều nghe Đức Như Lai đồng thanh bảo A-nan rằng. Dù do nhiều vị nói, nhưng âm thanh là đồng nhất. Những điều các ngài nói không phải chỉ dành cho A-nan mà còn dành cho quý vị, cho tôi và cho những ai hôm nay đang nghe giảng kinh. Lời chỉ dạy này là phần rất rất quan trọng trong *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*. Nó liên quan với một điểm then chốt: vấn đề luân hồi sinh tử. Nếu quý vị hiểu được chương này, thì quý vị có thể nhanh chóng chấm dứt luân hồi sinh tử. Nếu quý vị chưa thể hiểu được, thì phải có gấp đôi nỗ lực và tinh tấn trong việc tu học.

Kinh văn:

善哉阿難。汝欲識知俱生無明 使汝輪轉生死結根，唯汝六根更無他物。

Thiện tai A-nan! Nhữ dục thức tri câu sinh vô minh sử nhữ luân chuyển sanh tử kết căn, duy nhữ lục căn cánh vô tha vật.

Việt dịch:

Hay thay, A-nan! Ông muốn biết câu sinh vô minh là đầu mối khiến ông phải luân hồi sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông chứ không phải là cái gì khác.

Giải thích:

Những lời này làm cho vấn đề trở nên hoàn toàn rõ ràng như pha lê. Thật đơn giản vì nó vốn như vậy. Nếu bây giờ quý vị thật sự hiểu được, quý vị sẽ được giải thoát ngay tức khắc. Nếu quý vị chưa hiểu được, thì phải tham cứu thật kỹ. Chư Phật Như Lai khắp mười phương nhiều như vi trần đồng thanh giảng nói cho A-nan, đầu tiên hết là tán thán A-nan. **“Hay thay, A-nan!”** Như cách người ta hay khuyến khích trẻ con. “Con là đứa bé ngoan. Con rất giỏi, con thật thông minh!” trước tiên các khen và khuyến khích để gây sự chú ý. Và khi đã có sự chú tâm rồi thì chư Phật mới tuyên bày nghĩa chân thật. “A-nan! Ông rất thông minh, vì ông muốn **biết câu sinh vô minh**. Ông muốn nhận biết những đạo lý chân thật về vô minh vốn đã có trong ông từ khi vừa mới sanh ra.” Đó cũng chính là nói đến “câu sanh vô minh.” Nó chính là **đầu mối khiến ông phải luân hồi sinh tử** trong sáu nẻo luân hồi, bập bênh lên xuống, vừa sinh ra ở đây lại chết đi ở chỗ kia, rồi lại sinh ra, rồi lại chết đi ở một nơi khác. Trong đời này có thể sinh làm người Tây phương, nhưng đời sau lại sinh làm người Trung Hoa, rồi đời sau là người Nhật Bản, rồi trong đời khác là người Ấn Độ, và đời sau nữa là người Ấn Độ; đời sau nữa là người Phi Châu. Ai là tác nhân để đưa quý vị ra đời như vậy? Ai có thể biết để báo cho người khác rằng mình sẽ là người Nhật Bản trong đời sau? Ai có thể nói cho người khác rằng mình sẽ là người Trung Hoa? Ai có thể biết để báo

cho người khác rằng mình sẽ là người Đông phương hay Tây phương, hay là người miền Bắc hoặc miền Nam? Chẳng có gì khác ngoài câu sinh vô minh của quý vị làm được việc ấy. Vì có vô minh, nên người ta khởi lên si mê, và do có si mê nên tạo ra nghiệp. Do tạo nghiệp nên phải chịu quả báo. Chẳng hạn, “Trong đời này tôi phải đi Phi Châu. Có rất nhiều kim cương ở đó. Ở Bờ biển vàng (Gold Coast) có nhiều của cải hơn ở Mỹ. Ở đó vẫn chưa ai khai quật, tôi sẽ đến đó để đầu tư, tôi sẽ giàu có, phải không? Tôi sẽ là người giàu có nhất thế giới.” Từ suy nghĩ hư vọng đó mà quý vị tạo nên chuyện đi hư vọng và chấm dứt ở Phi Châu, để phát triển Bờ biển vàng và tìm kiếm kim cương. Những ai thích Châu Mỹ sẽ đi đến Châu Mỹ, Những ai thích Châu Úc sẽ đến Châu Úc, những ai thích Châu Âu sẽ đến Châu Âu, những ai thích Châu Á sẽ đến Châu Á. Đó là tùy vào quý vị. Bất kỳ quý vị tạo nghiệp gì, quý vị phải nhận lãnh quả báo ấy. Quý vị đến đó với tư cách là con người và một khi đã đến nơi rồi thì quý vị không còn biết điều gì đã xảy ra. Và thế là quý vị không biết là sắp đến mình sẽ hưởng đến điều gì. Giác mộng làm giàu đã tiêu tan, nhưng quý vị vẫn chưa thức tỉnh. Thật là đáng thương xót, phải không? Giác mộng làm giàu không bao giờ chấm dứt, đến lúc sắp chết, việc tìm kiếm kim cương chưa xong, nhưng mạng sống đã kiệt cùng.

Nó chính là sáu căn của ông chứ không phải là cái gì khác. Cội gốc của luân hồi sinh tử trở nên kết

thắt lại thành nút mà từ đó quý vị không thể nào thoát ra được. Đó là cái gì? Chẳng gì khác hơn chính là trò lừa dối của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của quý vị. Sáu cái này khiến chó quý vị phải sinh ra và chết đi. Quý vị có biết điều ấy không? Chẳng có ai khác chịu trách nhiệm cả. Điều gì khiến cho chúng ta phải điên đảo, sinh liên tục sinh rồi tử tiếp nối tử, đơn giản chính là sáu căn của mình.

Sao vậy? Mắt thấy sắc trần rồi bị xoay chuyển bởi chúng. Tai nghe âm thanh rồi truy tìm theo chúng. Mũi ngửi mùi hương rồi quẩn luyến theo đó. Lưỡi nếm hương vị ngon rồi tham đắm vào đó. Thân thích xúc chạm rồi theo đuổi vật mà nó tiếp xúc. Tâm thức thích thú với pháp trần và truy đuổi theo đó. Hãy nói cho tôi biết, có bao nhiêu thứ mà quý vị hoàn toàn có? Rất nhiều. Đi theo sau sáu căn, quý vị trở nên bị phân thành sáu phần. Quý vị giống như một công ty có sáu doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp chiếm dụng một khoản tiền nhỏ cho đến khi công ty bị vỡ nợ. Thế nên công ty phải chết non. Phá sản. Sụp đổ, tiêu tan. Với số vốn nhỏ vừa mới bị mất, quý vị bối rối không biết mình sẽ đi đâu để mở công ty khác. Thế là quý vị đi khắp nơi để mở công ty mới. Và ở nơi mới quý vị lại làm một việc như xưa. Sáu ông chủ trong các doanh nghiệp mới của họ mong rằng họ sẽ làm được việc tốt đẹp, nhưng rút cục họ không làm được, và công việc lại kết thúc. Đó là nơi phát sinh

vấn đề luân hồi sinh tử. Trước đây trong kinh điển, Đức Phật đã khuyên răn, “Các ông chỉ cần không theo.” Quý vị không nên theo tâm phân biệt. Quý vị không nên theo đuổi hoạt động của sáu căn, sáu trần, sáu thức. Không đi theo chúng, Quay hướng vào bờ.

Khó hải mang mang

Quay đầu là bờ.

Quay đầu lại là thấy bờ bên giác ngộ. Nếu quý vị không quay đầu, thì càng bối rối, quý vị càng dần sâu vào mê muội. Dần vào mê muội càng sâu, quý vị càng nhiều bối rối. Quý vị mắc nợ rất nhiều người, và tài khoản của quý vị không bao giờ quân bình. Nay quý vị đã nhận ra sáu căn, không nên nhận giặc làm con. Đừng xoay quanh trục sáu căn ấy nữa. Hãy quay trở lại. Hãy trở về. Về đâu? Về giảng đường để nghe Phật pháp.

Kinh văn:

汝復欲知無上菩提令汝速登安樂解脫寂靜妙常，亦汝六根更非他物。

Nhữ phục dục tri vô thượng bồ đề linh nhữ tốc đăng an lạc giải thoát tịch tĩnh diệu thường, diệc nhữ lục căn cánh phi tha vật.

Việt dịch:

Ông cũng muốn biết Vô thượng bồ-đề khiến ông mau được giải thoát an lạc vắng lặng diệu thường, đó cũng chính là sáu căn của ông, chẳng phải gì khác.

Giải giải:

Ngay trước đoạn kinh này, kinh văn nói rằng chính sáu căn là nguyên nhân khiến cho quý vị trải qua luân hồi sinh tử, khiến sinh khởi vô minh, tạo nghiệp, và phải chịu quả báo. Nhưng quý vị không nên xem thường sáu căn. Quý vị không thể nói, “Mày là sáu thứ thật đáng ghét! Ta sẽ móc mắt mình ra rồi quăng đi chỗ khác. Ta sẽ cắt bỏ hai lỗ tai và liệng bỏ chúng đi. Ta sẽ cắt bỏ mũi và lưỡi mình. Đúng vậy, ta sẽ cắt thân ta thành từng phần và nghiền nát xương thịt làm thành một. Ta sẽ cắt tim ta thành từng miếng nhỏ rồi rải vào không gian, trả nó về cho hư không vô biên.”

Thái độ ấy cũng là một sai lầm. Người đã phát tâm tu đạo rồi không nên khởi tâm căm giận. Dù mất tai mũi lưỡi thân ý không đổi xử tốt đẹp với quý vị—giống như trong doanh nghiệp—chúng nó đều là những kẻ biển thủ, quý vị vẫn không được khử bỏ chúng. Tại sao lại không được làm như vậy? Bởi vì, dù bây giờ chúng không được tốt, nhưng chúng sẽ giúp cho quý vị nếu chúng thay đổi. Nếu chúng không đóng vai kẻ biển thủ, thì chúng sẽ giúp cho quý vị làm giàu.

Đoạn kinh này nói rằng nếu quý vị trở nên giác ngộ đạt được chân tánh diệu thường, an lạc và vắng lặng, đó chính là do sáu căn đem lại. Chính là phải tri ân chúng đã làm nên việc ấy.

Điều này cũng như ví dụ nước và băng. Nước có

thể ở trong thể lỏng hay thể rắn, nó cũng có thể làm lợi ích hoặc gây tai họa cho con người. Thế nên quý vị không được nổi giận và không nên nói rằng ta không cần đến tai và mắt của mình nữa. Nếu quý vị không cần đến mắt nữa, thì quý vị trở thành người mù. Nếu quý vị không cần đến tai mình nữa, thì quý vị trở thành người điếc. Nếu quý vị không cần đến mũi mình nữa, thì quý vị trở thành người kỳ dị. Nếu quý vị không cần đến lưỡi mình nữa, thì quý vị chẳng nói được, và nếu quý vị không cần đến thân mình nữa, thì quý vị chẳng đạt được điều gì cả, quý vị sẽ trở về lại với ngoan không. Quý vị cũng chẳng làm gì được nếu không có sự đào luyện tâm linh. Thế nên, chư Phật trong 10 phương nay đều nói với A-nan: “**Ông cũng muốn biết** phương pháp để mở các nút, phải không?”

Quý vị hãy lưu ý rằng hai phẩm kinh này không phải chỉ do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói. Mà chính là do chư Phật trong mười phương nhiều như vi trần—vô lượng vô biên chư Phật—nay cùng nói với A-nan. ‘Rất tốt, A-nan, ông là người thành tâm. Ông thực là người chí thành trong tu tập. Ông cũng muốn biết **Vô thượng bồ-đề.**’

Chữ ‘bồ-đề’ ở đây chỉ cho cái nhân của tu tập để được giác ngộ. Không nên hiểu là quả vị bồ-đề trong trường hợp này. Có nghĩa là ‘Ông cũng muốn phát tâm Vô thượng bồ-đề để đạt được quả vị bồ-đề, **khiến ông**

mau được giải thoát an lạc vắng lặng diệu thường. Tôi cho rằng ở đây mọi người hiểu chữ ‘mau’ là nhanh chóng thành Phật càng sớm càng tốt. Bốn đức niết-bàn¹ được đề cập ở trong đoạn kinh này. ‘An lạc’ là chân lạc, còn ‘tự tại’ là đức tính của chân ngã. Nếu quý vị còn có một cái ngã, thì quý vị không thể có được tự tại. Nếu quý vị muốn đạt được giải thoát, quý vị phải giải trừ cái ngã ấy. ‘Vắng lặng’ biểu tượng cho ‘chân tịnh’. ‘diệu thường’ biểu tượng cho chân thường. “Đây là Bốn đức niết-bàn vô dư y, và **cũng chính là sáu căn của ông, chẳng phải gì khác.** A-nan, ông có nhận ra không?”

Nhưng sau khi chư **Phật** trong mười phương đã nói pháp này, A-nan vẫn chưa hiểu. Khi quý vị đang trong mê muội, thì dù người khác có sáng suốt giảng bày, quý vị vẫn không thể nào tự mình sáng ra được. “Thế thì nghĩa của nó như thế nào? Luân hồi sinh tử chính là do sáu căn gây ra, nhưng để tu tập giác ngộ giải thoát và chứng được đạo quả, thì cũng từ sáu căn. Bằng cách nào mà sáu căn này được biểu hiện, qua cái gì là tốt, qua cái gì là xấu? A-nan không hiểu, nhưng con người thì có thể gồm cả thiện lẫn ác. Ngày nay có người cảm thấy mình là thiện, muốn giúp đỡ mọi người. “Tôi muốn giúp đỡ người nghèo.” Anh ta nghĩ như vậy và lấy tiền của đem ra bố thí. Nhưng ngày hôm sau anh ta bỏ ý nghĩ

¹ Niết-bàn tứ đức: Chân thường, Chân lạc, Chân ngã, Chân tịnh.

ấy, “Ngày hôm qua ta đã cho khá nhiều tiền, hôm nay ta không muốn phí phạm như vậy nữa, Ta sẽ dùng súng đi cướp của.” Thế là anh ta trở thành người xấu. Cũng là anh ta. Ai là người tạo việc ác? Cũng chính là anh ta.

Tôi muốn nhấn mạnh với quý vị rằng, chính con người trở thành ma quỷ, thì cũng chính con người ấy sẽ trở thành Phật. Vì phần lớn người Mỹ không tin vào ma quỷ. Thế tại sao ta trở thành ma quỷ dù mình không tin vào điều ấy. Vì tôi không phải tôi là ma quỷ, nên không thể nói về về việc ấy. Nếu quý vị đã tin vào Đức Phật, thì quý vị cũng nên tin là có ma quỷ. Nói chung, Phật cũng từ ma quỷ mà có. Nếu quý vị làm việc thiện, thì quý vị sẽ trở thành Phật. Còn nếu quý vị làm việc ác, thì quý vị sẽ có kết quả là ma. Cùng một ẩn dụ như trên, sáu căn khiến cho quý vị phải chịu luân hồi sinh tử; sáu căn cũng giúp cho mình chứng được đạo quả. Nếu không có ma quỷ thì chẳng có con người, và cũng chẳng có Phật. Chẳng có gì hết thảy, và thế giới sẽ đi đến chỗ huỷ hoại. Những ai nói rằng họ tin vào Phật mà không tin có ma quỷ là những người quá nông cạn, nên dù Đức Phật có thị hiện trên đời, thì ngài cũng không thể nào giáo hóa họ được. Đức Phật đã chỉ dạy trong kinh điển rõ ràng là có các loài ma quỷ, tại sao quý vị không tin là có loài ấy?

Quý vị có ý kiến rằng, “Các tôn giáo khác cũng có nói về ma quỷ đấy thôi!” Nhưng quý vị lại không có quan điểm dứt khoát của chính mình, là quý vị tin không

có ma quỷ chỉ vì các tôn giáo khác nói như vậy. Nguyên nhân để các tôn giáo khác nói về ma quỷ là vì ma quỷ có thực. Chỉ với nguyên nhân quý vị không tin vào các tôn giáo khác, không có nghĩa là quý vị bác bỏ hết những điều chân thực trong học thuyết của họ, như sự tồn tại của loài ma quỷ. Nhiều người nghĩ rằng mình thông minh nhưng thực ra họ rất đần độn. Không phải chỉ vì họ không hiểu giáo pháp đạo Phật, mà vì họ không hiểu được sự tồn tại của con người. Thật đáng thương!

Kinh văn:

阿難雖聞如是法音，心猶未明。稽首
白佛：云何令我生死輪迴安樂妙常同是
六根，更非他物？

*A-nan tuy văn như thị pháp âm, tâm do vị minh.
Khê thủ bạch Phật: Vân hà linh ngã sinh tử luân hồi an
lạc diệu thường đồng thị lục căn, cánh phi tha vật?*

Việt dịch:

A-nan tuy nghe được pháp âm như vậy, nhưng tâm chưa rõ. Cúi đầu bạch Phật: “Tại sao chính sáu căn khiến cho con phải chịu luân hồi sinh tử, và cũng chính sáu căn khiến cho con được an lạc diệu thường chứ không là cái gì khác?”

Giải thích:

A-nan nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và chư Phật trong mười phương nhiều như số vi trần, đồng thanh nói

rằng cội gốc của luân hồi sinh tử chính là sáu căn, và căn nguyên để có được tịnh lạc diệu thường cũng chính là do sáu căn chứ không phải là cái gì khác. Nhưng A-nan không hiểu. **A-nan tuy nghe được pháp âm như vậy, A-nan nghe được pháp âm vi diệu bất khả tư nghì, nhưng tâm chưa rõ.** Và do tâm chưa thông, nên **Cúi đầu bạch Phật—A-nan cúi đầu đánh lễ Đức Phật—Tại sao chính sáu căn khiến cho con phải chịu luân hồi sinh tử—quay vòng mãi trong vòng sinh tử—và cũng chính sáu căn khiến cho con được an lạc diệu thường—A-nan đề cập đến cả hai vấn đề thường và lạc—chứ không là cái gì khác? Con không hiểu nguyên lý này?**

Kinh văn:

佛告阿難，根塵同源，縛脫無二。識性虛妄猶如空花。

Phật cáo A-nan, căn trần đồng nguyên, phược thoát vô nhị. Thức tính hư vọng do như không hoa.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan: “Căn và trần đồng một gốc, trói và mở chẳng phải là hai. Bản tính của thức là hư vọng, như hoa đốm giữa hư không.”

Giảng giải:

Đức Phật bảo A-nan: “Căn và trần đồng một gốc.” Sáu căn, sáu trần, sáu thức đều có cùng một gốc. Nếu không có sáu căn, sẽ không có sáu trần; nếu không

có sáu trần, sẽ không có sáu thức. Cả ba là một, một mà ba. **Trói và mở chẳng phải hai.** ‘Trói’ chỉ cho nút buộc, ‘mở’ chỉ cho sự gỡ nút. Hai việc này là chẳng phải hai (bất nhị). Không có sự khác biệt nào cơ bản giữa chúng. Trói là mở, mở là trói. Khi quý vị chưa thông hiểu, thì đó là trói, Khi quý vị đã hiểu rồi, thì đó là giải thoát, là các nút đã được gỡ ra. Tất cả đều tùy vào khả năng của quý vị. **Bản tính của thức là hư vọng.** Bản tính của sáu thức là không có thể tướng nhất định. **Như hoa đốm giữa hư không.** Quý vị có còn nhớ người bị bệnh nhắm mắt không? Do nhìn lâu mà hoá ra bị mờ mắt và thấy có các hoa dạng lạ kỳ trong hư không. Chính nó hoàn toàn không có thực. Có thấy cái gì đẹp, cũng hoá thành xấu. Tương tự như vậy, con người có thể vừa thiện vừa ác. Dù ‘thiện’ và ‘ác’ là hai từ khác nhau, nhưng đều chỉ chung cho một người.

Kinh văn:

阿難，由塵發知，因根有相。相見無性，同於交蘆。

A-nan, do trần phát tri, nhân căn hữu tướng. Tướng kiến vô tánh, đồng u giao lô.

Việt dịch:

A-nan, nhân nơi trần mà phát ra cái biết (của căn), nhân các căn mà có tướng (của trần). Tướng (phần sở kiến) và kiến (phần năng kiến) đều không có tự tính, như bó lau gác vào nhau.

Giảng giải:

A-nan, nhân nơi trần mà phát ra cái biết (của căn). Tri thức phân biệt sinh khởi là do sáu trần. Nhân các căn mà có tướng (của trần). Tướng của sáu trần sinh khởi là do ở sáu căn. Tướng (*phần sở kiến*) và kiến (*phần năng kiến*) đều không có tự tính, như bó lau gác vào nhau. Kiến (*phần*) ở đây là chỉ cho trần (đối tượng của cái biết; e: sense-awareness) như đã được đề cập trước tiên. Cả tướng (*phần sở kiến*) và kiến (*phần năng kiến*) đều không có tự tính. Tướng biểu hiện ra chỉ vì do sáu căn hiệp với sáu trần; do vì điều ấy không thực; nó hoàn toàn là hư vọng. Kiến cũng là hư vọng. Nó ‘như bó lau tựa vào nhau.’ Các bó lau ở đây chỉ cho một căn gốc chung, từ đó mà hai cọng lau mọc lên. Nó chỉ có thể đứng được nếu chúng là hai, một cọng sẽ rơi nếu cọng kia ngã xuống. Sáu căn, sáu trần, sáu thức cũng tương tự như vậy. Căn và trần phải cùng tác dụng lẫn nhau để tạo nên sáu thức. Chỉ riêng một thứ sẽ không đứng vững được. Một ẩn dụ khác nữa, bó lau ví như cái hồ sâu, nên khi nhìn xuống, dường như có gì ở trong đó, nhưng trong đó hoàn toàn chẳng có gì cả. Điều ấy biểu tượng cho tính chất hư vọng của sáu căn và sáu trần.

Kinh văn:

是故汝今知見立知即無明本。知見無，見斯即涅槃。無漏真淨。云何是中更容他物？

Thị cố như kim tri kiến lập tri tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức niết-bàn vô lậu chân tịnh. Vân hà thị trung cảnh dung tha vật?

Việt dịch:

Vậy nay chính ông ngay nơi tri kiến, lập nên tướng tri kiến, đó tức là cội gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh niết-bàn. Làm sao trong ấy còn có vật gì khác?

Giải đáp:

Vậy nay chính ông ngay nơi tri kiến, lập nên tướng tri kiến. Các ông lập nên một tri kiến khác trên cái tri kiến vốn đã là hư vọng. **Đó tức là cội gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh niết-bàn.** Ông đã nhận ra rằng tri kiến của mình vốn là không có tự thể, thế nên ông không khởi một niệm tướng nào căn cứ trên tri kiến ấy. Ngay trong tri kiến ấy mà không khởi một niệm tướng phân biệt nào chính là tương ưng với Đạo. Đó chính là niết-bàn **vô lậu chân tịnh. Làm sao trong ấy còn có vật gì khác?** Trong chỗ vắng bật tri kiến, làm sao còn dung chứa một thứ gì khác? Nơi ấy chính là bản nguyên thanh tịnh pháp giới. Tại sao ông lại muốn đưa thêm một thứ gì nữa vào trong đó? Tại sao lại chồng thêm tri kiến lên trên tri kiến? Nguyên lý này cũng như trong đoạn kinh trước đã nói, “*Bản giác vốn là diệu minh, nhưng hư vọng nên thành minh giác.*”¹

¹ Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quyển 4.

Kinh văn:

爾時世尊欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

Việt dịch:

Bây giờ Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Giảng giải:

Bây giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, ngài biết rằng A-nan vẫn chưa hiểu được lời giải đáp cho câu hỏi của của A-nan, nên **Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này, nên nói kệ rằng**. Kệ có một số âm tiết nhất định trong từng dòng, có thể gồm 5, 6 hoặc 7 âm tiết trong tiếng Hán.

Kinh văn:

真性有為空
緣生故如幻
無為無起滅
不實如空花。

*Chơn tánh hữu vi không
Duyên sanh cố như huyền
Vô vi vô khởi diệt,
Bất thật như không hoa.*

Việt dịch:

Trên phương diện chân tánh, các pháp hữu vi là không.

Vì duyên sanh, nên chúng như huyễn.

Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt.

Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không.

Giải thích:

Trên phương diện chân tánh, có nghĩa là trên phương diện vắng bật mọi hư vọng. Hư vọng, tuy vậy, lại nương nơi chân tánh mà hiện hữu. Thế nên, **các pháp hữu vi** sinh khởi từ chân không (true emptiness). Nhưng bản chất của các pháp hữu vi là không (sūnya).

Vì duyên sanh, nên chúng như huyễn. Các pháp hữu vi sinh khởi khi hội đủ nhân duyên. Nhưng, khi nhân duyên sinh khởi, thì chúng cũng sẽ diệt. Thế nên, bản thể của các pháp là không (sūnya). Đó là lý do tại sao nói rằng các pháp như huyễn.

Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt.

Quý vị cho rằng thể tánh các pháp hữu vi là *không*, thế thì các pháp vô vi thì sao? Thể tánh của chúng có phải là *không* chăng? Đúng vậy. Chúng không sinh không diệt.

Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không. Chúng không có một thực thể nhất định; chúng không có thực, giống như hoa đốm giữa hư không.

Kinh văn:

言妄顯諸真
妄真同二妄

猶非真非真
云何見所見?

*Ngôn vọng hiển chư nhơn,
Vọng chơn đồng nhị vọng,
Do phi chơn phi chơn,
Vân hà kiến sở kiến?*

Việt dịch:

Nói vọng để hiển bày cái chơn.

Vọng chơn đều là vọng.

(Chân lý) vốn chẳng phải chơn lẫn chẳng phải phi chơn.

Làm sao có năng kiến, sở kiến?

Giải:

Nói vọng để hiển bày cái chơn. Tại sao chúng ta nói về cái vọng? Đó là để hiển bày tất cả các pháp là chân thực. Nhưng chân và vọng là đối đãi, thế nên chúng không phải là pháp cứu cánh. Trong *Chúng đạo ca*,¹ Đại sư Huyền Giác nói:

*Chân bất lập, vọng bản không,
Hữu vô câu khiến, bất không không.²*

Chẳng có cái gì là chân. Vọng vốn là không, nhưng cái chân cũng không có thực. Cái gì được gọi

¹ The Great Master Yong Jia's *Song of Enlightenment*

² 真不立妄本空,
有無俱遣不空空.

là chân? Cái chân đã không tồn tại. Cũng chẳng có cái hữu hoặc cái vô. Quý vị phải làm cho không cái chẳng không: đây là nguyên lý tương tự. Cái vọng được nói ra là để hiển bày cái chân. Nhưng chân và vọng mà quý vị nói đó đều là vọng. Chúng không thực. Nếu chúng là chân thực. Nếu chúng là chân thực, làm sao lại có cái vọng trong chúng? Chẳng có cái gì trong đó cả: đó là chân không pháp giới. Đó là ‘nhất chân pháp giới’ là ‘chân như pháp giới.’ Trong đó chẳng một pháp nào được lập cả. Ngay khi quý vị nói về chân bằng cách so sánh chân với vọng, thì chân liền trở thành vọng. Cái chân mà được nói đến đó chẳng còn là nguyên chân nữa. Cả hai đều là vọng vì chúng đối đãi nhau.

Trên lĩnh vực cứu cánh, Phật pháp là tuyệt đối; chẳng có nhị nguyên. Chân và vọng vẫn còn là mức độ đối đãi và nằm trong phạm trù nhị nguyên. Cái chân mà đối đãi với cái vọng thì chính nó cũng là vọng.

(Chân lý) vốn chẳng phải chơn lẫn chẳng phải phi chơn. Đức Phật giảng rằng nó như thể là chân, nhưng đó không phải là chân thật cứu cánh. Ngay khi có một danh xưng gán cho nó, thì nó đã là đệ nhị chân thật, chứ không phải là đệ nhất chân thật.

Làm sao có năng kiến, sở kiến? Làm sao quý vị có thể nói có năng kiến và sở kiến? Chủ thể của ‘kiến phần’ và 6 trần đối tượng của ‘tướng phần’ là những gì

được nhận biết—chẳng thể nói gì về chúng cả, vì chúng không hiện hữu.

Kinh văn:

中間無實性
是故若交蘆
結解同所因
聖凡無二路。

*Trung gian vô thật tánh,
Thị cố nhược giao lô.
Kiến giải đồng sở nhân,
Thánh phàm vô nhị lộ.*

Việt dịch:

(Thức) ở giữa (căn và trần), không có thật tánh.

Thế nên chúng giống như bó lau gác vào nhau.

Buộc và mở cùng một sở nhân.

Thánh và phàm chẳng phải hai đường.

Giải thích:

Ở khoảng giữa, vốn không thật tánh. Ở giữa chân và vọng—sáu căn, sáu trần, sáu thức—vốn thật chẳng có tự tánh. **Thế nên chúng giống như bó lau gác vào nhau.**

Buộc và mở cùng một sở nhân. Khi quý vị không hiểu, có nghĩa là quý vị bị trói trong các nút buộc và không thể nào mở ra được. Khi quý vị đã hiểu ra và được tự tại rồi thì quý vị thấy rằng cái nhân của cả nút buộc và việc mở ra đều như nhau. Không hiểu nên gọi là buộc,

hiểu rồi thì gọi là mở. **Thánh và phàm chẳng phải hai đường.** Thánh hiền và phàm phu chẳng phải là hai con đường khác nhau. Thánh là bậc đã thông hiểu nguyên lý của các pháp. Các vị đã thể hội mọi lĩnh vực của toàn thể pháp giới nên có trí huệ của bậc thánh. Người phàm phu khi chưa hiểu gì thì quay lưng lại với tánh giác ngộ sáng suốt và kết hợp với phiền não nhiễm ô. Thế nên hành phàm phu là *bối giác hiệp trần*. Bậc thánh là *bối trần hiệp giác*.

Nếu quý vị quay lưng với tánh giác ngộ sáng suốt, quý vị sẽ trở thành một với tướng phiền não nhiễm ô của các pháp hữu vi. Nhưng, cơ bản là bậc thánh và kẻ phàm phu không phải là hai con đường khác nhau.

Tại sao con đường của họ lại không khác nhau?

Một bên thì mê mờ và một bên thì tỉnh giác. Nhưng cội nguồn của mê mờ và giác ngộ là một. Ở đây chúng ta đang nói về chân lý cứu cánh :

Phi nhất thiết pháp

Ly nhất thiết tướng.

Kinh văn:

汝觀交中性
空有二俱非
迷晦即無明
發明便解脫。

*Nhữ quán giao trung tánh,
 Không hữu nhị cụ phi,
 Mê hồi tức vô minh,
 Phát minh tiện giải thoát.*

Việt dịch:

Ông hãy xem tính chất giữa các cọng lau giao nhau,

Đó chẳng phải là không và có.

Mê mờ nghĩa ấy, tức vô minh.

Hiểu ra nghĩa đó, tức là giải thoát.

Giảng giải:

A-nan, **Ông hãy xem tính chất giữa các cọng lau giao nhau.** Hãy quán sát thật kỹ các cọng lau tựa vào nhau—đặc biệt là tính chất tự nhiên ở giữa chúng. Tính chất gì mà các cọng lau có được? Chẳng có gì cả. Chẳng có cái có cái không gì rõ rệt ở giữa đó cả. **Đó chẳng phải là không và có.** Quý vị có thể nói rằng đó là không, nhưng cũng có cái gì ở đó. Quý vị có thể nói rằng nó có, nhưng thực tế lại chẳng có gì cả. các cọng lau giao nhau biểu tượng cho tính chất không hiện hữu (vô) của cả hai pháp pháp hữu vi và pháp vô vi. Quý vị nên lưu ý điểm này.

Mê mờ nghĩa ấy, tức vô minh. Điều có nghĩa là với sáu căn của mình, khi quý vị không nhận ra, khi quý vị chưa tỉnh giác, thì quý vị là kẻ mê mờ về chân không. Mê muội phát sinh từ ngoan không, đó là nơi

mà vô minh phát khởi. Trong chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể, mê muội phát sinh thành vô minh. **Hiểu ra nghĩa đó, tức là giải thoát.** Nếu quý vị khám phá ra điều này, thì chẳng còn vô minh nữa. Quý vị phát minh ra tự tánh giác ngộ sáng suốt bản hữu của mình. Điều phát minh này chính là sự giải thoát.

Trong quá khứ, có một vị tăng tu thiền, nghe có vị cao tăng giác ngộ với đạo hạnh cao tốt, vì tăng ấy liền đi tìm đến bậc cao tăng Thiền sư để cầu được khai thị. Trong đạo Phật, việc cầu được khai thị là việc thông thường. Đó chẳng phải là chuyện đưa ra một câu hỏi bất chợt rồi có được đáp lại bằng một câu trả lời ngẫu nhiên. Vì lời khai thị được đưa ra nhằm mục đích chấm dứt luân hồi sinh tử, nên toàn bộ vấn đề được thâm cứu một cách toàn triệt. Trước hết, cần nhất là quý vị phải mang y hậu và toạ cụ, bỏ đoàn theo mình. Khi đến nơi trụ xứ của vị Thiền sư, quý vị đắp y hậu nghiêm chỉnh, trái toạ cụ ra, đánh lễ vị Thiền sư ba lần, rồi quý vị gồi chấp tay. Sau đó quý vị mới thưa hỏi những điều mình chưa rõ.

Vị tăng ấy hỏi điều gì? Ông ta hỏi làm sao để được giải thoát. Ông ta mong cầu được tự tại. Làm thế nào để được giải thoát. Đó là vấn đề ông ta muốn hỏi vị Lão Hoà thượng, những là vị Trưởng lão có giới hạnh và niên hạ cao trong tăng chúng.

Vị tăng thưa rằng: “Bạch Hoà thượng, xin ngài hoan hỷ chỉ do con làm thế nào để được giải thoát?”

Lão Hoà thượng hỏi lại: “Thế ai đang trói ông?”

Với câu trả lời ấy, vị tăng đi tham vấn trở nên giác ngộ. Có thực chỉ một câu mà khiến cho vị tăng giác ngộ chẳng? Cũng đúng và cũng không.

Quý vị sẽ hỏi, “Như thế là sao?”

Hầu như trong mọi trường hợp, mọi việc đều được xem từ cả hai mặt, và được giải thích theo nhiều cách khác nhau.

“Có phải đó chỉ là cách nói lãng hoặc nói mập mờ chẳng?”

Không phải vậy, nếu quý vị thực sự muốn đề cập đến đạo lý mà mình đang quan tâm. Trong trường hợp này, chúng ta có thể nói rằng, đúng là chỉ có một câu đã đem đến sự giác ngộ cho vị tăng, vì vị Lão Thiên sư khi nói câu ấy ngài đã thông suốt nhân duyên và đã khiến cho vị tăng đi đến chỗ phải hỏi về cách làm thế nào để được giải thoát. Lão Thiên sư biết câu trả lời của mình “Thế ai đang trói ông?” sẽ giúp cho vị tăng trực nhận tức thời— sự giác ngộ. Do vậy, Lão Thiên sư chọn câu trả lời theo cách ấy. Tuy vậy, có người đôi khi không được giác ngộ, dù vị thầy cũng mong muốn được như vậy. Lần này, Lão Thiên sư đã thành công với câu trả lời của mình, đã giúp cho đệ tử của mình ngộ đạo.

Mặt khác, làm thế nào để giải thích được rằng, chỉ trong một câu mà đã đem sự giác ngộ đến cho vị tăng? Thông thường, vị tăng này cơ bản đã công phu tọa thiền hằng ngày để phát triển định lực. Ông ta đã tu tập lâu năm nhưng vẫn chưa được thông suốt. Tuy vậy, hằng ngày vị

tăng này vẫn siêng năng tu tập và càng lúc trí huệ càng được phát huy. Tuy chưa thực sự đạt được giác ngộ nhưng cũng đã gần kề. Thế rồi chính câu trả lời của Lão Hoà thượng chính là cơ duyên đã giúp cho vị tăng đột nhiên chứng ngộ. Vị tăng đã hội đủ nhân duyên, và ngay lúc đó Lão Thiền sư khai thị cho, vị ấy liền nhận ra. Đó là:

*Mười năm thiền định trong núi vắng,
Chẳng bằng một lời chỉ điểm của minh sư.¹*

‘Minh sư’ có nghĩa là là ‘người sáng mắt’, là người đã có được ‘Phật nhãn.’ Một bậc Thiền tri thức như vậy có thể nhìn thông suốt nhân duyên. Vị ấy có thể giảng pháp khéo hợp đến mức có thể khiến cho nhân duyên được chín muồi. Thế nên quý vị có thể ngồi thiền 10 năm trong núi vắng, nhưng không bằng gặp được một vị minh sư điểm đạo cho mình.

Do vậy trong đạo Phật, được thân cận một vị minh sư là điều rất quan trọng. Trong số các vị Thiền sư trưởng lão, có rất ít vị chân thực là minh sư. Có thể họ là người thông thái, nhưng chưa hẳn là bậc ‘sáng mắt’ có nghĩa là, chưa hẳn họ đã được ‘khai ngũ nhãn.’² Quý vị đừng cho rằng đây là việc dễ làm. Thực vậy. Khai được Phật nhãn chắc chắn không phải như chứng được quả vị A-la-hán, mà đòi hỏi quý vị phải trồng nhiều căn lành trong quá khứ.

¹ Nguyên bản Hán văn: 悶坐十年山, 不如明師一指點。
Muộn tọa thập niên sơn, bất như minh sư nhất chỉ điểm.

² Xuất phát từ Kinh Kim Cang: Nhục nhãn 肉眼, Thiên nhãn 天眼, Huệ nhãn 慧眼, Pháp nhãn 法眼, Phật nhãn 佛眼.

Để có được Phật nhãn, quý vị phải nhất tâm tu tập pháp đại bi, đặc biệt là *42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp* (Forty-two Greatly Compassionate Hands and Eyes). Nếu quý vị nhiệt tâm tu tập pháp này thì có thể đạt được Phật nhãn. Đó là pháp ‘vượt cầu môn.’ Nếu một người đã đạt được Phật nhãn mà xuất gia, thì vị ấy sẽ cứu giúp cho rất nhiều chúng sinh, nhưng tất cả đều tùy thuộc vào nhân duyên. Những ai muốn có được Phật nhãn phải cực kỳ tinh tấn tu tập *42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp*. Đừng bỏ công phu dù chỉ một ngày. Và điều quan trọng nhất là quý vị không được hút thuốc khi tu tập pháp này. Nếu quý vị vẫn hút thuốc trong khi tu, thì các vị hộ pháp thiện thần (dharma-protecting good spirits) sẽ quả trách quý vị. Thế nên đừng tùy tiện việc ấy.

Tôi hy vọng rằng mọi người trong chúng đây sẽ rất tinh chuyên tu tập *42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp*. Đừng bao giờ lơ là dù chỉ một ngày. Tuy vậy, cũng phải cần đến vài ba năm công phu mới mong đạt được kết quả. Nếu quý vị đã từng tu tập trong đời trước rồi, thì tiến bộ sẽ rất nhanh. Quý vị sẽ rất sớm có được huệ nhãn.

Kinh văn:

解結因次第
 六解一亦亡
 根選擇圓通
 入流成正覺

*Giải kiết nhân thứ đệ,
Lục giải nhứt diệc vong,
Căn tuyền trạch viên thông,
Nhập lưu thành chánh giác.*

Việt dịch:

Mở nút phải theo thứ lớp

Khi sáu nút đã được mở, thì một cũng không còn

Nơi các căn, hãy chọn tính viên thông,

Được vào dòng, tức thành chánh giác.

Giải thích:

Mở nút phải theo thứ lớp. Nhất thiết phải theo thứ tự khi mở các nút.

Quý vị sẽ hỏi: “Làm thế nào để mở theo thứ tự từng nút? Nút đầu tiên bị thắt lại như thế nào?”

Đề bắt đầu, tánh Như Lai tạng vốn chẳng phải là đối tượng của sinh diệt. Nhưng tối tăm mê muội làm thành hư không (*hối muội vi không*). Ngay tại đó mà vô minh sinh khởi. Thế nên, mặc dù tánh Như Lai tạng là bất sinh bất diệt, nhưng nương nơi chân mà khởi vọng, theo đó là tâm đối tượng của sinh diệt phát sinh—đó là thức. Thức này phân thành thức thứ sáu, thức thứ 7, và thức thứ 8. Nhưng cội nguồn của thức thứ 8 vốn phát khởi từ vô minh, tạo ra các thứ sinh diệt, lại là tánh của Như Lai tạng, tánh Như Lai tạng này lại chẳng phải là đối tượng của sinh diệt. Căn nguyên của nó chính là *chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể*.

Do nương nơi chân mà khởi vọng, nên tánh Như Lai tạng biến thành A-lại-da thức, tức là thức thứ 8, còn gọi là tàng thức.

Thức thứ 8 là cơ sở hiện hữu của ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Do thức uẩn sinh khởi đầu tiên mà có hành uẩn. Đây là thức thứ 7, tức Mạt-na thức, còn gọi là truyền tổng thức. Thức này truyền đạt những thông tin từ thức thứ sáu vào thức thứ 8. Chính nó lập nên hành uẩn.

Uẩn tiếp theo là tướng uẩn; đây là thức thứ sáu, còn gọi là ý thức. Thọ uẩn là một trong năm thức đầu tiên: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức. Thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, mỗi thức tương ứng với một nút thắt. Sắc uẩn được kể là 2 nút, vì nó thô trọng hơn. Như vậy, sáu nút bắt đầu với thức thứ 8 và hoạt dụng thông qua thức thứ 7 và thức thứ sáu rồi thông qua năm thức giác quan. Với sự hiện hữu của ngũ uẩn mà ngũ trược được hình thành, tạo ra không biết bao nhiêu chướng ngại.

Nếu chúng ta muốn mở những nút này, trước hết, chúng ta phải dừng lại không đuổi theo sắc uẩn nữa. Một khi hai nút này đã được mở ra, thì các uẩn khác như thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng được dừng lại, sáu nút đều được mở. “Các nút phải được mở theo thứ tự,” bởi vì sắc uẩn là gồm những nút thô trọng, trong khi những uẩn khác, thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là cực kỳ vi tế.

“Thế tại sao chúng bắt đầu sự tạo thành từ bên trong rồi tiến hành sang bên ngoài?” Quý vị sẽ thắc mắc.

Vì thức thứ 8 là thức đầu tiên khởi niệm tương phân biệt. Tất cả đều bắt nguồn từ thức thứ 8. Ngũ uẩn và thức thứ 8 kết hợp chặt chẽ với nhau tạo thành nút buộc luân hồi sinh tử. Vì nó bắt đầu từ thức thứ 8, nên khi mở, phải bắt đầu từ sắc uẩn. Thứ tự này cũng giống như khi cởi áo quần, phải cởi từ lớp ngoài trước rồi lớp trong. Theo cách này, quý vị cởi từng lớp cho đến hết, như các nút được mở ra vậy. Đó là cách giải thích, nhưng thực tế là nếu quý vị cởi được một nút, thì năm nút kia cũng được mở ra luôn. Như trong bài kệ nói:

Khi sáu nút đã được mở, thì một cũng không còn. Khi sáu căn, tức là sáu nút đã được tự tại, thì cái một cũng biến mất luôn. Điều này sẽ được giải thích chi tiết trong đoạn văn sau.

Nơi các căn, hãy chọn tính viên thông. Phương pháp tu tập là áp dụng nỗ lực ngay từ cửa ngõ của sáu căn. Có nghĩa là, mắt không bị xoay chuyển bởi hình sắc, tai không bị xoay chuyển bởi âm thanh, mũi không bị xoay chuyển bởi hương thơm, lưỡi không bị xoay chuyển bởi mùi vị, thân không bị xoay chuyển bởi sự xúc chạm, thức không bị xoay chuyển bởi các pháp. Quý vị chuyển hoá ngay những gì xuất hiện nơi cửa của sáu căn. Quý vị hồi quang phản chiếu, không cần phải tìm cầu bên ngoài. Chỉ cần phòng hộ thân và tâm. Hãy tự tìm cầu ở trong chính mình

Để tu tập nơi sáu căn, quý vị phải chọn một căn

để dẫn đến viên thông. Đức Phật đã đặt nền móng cho phương pháp này. Ngài đã giảng giải về 1200 công dụng của mỗi căn và chỉ cho A-nan thấy căn nào hoàn chỉnh nhất. Chẳng hạn, nhãn căn là không hoàn chỉnh,¹ nhưng nhĩ căn thì được. Thiệt căn và ý căn cũng là những căn hoàn chỉnh. Có những căn hoàn chỉnh và có những căn thì không. Quý vị phải chọn một căn và phát huy công phu tu tập trên căn đó. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã ngầm ý bảo rằng nhĩ căn sẽ dẫn đến viên thông. Đức Phật mong A-nan tự quyết định trong sự lựa chọn; Đức Phật muốn A-nan tự mình tìm ra sự quyết định.

Tự chọn ra một căn viên thông và **được vào dòng, tức thành chánh giác.**

Nhập vào dòng pháp giới của bậc thánh. Nghịch với dòng sanh tử của phàm phu.²

Sau khi đã vào dòng (Nhập lưu) được rồi, mới có thể thành tựu chánh đẳng chánh giác.

Kinh văn:

陀那微細識
習氣成暴流
真非真恐迷
我常不開演

¹ Vì nhãn căn chỉ có 800 công đức, nhĩ căn có 1200 công đức. Xin xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm quyển 4.

² Nguyên văn: 入聖人之法界流, 逆凡夫之生死流 *Nhập thánh nhân chi pháp giới lưu, Nghịch phàm phu chi sinh tử lưu.*

*Đà-na vi tế thức,
Tập khí thành bộc lưu.
Chơn phi chơn khùng mê,
Ngã thường bất khai diễn.*

Việt dịch:

Thức A-đà-na rất vi tế.¹

(Khiến cho) tập khí chảy như dòng nước xiết

E rằng sẽ lầm đó là chơn hay phi chơn

Nên Như Lai thường không nói đến

Giải thích:

Đây là giáo pháp mà Đức Phật hiếm khi nói đến. “Như Lai thường ít khi giảng giải cho các ông toàn bộ vấn đề này.” Quý vị hãy tưởng tượng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng giải giáo pháp này cho hàng Đại A-la-hán, Đại Bồ-tát, Đại tử-khuru. Thế mà nay chúng ta lại có dịp thuận tiện để nghe được giáo pháp vi diệu do chính Đức Phật giảng nói!

Thức A-đà-na rất vi tế. Đây là một thức rất vi tế, thậm chí còn hơn cả thức thứ 8. Thức A-đà-na còn gọi là ‘Bạch tịnh thức.’ Đó chính là chủng tử thanh tịnh. **(Khiến cho) tập khí chảy như dòng nước xiết.** Thức tinh nhạy và vi tế này đặc biệt tạo nên những tập khí cuộn cuộn chảy như dòng nước xiết. Đây chính là cội nguồn

¹ Kinh Giải thâm mật: *A-đà-na thức thậm vi tế. Nhất thiết chủng tử thành bộc lưu, Ngã ư phạm phu bất khai diễn, Khùng bi phân biệt chấp vi ngã.*

luân hồi sinh tử. Ngay khi một niệm hư vọng sinh khởi trong phương diện *nhất chân* của thức vi tế này, thì đó là một niệm vô minh; trở lại, nó khiến cho tập khí cuộn cuộn dấy lên và chảy như dòng nước xiết. Không có gì có thể ngăn cản được dòng tập khí này. Dòng nước chảy xiết ở đây dụ cho luân hồi sinh tử của chúng ta. Sinh ra rồi hoại diệt, sống rồi chết, đời này sang đời kia, có khi làm người, có khi làm thú, có khi làm chúng sinh ở cõi trời, có khi đọa vào địa ngục, xoay vần không ngừng nghỉ— đó là tập khí đang tuôn chảy như dòng thác.

E rằng sẽ lầm đó là chơn hay phi chơn

Nên Như Lai thường không nói đến

“Tại sao giáo pháp chân thực không nói về vấn đề này? Tại sao Như Lai không diễn bày giáo pháp vi diệu chân thực này cho các ông? Như Lai e ngại rằng chúng sinh sẽ cho rằng cái chân là hư vọng, và cho cái hư vọng thành ra chân thật. Chẳng hạn, các ông cứ muốn ‘*minh*’ lại ‘*tánh giác*’,¹ do vậy, nên các ông chỉ làm tăng thêm cái mê, trên cái mê lại chất chồng thêm cái mê và trở thành hai lần mê muội.”

“Thông thường Như Lai không giảng bày giáo pháp vi diệu này. Như Lai chỉ giảng nói giáo pháp Tiểu

¹ Xin xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm quyển 4... 佛言，汝稱覺明，為復性明，稱名為覺；為覺不明，稱為明覺？*Phật ngôn, như xưng giác minh, vi phục tánh minh, xưng danh vi giác; vi giác bất minh xưng vi minh giác?*
 Và: 性覺必明，妄為明覺。 *Tánh giác tất minh, vọng vi minh giác.*

thừa cho những đệ tử có căn cơ (hợp với) Tiểu thừa. Giáo pháp Đại thừa chân thực vi diệu là điều trước đây Như Lai chưa từng nói. Như Lai chưa nói là vì các ông là những người có căn tánh Tiểu thừa, chưa đủ căn cơ để nghe. Các ông chưa chuyển tâm nguyện từ Tiểu thừa sang Đại thừa, Thế nên mỗi khi Như Lai muốn diễn bày pháp này, Như Lai phải trì hoãn lại.”

Kinh văn:

自心取自心，
非幻成幻法
不取無非幻，
非幻尚不生
幻法云何立，
是名妙蓮華
金剛王寶覺，
如幻三摩提。

*Tự tâm thủ tự tâm,
Phi huyễn thành huyễn pháp,
Bất thủ vô phi huyễn,
Phi huyễn thượng bất sanh,
Huuyễn pháp vân hà lập?
Thị danh diệu liên hoa,
Kim cang vương bảo giác.
Như huyễn tam-ma-đề,*

Việt dịch:

Tự tâm chấp lấy tự tâm

Vốn không phải huyền, lại thành pháp huyền.

Chẳng thủ trước, thì chẳng có gì là phi huyền

Phi huyền còn chẳng sinh

Pháp huyền làm sao lập?

Đó gọi là diệu liên hoa

Kim cang vương bảo giác

Giảng giải:

Tự tâm chấp lấy tự tâm. Chúng sinh vốn không nhận ra được kiến phần và tướng phần vốn chỉ là biểu hiện từ tự tâm,

Tam giới duy tâm.

Vạn pháp duy thức.

Không nhận ra được các pháp từ tâm biến hiện, nên trở lại chấp lấy kiến phần; có nghĩa là chấp lấy quan niệm chủ quan của riêng mình—là thức thứ 8. Tướng phần là chỉ cho ngoại cảnh. Vốn tướng phần và kiến phần cả hai đều là hư vọng. Chúng chỉ ảnh tượng hư giả trong tâm mình. Nhiều người không thể tin được rằng chúng sẽ quay trở lại bản tính tự chiếu soi, mà họ chỉ mong tìm cầu bên ngoài. Đối với chân tâm, họ mê mờ và chạy đuổi theo cái hư vọng. Nếu quý vị nhận ra được vạn pháp chỉ là sự biến hiện từ chính tâm mình; nếu quý vị

Thực tự bốn tâm

Kiến tự bốn tánh

Thì quý vị sẽ hiểu ra rằng tướng phần và kiến phần vốn sinh khởi từ tâm mình. Nếu quý vị nhân ra được chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể thì quý vị sẽ không còn chạy tìm cầu bên ngoài, mà sẽ quay về nhà.

Vốn không phải huyền, lại thành pháp huyền.

Vì chúng sinh vốn thường mê mờ chân tâm và đuổi theo vọng tâm, nên họ thường nghi ngờ rằng vốn tự thể là không có hư vọng, mà lại trở thành hư vọng. Quý vị phải nên dừng để mình bị vướng mắc vào suy nghĩ hư vọng này. Không bị vướng mắc (chấp thủ) chính là điểm quan trọng ở đây. Nguyên nhân mà nhiều người bị mê lầm sáu căn và sáu trần là do họ chấp thủ vào tướng phần và kiến phần. Họ bị vướng mắc đến nỗi tin rằng tánh thấy (khả năng thấy—capacity to see)¹ của mình chính là kiến phần, và đó là cái có thực. Họ không hiểu ra rằng tánh thấy ấy vốn cũng chỉ là hư vọng—nó không có thực.

Chẳng thủ trước, thì chẳng có gì là phi huyền

Chẳng có gì là phi huyền ở đây.

Phi huyền còn chẳng sinh. Những gì hư vọng chắc chắn sẽ không hiện hữu, chẳng có nơi chỗ để chúng sinh khởi. **Pháp huyền làm sao lập?** Làm thế nào mà các pháp huyền tồn tại được?

¹ Kiến tinh 見精 (Kinh Thủ-lăng-nghiêm quyển 4).

Đó gọi là Diệu liên hoa, vi diệu và mầu nhiệm. Hoa sen sinh ra từ bùn nhưng không bị ô nhiễm bởi bùn dơ. Nó mọc trong bùn nhưng chính nó lại thanh tịnh, và hoa sen lặn quả của nó hình thành cùng lúc. Đó chính là **Kim cang vương bảo giác**. Kim cang là kim loại cứng chắc nhất. Nó biểu tượng cho trí huệ. Không có thứ gì có thể phá huỷ hay xuyên thủng được trí huệ. ‘Vương’ có nghĩa là tự tại, như một vị Vua vậy. ‘Bảo giác’ là chỉ cho chân tâm chúng ta. Nếu quý vị có thể không bị chấp thủ vào tướng phần và kiến phần, thì có thể trở về với nguồn tâm gốc tánh, có thể trở về trong tánh Như Lai tạng. Tức đã chuyển thức thành trí. Khi sự chuyển y đã viên mãn, thì tướng phần và kiến phần chuyển thành Diệu liên hoa—Bảo giác.

Kinh văn:

如幻三摩提
彈指超無學

*Như huyễn Tam-ma-đề,
Đòn chỉ siêu vô học.*

Việt dịch:

Như huyễn tam-ma-đề

Trong khoảnh khắc, vượt hàng vô học.

Giải thích:

Còn gọi bằng một tên khác, **Như huyễn tam-ma-đề**. Tam-ma-đề là tiếng Sanskrit, Samāpatti; Hán dịch là đẳng trì; có nghĩa là duy trì tính quân bình của định

(samadhi) và huệ. Bằng trí huệ, ta có thể mở được sáu nút. Với định, ta sẽ không tạo ra sáu nút nữa. Trong Tam-ma-đề, định huệ đẳng trì này, hành giả có thể **trong khoảnh khắc, vượt hàng vô học**. ‘Trong khoảnh khắc’, tức là ‘trong khoảng khảy móng tay.’ Chẳng mất chút nào thời gian, quý vị có thể vượt qua vị trí của hành hữu học và đạt đến vị trí của hàng vô học, có nghĩa là, quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Sơ quả, quả vị thứ nhì, quả vị thứ ba vẫn còn ở trong hàng hữu học. Chỉ trong khoảng gảy móng tay, hành giả có thể chứng được quả vị thứ tư, thành A-la-hán.

Kinh văn:

此阿毘達磨
十方薄伽梵
一路涅槃門。

Thử A-tì-đạt-ma,

Thập phương Bạc-già-phạm,

Nhất lộ niết-bàn môn.

Việt dịch:

Pháp A-tỳ-đạt-ma này, chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn, mà các Đức Thế tôn (Bạc-già-phạm) trong mười phương đồng tu tập.

Giải thích:

Pháp A-tỳ-đạt-ma này. A-tỳ-đạt-ma phiên âm từ tiếng Sanskrit, *abhidharma*, Hán dịch là ‘vô tử–không có gì sánh bằng.’ Chỉ cho giáo pháp, phương pháp

được được đề cập đến. **Chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn**, chính là phương pháp siêu việt để mở ra sáu nút. –**mà các Đức Thế tôn (Bạc-già-phạm) trong mười phương đồng tu tập.** *Bạc-già-phạm* (s: Bhagavan), là âm thanh mở đầu trong đệ tứ của chú Thủ-lăng-nghiêm. Đây là danh hiệu của Đức Phật, thường được dùng và công nhận bởi chư Phật, hộ pháp và thiện thần khi đề cập đến Đức Phật. Ở đây không dịch nghĩa chữ *Bạc-già-phạm*, vì chữ này có đến sáu nghĩa, nếu dịch ra thì chỉ nêu được một nghĩa. Sáu nghĩa là:

1. *Tự tại* (comfortable): Phật tánh luôn luôn thể hiện năng lực tự tại. Trong ý nghĩa đó, Bồ-tát Quán Thế Âm có danh hiệu là Quán Tự tại Bồ-tật.
2. *Xi thạnh* (熾盛 dazzling): Chỉ cho hào quang của Đức Phật chiếu khắp cả pháp giới.
3. *Doan nghiêm* (端嚴 decorous): Đức Phật lúc nào cũng doan chính và trang nghiêm. Chúng ta phải học theo hạnh này. Khi nghe giảng kinh, chúng ta phải ngồi trong tư thế ngay thẳng và cung kính. Đừng ngồi với tư thế uể oải, xiêu vẹo, hoặc duỗi người ra. Vì chính trước mặt quý vị là Đức Phật đang giảng pháp. Vì chúng ta tin vào Đức Phật, nên chúng ta phải kính trọng ngài. Chúng ta không nên giải đãi ngay trước mặt ngài. Khi nghe kinh, quý vị không được nằm hoặc ngủ. Không được nằm mà

đọc kinh. Tôi đã giảng cho quý vị nghe rằng, nếu làm như vậy thì đời sau sẽ bị đọa làm thân rắn. Rắn thì luôn luôn nằm dù khi di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Nó không đứng dậy được. Khi đọc kinh, quý vị nên ngồi thẳng người và đặt kinh trên mặt bàn phía trước mặt mình. Nếu quý vị có một phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ một phần; Nếu quý vị có mười phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ mười phần. Nếu quý vị có một trăm, ngàn, vạn phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ trăm, ngàn, vạn phần, trí huệ tăng trưởng dần theo mức độ tôn kính. Quý vị cũng được tăng trưởng thiện căn. Kinh Kim Cang có nói rất rõ: “ Ở nơi nào có kinh này, tức nơi đó có Đức Phật hoặc như các vị đệ tử được tôn trọng của Đức Phật.”¹ Nếu quý vị có tâm tôn kính, thì quý vị sẽ có được quả báo tốt lành, nếu không kính trọng thì không có được quả báo ấy. Quý vị hãy xem như chính Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp và ngài A-nan đang ngồi bên cạnh. Chung quanh quý vị trong hội chúng là các vị Đại Bồ-tát. Hãy tưởng tượng pháp hội đang diễn ra trên núi Diệu cao. Nếu quý vị đã có tâm kính trọng như thế này, chắc chắn sẽ đến lúc quý vị được giác ngộ.

¹ [0750a06]... 若是經典所在之處。則為有佛若尊重弟子。
Nhuộc thị kinh diễn sở tại chi xứ, tắc vi hữu Phật nhưc tôn trọng đệ tử.

“Nhưng A-nan đã nghe pháp rất nhiều mà vẫn chưa được chứng ngộ. Liệu nay con có được giác ngộ khi mới nghe kinh lần đầu?”

Làm sao quý vị biết được A-nan chưa được giác ngộ? Có thể rằng A-nan giả vờ như chưa giác ngộ để Đức Phật giảng kinh và bây giờ chúng ta được nghe. A-nan đã thành Phật từ lâu lắm rồi, không thể nói rằng A-nan chỉ được giác ngộ chút ít. A-nan xuất hiện như một đương cơ trong pháp hội giảng kinh và đóng vai như người chưa hiểu kinh. Thực vậy, A-nan nhớ từng li từng tí những lời Đức Phật giảng dạy; làm sao mà ngài không hiểu ra được những đạo lý Đức Phật muốn nói ở đây? Ngài đã hiểu từ lâu và ngài thưa hỏi là vì chúng ta, những chúng sinh trong đời này. Ngài là một mẫu mực, mô phạm cho chúng ta. Quý vị đừng nghĩ rằng mình thông minh tài giỏi hơn A-nan. Quý vị không được như vậy đâu.

4. Danh xưng (名稱 Renowned): Mọi người đều xưng tán Đức Phật.
5. Cát tường (吉祥 Lucky):
6. Tôn quý (尊貴 Honored and noble): Mọi chúng sinh đều tôn kính Đức Phật.

Vì danh hiệu *Bac-già-phạm* (Bhagavan) có đến sáu nghĩa như vậy nên không dịch ra. E rằng không diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa.

Đó chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-

bàn. Pháp môn này là duy nhất của chư Phật trong mười phương tu tập để thành tựu Phật quả. Chư Phật đã xem đây là con đường chính dẫn đến niết-bàn.

Kinh văn:

於是阿難，及諸大眾聞佛如來無上慈
誨祇夜伽陀雜糅精瑩，妙理清徹。心目開
明歎未曾有。

*Ư thị A-nan, cập chư đại chúng văn Phật Như Lai
vô thượng từ hồi kỳ-dạ, già-đà tạp nhu tinh oánh, diệu lý
thanh triệt. Tâm mục khai minh, kiến vị tăng hữu.*

Việt dịch:

Lúc ấy A-nan và đại chúng nghe lời dạy từ bi vô
thượng của Như Lai, qua bài kệ tụng tinh túy, diệu
lý rõ ràng thông suốt, nên tâm được khai ngộ, đồng
tán thán là việc chưa từng có.

Giải thích:

Lúc ấy A-nan và đại chúng nghe lời dạy từ bi
vô thượng của Như Lai. A-nan và đại chúng đều thấm
nhuần lời kệ tụng do Đức Phật giảng nói về con đường
Nhất thừa dẫn đến niết-bàn của chư Phật trong mười
phương. Không có gì cao quý bằng lời chỉ dạy mang
đầy tâm từ bi này. **Qua bài kệ tụng tinh túy, diệu lý
rõ ràng thông suốt.** ‘Kỳ-dạ-Geya’ Hán dịch là *trùng
tụng*. ‘già-đà’, nói lại nghĩa trong văn trường hàng đã
nói trước đó. Mỗi bài kệ có một số chữ nhất định trong

mỗi dòng, có thể là 4, 5, 6 hoặc 7 âm tiết bằng tiếng Hán. ‘Già-đà,’ Hán dịch là *cô khởi*.¹ Bài kệ tụng này được trình bày một cách hài hoà và rõ ràng, thế nên được gọi là **tinh tuý, diệu lý rõ ràng thông suốt**. Diệu lý này diễn tả những gì cốt yếu và tuyệt đối trong giáo pháp.

Nên tâm được khai ngộ. A-nan và đại chúng được thông hiểu phần lớn những điều trong giáo lý mà từ trước đến nay chưa rõ. Tâm và mắt của họ trở nên sáng suốt hơn, và điều này đã khiến cho trí huệ của họ tăng trưởng. Ở đây ‘mắt’ chỉ cho huệ nhãn đã được khai mở. **Đồng tán thán là việc chưa từng có.** “Pháp này rất vi diệu. Thật là trước đây chưa từng thấy!”

Hết quyển 4 –Đầu quyển 5 theo bản in của VPTT.

¹ Bản tiếng Anh chỉ đề cập đến *Kỳ-dạ* (Geya), phần đề cập đến Già-đà (Gāthā) chúng tôi dịch từ bản tiếng Hán.

(s: Geya; p: Geyya): Dịch là Trùng tụng 重頌 hay Ứng tụng 應頌. Lối văn trùng thuật lại những ý nghĩa của văn Trường hàng. Nó thường dùng bốn câu làm một bài, trong đó có khi bốn chữ, năm chữ, bảy chữ, tám chữ. 3. Già-đà (Gāthā): Dịch là Phúng tụng 諷頌 hay Cô khởi 孤起. Loại Kinh viết bằng thể kệ tụng và mỗi kệ tụng có bốn câu. Loại này không phải như loại Kỳ dạ dùng để trùng tụng lại Trường hàng, mà chính nó hình thành từng bài kệ riêng.

SÁU NÚT

Kinh văn:

阿難合掌頂禮白佛。我今聞佛無遮大悲。性淨妙常真實法句。心猶未達六解一亡，舒結倫次。惟垂大慈，再愍斯會及與將來。施以法音洗滌沈垢。

A-nan hiệp chưởng đảnh lễ bạch Phật. Ngã kim văn Phật vô giá đại bi. Tánh tịnh diệu thường chân thật pháp cú. Tâm do vị đạt lục giải nhất vong thư kết luân thứ. Duy thù đại từ, tái mẫn kỳ hội, cập dĩ tương lai. Thí dĩ pháp âm, tẩy địch trầm cấu.

Việt dịch:

A-nan chấp tay đảnh lễ bạch Phật, “Con nay nghe Phật mở lòng vô giá đại bi dạy cho chúng con những lời pháp chân thật, thanh tịnh diệu thường. Nhưng tâm chúng con còn chưa được rõ mở từng nút theo thứ lớp, (chưa rõ) mở sáu nút thì một cũng không còn. Xin Đức Phật lại mở lòng từ bi, thương xót hội chúng này và những chúng sinh trong đời sau, mà ban bố cho pháp âm, để rửa sạch những cấu nhiễm sâu dày của chúng con.”

Giải thích:

A-nan chấp tay đảnh lễ bạch Phật, “Con nay nghe Phật mở lòng vô giá đại bi dạy cho chúng con những lời pháp chân thật, thanh tịnh diệu thường.

Nhưng tâm chúng con còn chưa được rõ, chưa tìm ra cách mở từng nút theo thứ lớp, (chưa rõ) mở sáu nút thì một cũng không còn. Xin Đức Phật lại mở lòng từ bi, thương xót hội chúng này, những người đang dự trong pháp hội, và những chúng sinh trong đời sau, toàn thể mọi chúng sinh. Thương xót mà ban bố cho pháp âm. Ban cho mọi chúng sinh món quà là Phật pháp vi diệu để rửa sạch những cấu nhiễm sâu dày của chúng con.”

Cũng như rau cải, trước hết quý vị phải rửa sạch chúng, sau đó, sợ rằng chúng chưa đủ sạch, quý vị lại tẩy rửa chúng một lần nữa.

‘Cấu nhiễm’ có thể là sâu dày, trầm trọng đến mức có đủ để cho quý vị bị đọa vào các cõi giới chúng sinh thấp kém. Cấu nhiễm là chỉ cho tâm tham, sân và si. A-nan mong cầu được hiểu rõ hơn.

Kinh văn:

即時如來於師子座，整涅槃僧，斂僧伽梨，攬¹七寶机，引手於几²，取劫波羅天所奉花巾。

Tức thời Như Lai ở sư tử tọa, chỉnh niết-bàn tăng, kiểm tăng-già-lê, lãm thất bảo kỷ, dẫn thủ ở kỷ, thủ kiếp-ba-la thiên sở phụng hoa cân.

¹ Bản Taishō chép 覽, có lẽ nhầm. Bản của VPTT chép 攬.

² Bản Taishō chép 机 (giản thể của 機 cơ, ki), có lẽ nhầm. Bản của VPTT chép 几, (Cái) bàn nhỏ, ghé, ki: 茶几 (trà ki) Bàn uống trà, ki trà;

Việt dịch:

Liên khi ấy từ toà sư tử, Như Lai chỉnh y niết-bàn tăng, vén y tăng-già-lê, vin vào bàn thất bảo, tay cầm lên chiếc khăn hoa kiếp-ba-la do chư thiên dâng cúng.

Giảng giải:

Liên khi ấy từ toà sư tử, Như Lai—pháp toà Như Lai ngồi giảng pháp được gọi là *toà sư tử*. Gọi như vậy là do âm thanh của Đức Phật giảng pháp được ví như tiếng gầm của loài sư tử. Khi sư tử gầm lên, thì các loài thú khác đều run sợ. Khi Đức Phật nói pháp, các loài thiên ma ngoại đạo đều sợ hãi. **Chỉnh y niết-bàn tăng**—y phục bên trong của Đức Phật—và **vén y tăng-già-lê**. Y tăng-già-lê là y phục bên ngoài, còn gọi là đại y. Đức Phật **vin vào bàn thất bảo**, tay vịn vào chiếc bàn làm bằng bảy thứ báu. Chiếc bàn ở trước Đức Phật được làm bằng bảy thứ báu. Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, và mã não. Lưu ly có khi được gọi là đá quý. Pha lê ngày nay không còn đặc biệt quý hiếm trong thời đại ngày nay khi thủy tinh được dùng phổ biến, nhưng thời xưa, pha lê rất khó kiếm, thế nên nó được xem là loại quý. Xa cừ đôi khi có những đường vân rất đẹp trong đó. Và mã não có hình như óc ngựa màu đỏ và trắng.

Rồi Đức Phật **cầm lên chiếc khăn hoa kiếp-ba-la do chư thiên dâng cúng**. Chư thiên ở đây là Dạ-ma

thiên.¹ Tu-dạ-ma thiên là cõi trời “Thiện phân.” ‘Khăn hoa’ là chiếc khăn tay dệt bằng hoa **kiếp-ba-la**.² Ở Ấn Độ, những chiếc khăn như vậy rất giá trị, và chiếc khăn này càng đặc biệt hơn là vì đó là phẩm vật dâng cúng lên Đức Phật của vị chủ cung trời Tu-dạ-ma.

Kinh văn:

於大眾前，綰成一結。示阿難言此名何等。阿難大眾俱白佛言此名為結。

於是如來綰疊花巾又成一結。重問阿難此名何等。阿難大眾又白佛言此亦名結。如是倫次綰疊花巾。總成六結一一結成。皆取手中所成之結。持問阿難此名何等。阿難大眾亦復如是。次第酬佛此名為結。

Ư đại chúng tiền, quán thành nhất kiết. Thị A-nan ngôn, thử danh hà đẳng? A-nan đại chúng câu bạch Phật ngôn, thử danh vi kiết.

¹ S: Suyāma. Tầng trời thứ 3 trong 6 tầng trời thuộc Dục giới Dạ-ma thiên (夜摩; s: yāmadeva) còn gọi là Tu-dạ-ma thiên (須夜摩天; s: suyāmadeva); Cựu dịch Diệm thiên 餞天. Dịch nghĩa là Thời phân 時分, Thiện phân 善分, do giới phân chia thời gian để hưởng thọ thú vui ngũ dục nên có tên như vậy.

² S: karpāsa; p: kappāsa. E: layered flowers. Một loại cây bông vải được trồng ở xứ Decan, Đông Châu Á, Ấn Độ Trung Hoa, Hi Lạp. Bông dùng để dệt vải, may áo.

Ư thị Như Lai quán điệp hoa cân, hựu thành nhất kiết. Trùng vấn A-nan. Thử danh hà đẳng? A-nan đại chúng hựu bạch Phật ngôn. Thử diệc danh kiết.

Như thị luân thử quán điệp hoa cân, tổng thành lục kiết. Nhất nhất kiết thành, giai thủ thủ trung sở thành chi kiết. Trì vấn A-nan thử danh hà đẳng. A-nan đại chúng diệc phục như thị. Thử đệ thù Phật thử danh vi kiết.

Việt dịch:

Rồi Đức Phật ở trước đại chúng, (từ chiếc khăn) cột thành một nút, đưa cho A-nan xem và hỏi rằng, “Đây là cái gì?”

A-nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.”

Rồi Đức Phật cột nút khác và hỏi A-nan, “Đây là cái gì?” A-nan và đại chúng lại đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.”

Đức Phật tuần tự cột từng nút như vậy trên chiếc khăn hoa, tổng cộng thành sáu nút. Mỗi khi cột xong một nút, đều đưa lên hỏi A-nan rằng, “Đây là cái gì?” A-nan và đại chúng cũng tuần tự đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.”

Giải thích:

Rồi Đức Phật ở trước đại chúng, (từ chiếc khăn) cột thành một nút. Đức Phật như thế chơi với trẻ con, cầm chiếc khăn lên và cột lại từng nút, trong khi ngài đang ngồi trước hội chúng. Đức Phật đưa cho A-nan

xem và hỏi rằng, “Đây là cái gì?” Ngài đưa cho A-nan thấy rồi hỏi A-nan đó là gì?

A-nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.”

Rồi Đức Phật cột nút khác và hỏi A-nan, “Đây là cái gì?” Đức Phật lại hỏi A-nan cùng câu hỏi như vậy.

A-nan và đại chúng lại đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.” Họ cùng trả lời như trước.

Đức Phật tuần tự cột từng nút như vậy trên chiếc khăn hoa, tổng cộng thành sáu nút. Đức Phật đã thắt tất cả sáu trên chiếc khăn hoa. Mỗi khi cột xong một nút, đều đưa lên hỏi A-nan rằng “Đây là cái gì?”

Và mỗi lần như vậy, A-nan và đại chúng cũng tuần tự đồng bạch Phật rằng, “Đó gọi là nút thắt.”

Chiếc khăn hoa biểu tượng cho tánh Như Lai tạng. Sáu nút trên đó biểu tượng cho sáu căn.

Kinh văn:

佛告阿難，我初綰巾，汝名為結。此疊花巾，先實一條，第二第三，云何汝曹復名為結？

Phật cáo A-nan, ngã sơ quán cân, nhữ danh vi kiết. Thủ điệp hoa cân, tiên thực nhất điều, đệ nhị đệ tam, vân hà nhữ tào phục văn vi kiết?

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, “Khi Như Lai mới cột khăn lại thì ông gọi là nút, cái khăn hoa này, trước

đây chỉ một cái, tại sao lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn gọi là nút.”

Giải thích:

Chiếc khăn hoa chỉ có một, mà ông đã trả lời Như Lai đó là nút thắt, sao ông còn gọi nút thứ hai thứ ba trên chiếc khăn ấy cũng là nút thắt? Đức Phật có chủ ý vặn hỏi A-nan theo cách ấy.

Kinh văn:

阿難白佛言世尊。此寶疊花緝績成巾，雖本一體。如我思惟，如來一綰得一結名，若百綰成終名百結。何況此巾祇有六結。終不至七亦不停五。云何如來祇許初時。第二第三不名為結。

A-nan bạch Phật ngôn, ‘Thế tôn, thử bảo điệp hoa tráp tích thành căn. Tuy bốn nhất thể như ngã tư duy. Như Lai nhất quán đắc nhất kiết danh. Nhược bách quán thành chung danh bách kiết. Hà huống thử căn, kỳ hữu lục kiết, chung bất chí thất, diệc bất đình ngũ. Vân hà Như Lai chỉ hứa sơ thời, đệ nhị đệ tam bất danh vi kiết?’

Việt dịch:

A-nan bạch Phật rằng, “Bạch Thế tôn, chiếc khăn hoa thêu quý báu này vốn chỉ một thể, song theo ý con, khi Như Lai cột một lần thì gọi là một nút, nếu cột 100 lần, thì thành 100 nút. Huống chi khăn này chỉ có sáu nút, không đến bảy, cũng không dùng

ở năm. Sao Như Lai chỉ gọi cái đầu tiên là nút, mà cái thứ hai thứ ba thì không gọi là nút?”

Giảng giải:

A-nan bạch Phật rằng—A-nan đáp lại lời văn hỏi của Đức Phật. “**Bạch Thế tôn, chiếc khăn hoa thêu quý báu này vốn chỉ một thể.** Chiếc khăn kiếp-ba-la quý báu này chỉ là một, song theo ý con, khi Như Lai cột một lần thì gọi là một nút, nếu cột 100 lần, thì thành 100 nút. Mỗi lần thắt trong số 100 lần này, đều được gọi là một nút. **Huống chi khăn này chỉ có sáu nút, không đến bảy, cũng không dừng ở năm.** Như Lai chỉ thắt có sáu nút trên chiếc khăn này, Như Lai không làm thêm thành bảy nút hoặc dừng lại ở năm nút. **Sao Như Lai chỉ gọi cái đầu tiên là nút, mà cái thứ hai thứ ba thì không gọi là nút?** Bạch Thế tôn, tại sao ngài chỉ thừa nhận nút thứ nhất là nút và không công nhận các nút thứ hai, thứ ba. Có ý nghĩa gì hàm ẩn trong đó?”

Kinh văn:

佛告阿難此寶花巾，汝知此巾元止一條，我六綰時名有六結。汝審觀察，巾體是同，因結有異。

Phật cáo A-nan, ‘Thử bảo hoa cân, nhữ tri thử cân nguyên chỉ nhất điều, ngã lục quán thời danh hữu lục kết. Nhữ thẩm quan sát, cân thể thị đồng, nhân kết hữu dị.’

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, “Cái khăn hoa báu này,

ông biết nó vốn chỉ là một, khi Như Lai thắt sáu lần thì ông gọi là sáu nút. Ông quán sát kỹ, thấy thể của khăn này là đồng, do vì các nút mà thành ra khác.”

Giảng giải:

Đức Phật lắng nghe A-nan trả lời với niềm thích thú. Dĩ nhiên, cả sáu đều gọi là nút. Chẳng phải chỉ có nút đầu tiên mới được gọi là nút và các nút khác thì không. Đức Phật hỏi như vậy là để thử A-nan. Và A-nan khẳng khẳng rằng cả sáu phải gọi là sáu nút. Đây là toàn bộ mục tiêu của cuộc đối thoại. Đây là điểm chính của vấn đề đang đề cập đến.

Đức Phật bảo A-nan, “Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ là một. Chỉ là một cái. Khi Như Lai thắt sáu lần thì ông gọi là sáu nút. Ông liền gọi là sáu nút. Ông quán sát kỹ điều này, nhìn thật kỹ từng chi tiết và suy nghĩ—thấy thể của khăn này là đồng. Nó chẳng có thêm tên gọi nào nữa. Do vì các nút mà thành ra khác. Ngay khi Như Lai thắt thêm một nút, nó thành ra khác.”

Điều này biểu tượng cho tánh Như Lai tạng vốn là một; sáu căn là những nút thắt trong đó. Nhưng dù có đến sáu nút, thể của Như Lai tạng vẫn chỉ là một. Nếu quý vị mở được sáu nút, thì ngay cả một cũng chẳng còn.

Kinh văn:

於意云何？初綰結成名為第一。如是乃至第六結生。吾今欲將第六結名，成第一不？

Ư ý vân hà? Sơ quán kiết thành danh vi đệ nhất, như thị nãi chí đệ lục kiết sanh. Ngô kim dục tương đệ lục kiết danh, thành đệ nhất phủ?

Việt dịch:

Ý ông nghĩ sao? Khi mới cột nút lần đầu thì gọi là nút thứ nhất, như thế cho đến nút thứ sáu. Nay Như Lai muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất có được không?

Giảng giải:

Ý ông nghĩ sao? A-nan, ông suy nghĩ như thế nào? Nay Như Lai muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất có được không? Có thể nào nút thứ sáu được gọi là nút thứ nhất chăng?

Kinh văn:

不也世尊。六結若存，斯第六名終非第一。縱我歷生盡其明辯，如何令是六結亂名？

Phát dã Thế tôn. Lục kiết nhược tồn, tư đệ lục danh chung phi đệ nhất. Túng ngã lịch sinh tận kỳ minh biện, như hà linh thị lục kiết loạn danh?

Việt dịch:

Bạch Thế tôn. Không. Nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc chẳng phải là cái thứ nhất. Dù con có biện bạch hết đời, làm sao có thể lộn lạo tên gọi của sáu nút kia được?

Giảng giải:

A-nan thưa “Hoàn toàn không. Không thể thay đổi được. Như Lai không thể nào thay đổi cách gọi, nút thứ nhất thành nút thứ sáu hoặc nút thứ sáu thành nút thứ nhất được.” **Bạch Thế tôn. Không. Nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc chẳng phải là cái thứ nhất.** Nếu đã có sáu nút, thì nút thứ sáu là nút thứ sáu, dù bất luận như thế nào, nó cũng không thể đổi thành nút thứ nhất được. **Dù con có biện bạch hết đời.** Con, A-nan, dù có được học, từ vô lượng kiếp trong quá khứ đến nay, thì những gì con học được, những gì đã tạo nên tính cách đặc trưng của con, là đa văn và giỏi nhớ. Khi con đã vận dụng khả năng đa văn và biện luận của con, thì **làm sao có thể lộn lạo tên gọi của sáu nút kia được?** Làm sao có thể lẫn lộn các tên gọi kia được? Làm sao con lại không nhớ thứ tự của từng nút kia được?

Kinh văn:

佛言，六結不同。循顧本因一巾所造。令其雜亂終不得成。

Phật ngôn, ‘Lục kiết bất đồng. Tuần cố bản nhân, nhất cân sở tạo. Linh kỳ tạp loạn chung bất đắc thành.

Việt dịch:

Đức Phật dạy, “Đúng vậy, sáu nút không đồng nhau, Xét về căn gốc, vẫn do một cái khăn mà ra. Nhưng làm cho nó đảo lộn thứ tự thì rất ráo không thể được.”

Giảng giải:

Đức Phật dạy, “Đúng vậy. Ông nói rất đúng. Không thể đổi tên gọi. Không thể gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất được. Nút thứ nhất không thể đổi thành nút thứ sáu được. Ông hoàn toàn đúng. Lý do chúng không thể lẫn lộn là vì Xét về căn gốc, vẫn do một cái khảnh mà ra. Nhưng làm cho nó đảo lộn thứ tự thì rất ráo không thể được. Nếu ông đảo lộn thứ tự các nút, như ông nói, là không thể được. Điều ấy rất đúng.”

Kinh văn:

則汝六根亦復如是。畢竟同中，生畢竟異。

Tắc nhữ lục căn diệc phục như thị. Tất cánh đồng trung, sinh tất cánh dị.

Việt dịch:

Sáu căn của ông cũng giống như vậy. Trong thể tánh tuyệt đối giống nhau, lại sinh ra cái tuyệt đối khác nhau.

Giảng giải:

Chúng vốn là đồng, mắt hoạt dụng như là mắt, tai hoạt dụng như là tai, mũi hoạt dụng như là mũi, lưỡi hoạt dụng như là lưỡi, thân hoạt dụng như là thân, ý hoạt dụng như là ý. Vốn chúng là một và đồng. Nhưng ngay điểm này mà chúng phân chia ra. Thậm chí ngay lúc đó, chúng vẫn còn tốt nếu chúng hoà hiệp với nhau. Chúng đều có thể hồi quang phản chiếu. Mắt có thể xoay lại

tánh thấy vào bên trong. Tai có thể lắng nghe bên trong và nghe được tự tánh. Mũi không bị xoay chuyển bởi mùi hương bên ngoài. Lưỡi không bị xoay chuyển bởi mùi vị. Thân không bị xoay chuyển bởi sự xúc chạm, và thức không bị ảnh hưởng các ý niệm tâm hành. Nếu chúng cùng kết hợp với nhau và cùng hồi quang phản chiếu, thì chúng sẽ là một. Nhưng chúng không thể hoà hiệp thành một được. Mắt thấy sắc, mũi ngửi hương và truy tìm theo chúng, lưỡi tìm cầu vị ngon lạ và bị xoay chuyển bởi chúng, thân thích xúc chạm và bị ràng buộc bởi chúng, tâm ý bị ảnh hưởng bởi suy tưởng trôi buộc chúng. Điều quan trọng là đừng đuổi theo chúng, nhưng người phàm phu không thể nào tránh khỏi việc theo đuổi này.

Kinh văn:

佛告阿難，汝必嫌此六結不成。願樂一成，復云何得。阿難言，此結若存。是非鋒起，於中自生。此結非彼彼結非此。如來，今日若總解除。結若不生則無彼此。尚不名一六云何成。佛言六解一亡亦復如是。

Phật cáo A-nan, 'Nhữ tất hiềm thử lục kiết bất thành, cố nhạo nhất thành, phục vân hà đắc?'

A-nan ngôn, 'Thử kiết nhược tồn, thị phi phong khởi, u trung tự sinh, thử kiết phi bỉ, bỉ kiết phi thử. Như

Lai kim nhật tổng giải trừ. Kiết nhược bất sinh tắc vô bỉ thử. Thượng bất danh nhất, lục vân hà thành.

Phật ngôn, 'Lục giải nhất vong, diệc phục như thị.'

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, 'Ông chắc không muốn có sáu nút này, mà chỉ muốn thành một thể, việc ấy phải làm sao?'

A-nan thưa rằng, 'Nếu còn những nút đó, thì điều thị phi sẽ nổi dậy, trong đó sẽ tự cho rằng nút này chẳng phải là nút kia, nút kia chẳng phải là nút này. Nhưng nay Như Lai giải trừ tất cả. Các nút đã không sinh ra thì không có bỉ thử. Đã không có một thì sáu làm sao thành?'

Đức Phật bảo, 'Nghĩa mở được sáu, một không còn cũng như vậy.'

Giảng giải:

Đức Phật bảo A-nan, 'Ông chắc không muốn có sáu nút này. Ông chắc là không thích thành ra có sáu nút.' Đức Phật nói với đệ tử, 'Ông muốn mở sáu nút ra khiến chúng không còn nữa, mà chỉ muốn thành một thể. Ông muốn làm được chuyện ấy. Nhưng việc ấy phải làm sao?'

A-nan nghe Đức Phật hỏi và thưa rằng, 'Nếu còn những nút đó, thì điều thị phi sẽ nổi dậy. A-nan thưa nhận, 'Con muốn giải trừ sáu nút để chỉ còn một thể duy nhất, vì hễ còn sáu nút, thì vẫn còn những điều bàn tán thị phi về chúng.' Lý do của sự tranh cãi là sự phân

biệt giữa các nút ấy. Trong đó sẽ tự cho rằng nút này chẳng phải là nút kia, nút kia chẳng phải là nút này. Bên trong những nút này sẽ có những tranh cãi về nút nào là thật, nút nào chẳng thật. ‘Nút này,’ là nút thứ nhất, chẳng phải là nút thứ sáu; và ‘nút kia’ là nút thứ sáu, chẳng phải là nút thứ nhất. Sự phân biệt sinh khởi từ vấn đề cái này và cái kia.

Nhưng nay Như Lai giải trừ tất cả. Các nút đã không sinh ra thì không có bị trừ. Không còn là nút thứ nhất, nút thứ nhì, nút thứ ba, nút thứ tư, nút thứ năm, nút thứ sáu. **Đã không có một.** Khi sáu nút đã được giải trừ sạch rồi thì một cũng chẳng còn. **Thì sáu làm sao thành?’**

Đức Phật bảo, ‘Nghĩa mở được sáu, một không còn cũng như vậy.’

“Giỏi lắm,” Đức Phật bảo A-nan, “Ông nói điều ấy rất đúng. Nếu ông hiểu nguyên lý ấy, thì ông sẽ nhận ra rằng ‘**mở được sáu, một không còn**’; vì nó đồng một nghĩa. Nay ông đã rõ điểm này chưa?”

Kinh văn:

由汝無始心性狂亂。知見妄發，發妄不息，勞見發塵。

Do nhữ vô thủy tâm tánh cuồng loạn. Tri kiến vọng phát, phát vọng bất tức, lao kiến phát trần.

Việt dịch:

Do từ vô thủy, tâm ông điên loạn. Tri kiến vọng phát mãi mãi không dừng, làm cho tri kiến sinh mệt nhọc.

Giảng giải:

Do từ vô thủy, tâm ông điên loạn. Từ vô thủy kiếp đến nay, chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể—chân tánh—của ông đã bị điên đảo. ‘Điên đảo’ ở đây là chỉ cho ‘sinh tướng vô minh, đó là từ câu sinh. Từ sinh tướng vô minh phát khởi lên tri thức phân biệt các hiện tượng, vốn cũng là tự câu sinh. ‘Điên đảo’ chỉ cho vô minh. Còn ‘loạn’ chỉ cho Tam tế đã đề cập ở trước. Đó là:

1. Nghiệp tướng
2. Năng kiến tướng 能見相.¹
3. Cảnh giới tướng 境界相.²

Nghiệp tướng khiến cho phát sinh Năng kiến tướng, Năng kiến tướng lại làm sinh khởi Cảnh giới tướng. Điều này rất vi tế, tuy vậy, đó không phải là điều mà hàng phàm phu biện biệt được.

Một niệm bất giác sinh ra tam tế.³ Khi tam tế này đã phát khởi, thì liền có nút thứ nhất. Thời điểm mà **Tri kiến vọng phát mãi mãi không dừng**, là khi cảnh giới tướng làm duyên để tăng trưởng thành lục thô.⁴ Điều này cũng đã được giảng giải ở đoạn trước. Lục thô là:

1. Trí tướng: Trí này chỉ cho trí thể gian, tức thể trí

¹ Bản Anh ngữ ghi: Chuyển tướng (appearances of turning).

² Bản Anh ngữ ghi: Hiện tướng (appearances of manifestation).

Trong cả hai trường hợp này, chúng tôi dịch theo bản tiếng Hán

³ Nguyên văn Hán: *Nhất niệm bất giác sinh tam tế*. 一念不覺生三細.

⁴ Nguyên văn Hán: *Cảnh giới vi duyên trưởng lục thô*. 境界為緣長六粗.

biện thông. Nó bao gồm cả hiểu biết về lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, các loại nghề nghiệp. Vì quý vị ‘phát khởi vọng kiến,’ nên sinh khởi nên Trí tướng, và phát sinh ra cái thứ hai trong Lục thô.

2. *Tương tục tướng*: Nó không bao giờ dừng. Trí tướng chính là nút thứ hai, và Tương tục tướng chính là nút thứ ba.
3. *Chấp thủ tướng*: Sinh khởi tính chấp trước.
4. Kế danh tự tướng.
5. Khởi nghiệp tướng (production of karma).
6. Nghiệp hệ khổ tướng (karmic-bound suffering)

Kinh văn:

如勞目睛則有狂花於湛精明。無因亂起

Như lao mục tinh, tắc hữu cuồng hoa ư trạm tinh minh, vô nhân loạn khởi.

Việt dịch:

Như khi con mắt mỗi mệt thì thấy như có hoa đốm không có nguyên nhân gì, hỗn loạn khởi lên trong thể tánh sáng suốt rộng lặng.

Giải thích:

Như khi con mắt mỗi mệt thì thấy như có hoa đốm. Đoạn này giống như đoạn trước đã giảng, “Nhìn vào hư không một lúc lâu, sinh ra mỗi mệt.”¹ Khi đã mỗi

¹ Kinh Thủ-lăng-nghiêm quyển 3.

mệt, thấy những hoa đốm lăng xăng giữa hư không. Ở đây cũng vậy, **không có nguyên nhân gì, hỗn loạn khởi lên trong thể tánh sáng suốt rộng lặng..** Chẳng biết do nguyên nhân nào, chúng xuất hiện hỗn loạn trong tánh Như Lai tạng.

Kinh văn:

一切世間，山河大地，生死涅槃，皆即狂勞顛倒花相。

Nhất thiết thể gian, sơn hà đại địa, sinh tử niết-bàn, giai tức cuồng lao điên đảo hoa tướng.

Việt dịch:

Tất cả các tướng trong thể gian, núi sông đất liền, sinh tử niết-bàn, đều là tướng hoa đốm điên đảo, do bệnh mê lầm mà phát ra.

Giải thích:

Không những chỉ có tướng tam tế và lục thô sinh khởi do vì mắt mỏi mệt vì nhìn lâu, đến nỗi nhìn thấy hoa đốm lăng xăng loạn khởi giữa hư không, mà **tất cả các tướng trong thể gian**—toàn thể vũ trụ pháp giới, có nghĩa là, không chỉ thế giới chúng ta đang sống, mà

...阿難，即彼目精，瞪發勞者。兼目與勞，同是菩提。A-nan, tức bị mục tinh, trừng phát lao giả. Kiêm mục dữ lao, đồng thị bồ đề.

Và ... 瞪發勞相，因于明暗二種妄塵，發見居中。吸此塵象名為見性。

Trừng phát lao tướng, nhân vu minh ám nhị chủng vọng trần, phát kiến cư trung, hấp thủ trần tượng, danh vi kiến tánh.

tất cả các cõi nước trong khắp mười phương hư không pháp giới—**núi sông đất liền, sinh tử niết-bàn, đều là tướng hoa đốm điên đảo.** Chúng hiện hữu đều do mắt nhìn lâu hoá ra mỗi mện. Chúng đều là **do bệnh mê lầm** mà phát ra. Vốn chẳng có hoa gì cả trên hư không. Tất cả những thứ này đều là tướng điên đảo xuất hiện như là hoa. Thế nên Đức Phật muốn giảng bày nghĩa lý trong đoạn kinh này là: ‘*Ông có biết pháp sinh khởi từ đâu không?* Mọi hiện tượng đều sinh khởi từ vô minh cuat chúng sinh. Từ một niệm bất giác mà có tam tế. Và cảnh giới tướng làm nhân duyên cho lục thô sinh khởi.’

Kinh văn:

阿難言此勞同結云何解除。

A-nan ngôn, “Thử lao đồng kết, vân hà giải trừ?”

Việt dịch:

A-nan thưa, “Bệnh mê lầm này cũng giống như các nút thắt, làm sao để giải trừ?”

Giảng giải:

Nghe Đức Phật giải thích, **A-nan thưa, “Bệnh mê lầm này cũng giống như các nút thắt.** Bệnh mỗi mện, nhắm mắt, do nhìn sững quá lâu, cũng giống như các nút thắt. **Làm sao để giải trừ?** Chúng con làm sao để cởi bỏ chúng đi? Làm sao để chúng con quay trở về lại với bản lai diện mục của mình? Làm sao để chúng con quay trở về lại với tánh Như Lai tạng?”

Kinh văn:

如來以手將所結巾。偏掣其左問阿難言。如是解不。不也世尊。旋復以手偏牽右邊。又問阿難如是解不。不也世尊。

Như Lai dĩ thủ tương sở kiết cân, thiên xiết kỳ tả, vấn A-nan ngôn. “Như thị giải phủ?” “Phát dã, Thế tôn.” Tuyên phục dĩ thủ thiên khiên hữu biên. Hựu vấn A-nan, “Như thị giải phủ?” “Phát dã, Thế tôn.”

Việt dịch:

Đức Phật dùng tay cầm cái khăn có nút, kéo mỗi bên trái, hỏi A-nan rằng, “Thế này có cởi được không?” A-nan đáp: “Bạch Thế tôn. Không.” Đức Phật dùng tay kéo riêng mỗi bên phải, rồi hỏi A-nan rằng, “Thế này có cởi được không?” A-nan đáp: “Bạch Thế tôn. Không.”

Giảng giải:

Đức Phật dùng ví dụ để khiến cho A-nan tự hiểu ra cách cởi các nút, vốn là giống như bệnh mờ mắt do nhìn sững quá lâu.

Đức Phật dùng tay cầm cái khăn có nút, kéo mỗi bên trái. Đức Phật cầm chiếc khăn hoa quý báu kên rồi kéo nghiêng về phía bên trái. Lúc đó ngài hỏi A-nan rằng, “Thế này có cởi được không?” Cách này có mở các nút ra được không? A-nan thưa: “Bạch Thế tôn. Không.”

Rồi Đức Phật dùng tay kéo riêng mỗi bên phải, rồi hỏi A-nan rằng, “Thế này có cởi được không?” Cách này có cởi được các nút không? Các nút có mở ra được chăng? “**Bạch Thế tôn. Không.**” Nó chẳng bao giờ mở ra được. Nếu Như Lai cứ kéo chiếc khăn, thì chẳng thể nào mở ra được. A-nan trả lời.

Kinh văn:

佛告阿難吾今以手。左右各牽竟不能解。汝設方便云何成解？阿難白佛言世尊。當於結心解即分散。

Phật cáo A-nan, “Ngô kim dĩ thủ, tả hữu các khiên cánh bất năng giải. Nhữ thiết phương tiện vân hà thành giải?” A-nan bạch Phật ngôn, “Thế tôn. Đương ư kết tâm giải tức phân tán.”

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, nay Như Lai dùng tay kéo mỗi bên phải rồi bên trái, rút cuộc vẫn không cởi được. Vậy ông dùng phương tiện nào mà mở ra được?

A-nan bạch Phật ngôn, “**Bạch Thế tôn, ngài phải cởi từ chính giữa, các nút sẽ được mở ra.**”

Giải thích:

A-nan rất thông minh! Đức Phật không làm được, nhưng A-nan nghĩ ra được cách làm. **Đức Phật bảo A-nan, nay Như Lai dùng tay kéo mỗi bên phải rồi bên trái, rút cuộc vẫn không cởi được.** Như Lai không

thể nào mở ra được dù chỉ một nút. **Vậy ông dùng phương tiện nào mà mở ra được?** Ông hãy suy nghĩ cách thức. Dùng những phương tiện thiện xảo để tìm ra. Làm sao để mở được? Ông rất thông minh. A-nan. Chắc chắn ông sẽ tìm ra được phương pháp.

A-nan bạch Phật ngôn, “Bạch Thế tôn, ngài phải cởi từ chính giữa, các nút sẽ được mở ra.” Nếu Như Lai chỉ kéo chiếc khăn sang bên trái rồi bên phải, thì không thể nào mở nút ra được. Điều cần làm là mở gút từ trung tâm chiếc khăn. Một khi đã cởi gút được thì các nút sẽ mở ra.”

Kinh văn:

佛告阿難如是如是。若欲除結，當於結心。

Phật cáo A-nan, “Như thị, như thị. Nhược dục trừ kiết, đương ư kiết tâm”.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, “Đúng vậy, đúng vậy. Nếu ông muốn mở nút, ông phải mở từ chính giữa.”

Giải thích:

Câu trả lời của Đức Phật là, “A-nan, ông thật thông minh. Phải không? **Đúng vậy, đúng vậy.** Đó là những gì ông hiểu được. Ông đã nhận ra. Như Lai chưa nghĩ ra là ông sẽ làm việc ấy bằng cách nào, và ông đã tìm ra được phương pháp kỳ diệu này!” Đức Phật thể hiện sự tán thành của mình. “Đúng như vậy. Nay Như Lai đã rõ. **Nếu ông**

muốn mở nút, ông phải mở từ chính giữa. Bởi vậy, ông không những chỉ học giỏi, mà ông rất thông minh.”

Kinh văn:

阿難我說佛法從因緣生。非取世間
和合麤相。如來發明世出世法。知其本
因隨所緣出。

*A-nan ngã thuyết Phật pháp tòng nhân duyên sinh,
phi thủ thế gian hòa hiệp thô tướng. Như Lai phát minh
thế xuất thế pháp, tri kỳ bản nhân tùy sở duyên xuất.*

Việt dịch:

A-nan, Như Lai nói Phật pháp do nhân duyên sinh, chẳng phải là căn cứ vào những tướng hoà hiệp thô trọng của thế gian. Như Lai nhận ra các tướng thế gian và xuất thế gian, biết rõ bản nhân của chúng do nhân duyên gì mà phát sinh ra.

Giải thích:

A-nan, Như Lai nói Phật pháp do nhân duyên sinh, chẳng phải là căn cứ vào những tướng hoà hiệp thô trọng của thế gian. Chẳng phải là Như Lai y cứ vào những tướng thô phù trên thế gian mà mọi người đều thấy. Như Lai nhận ra các tướng thế gian và xuất thế gian. “Tướng thế gian” là chỉ cho các pháp nhiễm và tịnh trong lục đạo luân hồi sinh tử. “Pháp xuất thế gian” là chỉ cho các pháp thanh tịnh trong cảnh giới của của bốn thánh quả A-la-hán. Như Lai biết rõ bản nhân của

chúng do nhân duyên gì mà phát sinh ra. Như Lai biết rõ nguồn gốc xuất phát sinh của các pháp này và cách mà chúng hoà hiệp với các nhân duyên.”

Kinh văn:

如是乃至恒沙界外，一滴之雨亦知頭數。現前種種松直棘曲，鵠白鳥玄皆了元由。

Như thị nãi chí hằng sa giới ngoài nhất trích chi vũ, diệc tri đầu số. Hiện tiền chủng chủng tùng trực cực khúc, hộc bạch điều huyền, giai liễu nguyên do.

Việt dịch:

Như thế cho đến một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, (Như Lai) cũng đều biết số mục. Cũng như nay trước mắt ông, các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim hộc trắng, chim quạ đen, (Như Lai) đều biết nguyên do.

Giảng giải:

Như thế—Như Lai biết nhân duyên gì khiến các hiện tượng phát sinh—cho đến một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, (Như Lai) cũng đều biết số mục. Như Lai biết rõ các nhân duyên gì ở trong tận cùng các thế giới xa xăm và các thế giới khác. Chẳng có hiện tượng nào trong các thế giới đó mà Như Lai không biết, kể cả các thế giới ở ngoài các thế giới này, Như Lai đều biết rõ từng giọt mưa rơi xuống. Kinh Kim Cang có nói:

“*Như Lai hoàn toàn thấy biết được mọi tâm niệm của chúng sinh.*”¹

Bất luận là các chúng sinh thuộc cõi giới loài người hay cõi giới khác, bất kỳ niệm tưởng nào sinh khởi trong chúng, Như Lai đều biết rõ. **Cũng như nay trước mắt ông.** Ông không thể nào thấy được các hiện tượng ở các cõi nước khác cách xa đây nhiều như số cát sông Hằng, như những vật đang hiện hữu trước mắt ông bây giờ, **các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim hộc trắng, chim quạ đen,** (Như Lai) đều biết nguyên do.

Kinh văn:

是故阿難隨汝心中選擇六根。根結若除塵相自滅。諸妄銷亡，不真何待？

Thị cố A-nan tùy nhữ tâm trung tuyển trạch lục căn, căn kiết nhược trừ, trần tướng tự diệt. Chư vọng tiêu vong, bất chân hà đãi.

Việt dịch:

Vậy nên A-nan, tùy tâm ông lựa chọn trong sáu căn, nếu trừ được nút thắt trong căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt. Các vọng đã tiêu, đó chẳng phải chân thì là gì?

¹ Dịch sát theo bản tiếng Anh: *The Thus Come One completely knows and sees all the thoughts in the minds of all living beings.*

Theo Kinh Kim Cang: *Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sinh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri.*

[0751b13]... 所國土中, 所有眾生若干種心, 如來悉知。

Giảng giải:

Vậy nên—do mọi điều Đức Phật đều biết được, như ngài vừa giải thích—**tuỳ tâm ông lựa chọn trong sáu căn**. Tự ông chọn một một căn nào đó trong sáu căn mà ông thích, ông có nhớ công đức của từng căn mà Như Lai đã giải thích không? Căn nào có đủ 1200 công đức, căn nào không? Căn cứ vào đó, ông có thể chọn ra căn nào hợp với mình. Khi ông đã chọn được một căn, **nếu trừ được nút thắt trong căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt**. Ông áp dụng phương pháp tu tập của mình đối với bất kỳ căn nào đã được chọn ra, cho đến khi căn, nút thắt và trần cảnh đều tiêu sạch. **Các vọng đã tiêu**. Lúc ấy, các vọng tưởng—suy nghĩ dựa trên sinh diệt—mọi sự phân biệt đều tiêu vong.

“Điều gì sẽ xảy ra?” Quý vị sẽ tự hỏi. “Chúng ta sẽ làm gì khi mọi vọng tưởng của mình tiêu mất?” **Đó chẳng phải chân thì là gì?** Nếu lúc này quý vị chẳng phải chân thì đó là cái gì? Tất cả những gì còn lại đều là chân. Khi cái vọng không còn, thái tất cả còn lại đều là chân. Trừ bỏ mọi niệm tưởng vướng mắc vào các duyên, thì bản tánh chân như thanh tịnh vi diệu sẽ hiện tiền, bản lại diện mục, tánh Như Lai tạng sẽ hiển lộ.

Đến đoạn kinh này, quý vị đặc biệt phải chú tâm nhiều hơn. Quý vị nên phát huy công phu của mình vào một trong sáu căn. Căn nào? Bất kỳ căn nào cũng được: Mắt tai mũi lưỡi thân ý—quý vị đều có thể áp dụng công

phu tu tập của mình vào đó. Cửa vào của mỗi sáu căn đều là lối để nhập đạo. Mỗi sáu căn đều là một phần của tánh Như Lai tạng. Việc căn phải làm đối với quý vị là bắt tay vào, để tâm trong công phu tu tập, và quý vị sẽ thể nhập với bản thể của tánh Như Lai tạng.

Kinh văn:

阿難吾今問汝。此劫波羅巾六結現前。同時解縈得同除不。不也世尊。是結本以次第綰生。今日當須次第而解。六結同體結不同時。則結解時云何同除。

A-nan ngô kim vấn nhữ. Thử kiếp-ba-la cân lục kiết hiện tiền, đồng thời giải oanh, đắc trừ đồng trừ phủ? Phát dã Thế tôn. Thự kiết bản dĩ thứ đệ quán sanh. Kim nhật đương tu thứ đệ nhi giải. Lục kiết đồng thể, kiết bất đồng thời, tắc kiết giải thời vân hà đồng trừ?

Việt dịch:

A-nan, nay Như Lai hỏi ông, “Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, nếu đồng thời cởi ra, thì có thể cùng lúc trừ hết được chăng?”

“Bạch Thế tôn. Không. Những nút này khi cột lại, vốn có thứ tự. Nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng thời, thì khi mở nút, làm sao cùng một lúc mà mở hết được?”

Giảng giải:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: “**A-nan, nay Như Lai hỏi ông, “Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, nếu đồng thời cởi ra, thì có thể cùng lúc trừ hết được chăng? Chiếc khăn từ cung trời Tu-dạ-ma này có sáu nút như mọi người đã thấy. Có thể nào sáu nút này được mở ra cùng một lúc chăng?”**”

“**Bạch Thế tôn. Không.**” A-nan trả lời. “Tại sao lại không? **Những nút này khi cột lại, vốn có thứ tự. Chúng được thắt lại theo thứ lớp. Nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Nay chúng cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng thời. Dù sáu nút đều được thắt trên cùng một chiếc khăn, nhưng các nút thì không được cột lại cùng một lúc, thì khi mở nút, làm sao cùng một lúc mà mở hết được? Nó phải được mở ra theo từng nút.**”

Kinh văn:

佛言，六根解除亦復如是。此根初解先得人空。空性圓明，成法解脫。解脫法已俱空不生。

Phật ngôn, “Lục căn giải trừ diệt phục như thị. Thử căn sơ giải, tiên đắc nhân không. Không tính viên minh thành pháp giải thoát. Giải thoát pháp dĩ, câu không bất sinh.

Việt dịch:

Đức Phật dạy rằng, “Việc giải trừ các nút nơi

sáu căn cũng như vậy. Khi các căn bắt đầu được mở, trước hết sẽ được nhân không. Đến khi tánh không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát được pháp chấp. Pháp chấp được giải thoát rồi, thì cả nhân không lẫn pháp không đều chẳng sanh khởi.”

Giải thích:

Đức Phật dạy rằng, “Việc giải trừ các nút nơi sáu căn cũng như vậy. Đạo lý của việc này cũng giống như việc mở ra các nút. Ông phải mở nút từng căn một, ông không thể nào cùng một lúc mở cả sáu căn. **Khi các căn bắt đầu được mở**—có nghĩa là căn mà ông đã chọn để tu tập viên thông—**trước hết sẽ được nhân không.**” Khi đạt được nhân không, là không còn chấp ngã nữa. Có hai loại ngã chấp:

1. Câu sanh ngã chấp.
2. Phân biệt ngã chấp.

Đến lúc này, cả hai thứ ngã chấp này đều không còn.

Đến khi tánh không viên mãn sáng suốt—khi đã thể hội nhân không thật viên mãn—**thì giải thoát được pháp chấp.** Khi Nhận ra thể tánh các pháp đều là không thì thoát khỏi hai cái chấp về pháp:

1. Câu sanh pháp chấp.
2. Phân biệt pháp chấp.

Pháp chấp được giải thoát rồi, thì cả nhân không lẫn pháp không đều không sanh khởi. Khi đã giải thoát được khỏi pháp chấp, thì không còn hai thứ nhân

không và pháp không nữa. Hai thứ không này chẳng còn sinh khởi nữa.

Kinh văn:

是名菩薩從三摩地，得無生忍。

Thị danh Bồ tát tòng tam-ma-địa, đắc vô sinh nhẫn.

Việt dịch:

Đó gọi là Bồ-tát do tam-ma-địa mà chứng được vô sanh nhẫn.

Giải thích:

Bồ-tát đạt được định lực, như vậy có thể chứng được vô sinh pháp nhẫn, đó là cảnh giới của hàng Bồ-tát.

HAI MƯƠI LĂM PHÁP MÔN VIÊN THÔNG.

Kinh văn:

阿難及諸大眾蒙佛開示。慧覺圓通得無疑惑。

A-nan cập chư đại chúng mông Phật khai thị, tuệ giác viên thông, đắc vô ngại hoặc.

Việt dịch:

A-nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, tuệ giác được viên dung thông suốt, không còn điều gì nghi hoặc.

Giải thích:

A-nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, tuệ giác được viên dung thông suốt. Vào lúc này, trí huệ của A-nan và đại chúng đều được viên mãn và đều chứng được viên thông. Đại chúng đều không còn điều gì nghi hoặc.

Kinh văn:

一時合掌頂禮雙足，而白佛言。我等今日。身心皎然快得無礙。

Nhất thời hợp chưởng đảnh lễ song túc, nhi bạch Phật ngôn, “Ngã đẳng kim nhật, thân tâm kiểu nhiên khoái đắc vô ngại.”

Việt dịch:

Cùng lúc chấp tay, đảnh lễ sát hai chân Phật mà

thừa rằng, “Ngày nay thân tâm chúng con được sáng suốt, vui mừng được điều vô ngại.”

Giảng giải:

Cùng lúc chấp tay, đánh lễ sát hai chân Phật mà thừa rằng—Đại chúng đồng cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, và A-nan bạch Phật, “Ngày nay thân tâm chúng con được sáng suốt.” Đại chúng đều hiểu được rõ ràng. Và “Vui mừng được điều vô ngại. Chúng con vui mừng khi đạt được sự hiểu biết thông suốt, không còn ngăn ngại bởi những mối nghi ngờ.”

Kinh văn:

雖復悟知一六亡義。然猶未達圓通本根。

Tuy phục ngộ tri nhất lục vong nghĩa. Nhiên do vị đạt viên thông bốn căn.

Việt dịch:

Tuy hiểu ra nghĩa một và sáu đều không còn, nhưng còn chưa rõ được căn tính bản lai của viên thông.

Giảng giải:

Tuy hiểu ra nghĩa một và sáu đều không còn. Chúng con tuy đã hiểu ra được đạo lý khi sáu căn được mở thì một cũng không còn. Nhưng còn chưa rõ được căn tính bản lai của viên thông. Cái gì là cội nguồn của viên thông? Chúng con còn chưa hiểu.

Kinh văn:

世尊我輩飄零積劫孤露。何心何慮，

預佛天倫。如失乳兒忽遇慈母。

Thế tôn, ngã bói phiêu linh tích kiếp cô lộ. Hà tâm hà lự dự Phật thiên luân. Như thất nhũ nhi hốt ngộ từ mẫu.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, chúng con đã phiêu dạt bơ vơ từ nhiều kiếp. Không biết do đâu mà được dự vào dòng Phật. Như trẻ con khát sữa, bỗng gặp mẹ hiền.

Giải thích:

Bạch Thế tôn, chúng con là hàng Thanh văn còn trong hàng hữu học, đã phiêu dạt, trôi nổi chìm đắm trong biển khổ luân hồi sinh tử, không thể nào thoát ra khỏi vòng luân hồi, bơ vơ từ nhiều kiếp—không được cha mẹ chăm sóc, những kẻ mồ côi cha mẹ thường phải sống đầu đường xó chợ, đêm đến không nhà. Không biết do đâu mà được dự vào dòng Phật. Không biết do cơ may nào mà chúng con được dự vào trong dòng giống Phật, giống như người mẹ hiền của chúng con. **Như trẻ con khát sữa, bỗng gặp mẹ hiền.** Trẻ con mất mẹ nay tìm lại được mẹ hiền và không còn khát sữa.

Kinh văn:

若復因此際會道成，所得密言還同本悟。則與未聞無有差別。

Nhược phục nhân thử tế hội đạo thành, sở đắc mật ngôn hoàn đồng bản ngộ, tắc dữ vị văn, vô hữu sai biệt.

Việt dịch:

Nếu nhân trong hội này mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi mật được nghe, thì với những người chưa được nghe

Giảng giải:

Nếu nhân trong hội này, cơ duyên mà nay chúng con có được, nhờ Đức Phật giảng dạy giáo pháp, mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi mật được nghe . Giáo lý vi diệu, ẩn mật mà Đức Phật giảng dạy cho chúng con để chúng con nhận ra các pháp sai biệt, và đó chính là bản giác của mỗi chúng con, **thì với những người chưa được nghe, sẽ không có gì sai khác.** A-nan thưa rằng, “Giáo pháp Đức Phật giảng dạy giúp cho chúng con được giác ngộ. Giáo pháp là do Đức Phật giảng nói, còn sự chứng ngộ là tự thân của riêng mỗi người trong chúng con. Chúng con nhận ra bản tâm, thấy được bản tánh, là chẳng phải cái gì do từ bên ngoài mà có. Đó là lý do tại sao nó chẳng khác với những điều chúng con chưa từng được nghe.”

Kinh văn:

惟垂大悲惠我祕嚴。成就如來最後開示。作是語已五體投地。退藏密機，冀佛冥授。

Duy thùy đại bi huệ ngã bí nghiêm. Thành tựu Như Lai tối hậu khai thị. Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, thối tàng mật cơ, ký Phật minh thọ.

Việt dịch:

“Xin Đức Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm như là lời khai thị tối hậu của Như Lai.” Nói lời ấy xong, A-nan gieo năm vóc xuống đất, lui về an trụ trong chánh niệm, trông chờ lời chỉ dạy vi mật của Đức Phật.

Giảng giải:

A-nan tiếp tục cầu xin Đức Phật. **Xin Đức Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm như là lời khai thị tối hậu của Như Lai.**” A-nan lại xin Đức Phật khởi lòng từ bi ban cho đại chúng giáo pháp vi diệu sâu mầu—Thủ-lăng-nghiêm đại định. A-nan mong muốn có được nước của tam-muội. “Như à lời khai thị tối hậu của Như Lai. Chúng con xem đây là lời chỉ dạy tối thượng của Như Lai ban cho chúng con.” Khi dâng lời thỉnh cầu này, **A-nan gieo năm vóc xuống đất, lui về an trụ trong chánh niệm.** A-nan lui lại nơi chỗ ngồi của mình và chờ đợi Đức Phật sẽ bí mật truyền trao giáo pháp vi diệu cho mình. “Bí mật—*minh* 冥” có nghĩa là dù có nhiều người đang có mặt, nhưng Đức Phật truyền trao giáo pháp cho A-nan mà họ không biết. Thế nên kinh văn nói: **Trông chờ lời chỉ dạy vi mật của Đức Phật.**

Kinh văn:

爾時世尊普告眾中諸大菩薩。及諸漏盡大阿羅漢。汝等菩薩及阿羅漢。生

我法中得成無學。吾今問汝最初發心悟
十八界誰為圓通。從何方便入三摩地

Nhĩ thời Thê tôn phổ cáo chúng trung chư đại Bồ-tát. Cập chư lậu tận đại A-la-hán. Sinh ngã pháp trung đắc thành vô học. Ngô kim vấn nhữ tối sơ phát tâm, ngô thập bát giới thùy vị viên thông. Tòng hà phương tiện nhập tam-ma-địa?

Việt dịch:

Bấy giờ Thê tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị A-la-hán đã sách các lậu hoặc trong đại chúng rằng; “Các ông là những vị Bồ-tát và A-la-hán sinh trưởng trong Phật pháp, đã chứng được quả vô học. Nay Như Lai hỏi các ông, lúc ban đầu mới phát tâm, ngộ tính viên thông ở giới nào trong mười tám giới? Do phương tiện gì mà được tam-muội? ”

Giảng giải:

Đức Phật biết rằng A-nan đã lui về chỗ ngồi và đang am thầm chờ đợi cơ duyên vi mật để nhận lời khai thị của Đức Phật. Đức Phật biết rõ những điều đang diễn ra trong tâm thức A-nan. Nhưng lúc này, Đức Phật chưa đáp ứng những mong mỏi của A-nan. Trước tiên Đức Phật hỏi 25 vị thánh. Ngài hỏi vị nào đã chứng được viên thông và do giới nào trong mười tám giới mà họ chứng được? Đức Phật hỏi nhờ căn nào mà các ngài được giải thoát?

Bấy giờ Thế tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị A-la-hán đã sách các lậu hoặc trong đại chúng rằng—Câu này được thêm vào như là lời kể chuyện khi kinh này được kết tập. Tiếp theo là lời của Đức Phật. **“Các ông là những vị Bồ-tát và A-la-hán sinh trưởng trong Phật pháp, đã chứng được quả vô học— các ông là:**

Tùng Phật khẩu sanh

Tùng pháp hoá sanh.

Các ông đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, thuộc hàng vô học, hoặc quý vị là những vị đại Bồ-tát. Nay Như Lai hỏi các ông, lúc ban đầu mới phát tâm, ngộ tính viên thông ở giới nào trong mười tám giới? Rốt cuộc, do căn nào, giới nào là viên thông? Do phương tiện gì mà được tam-muội? Do phương tiện nào mà ông đạt được tam-ma-đề?”¹

¹ S: samadhi

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN



VIÊN THÔNG THANH TRẦN

Kiều-trần-na

Kinh văn:

驕陳那五比丘即從座起。頂禮佛足而白佛言。我在鹿苑及於雞園。觀見如來最初成道。於佛音聲悟明四諦。

Kiều-trần-na ngũ tỷ-khuru tức tùng toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã tại Lộc uyển cập ư Kê viên, quan kiến Như Lai tối sơ thành đạo. Ư Phật âm thanh ngộ minh tứ đế.

Việt dịch:

Nhóm năm vị tỷ-khuru Kiêu-trần-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng, “Chúng con khi ở Lộc uyển và Kê viên, thấy Như Lai khi mới thành đạo, nhờ nghe được pháp âm của Như Lai mà ngộ được lý Tứ diệu đế.”

Giải giảng:

Kiều-trần-na (Kaundinya) còn gọi là A-nhã Kiêu-trần-như (Ajnatakaundinya), là một trong những đệ tử của Đức Phật. Tên của ông có nghĩa là *Giải bốn tế*, 解本際 là hiểu rõ tận căn nguyên; và *Tối sơ giải*, 最初解 là

người hiểu được giáo pháp đầu tiên. Ngài là người đệ tử đầu tiên của Đức Phật được giác ngộ. Ngài là bậc trưởng lão trong đạo, ngài ngộ đạo rất sớm. Lúc ấy, ngài đã lớn tuổi.

Nhóm năm vị tỳ-khưu Kiều-trần-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng, “Chúng con khi ở Lộc uyển và Kê viên, thấy Như Lai khi mới thành đạo.”

Tương truyền rằng Kê viên là một vườn cây có nhiều loài gà sinh sống. Một hôm vườn cây phát hoả, các con gà nhúng ướt lông của mình rồi dập tắt lửa. Người ta cho rằng đây là điềm rất kỳ đặc. Nên có không khí kỳ diệu khác thường ở nơi này. Đặc điểm địa lý rất là tốt lành. Những người tu tập nên tìm đến những nơi này, vì sẽ hưởng được cảnh giới thiện lành ở đây.

Nhờ nghe được pháp âm của Như Lai—âm thanh mà Đức Phật giảng pháp—mà ngộ được lý Tứ diệu đế.” Đức Phật chuyển pháp luân Tứ đế. Tức gọi là Tam chuyển tứ đế. Nghĩa là Đức Phật chỉ dạy, “Đây là khổ, tánh bức bách. Đây là tập, tánh chiêu cảm. Đây là diệt, tánh khả chứng. Đây là đạo, tánh khả tu.”¹

Tiếp theo, ngài dạy, “Đây là khổ, ông nên biết. Đây là tập, ông nên dứt. Đây là diệt, ông nên chứng. Đây là đạo, ông nên tu.”²

¹ Đây là sơ chuyển, lần thứ nhất, còn gọi là thị chuyển.

² Khuyến chuyển.

Lần thứ ba, ngài dạy, “Đây là khổ, Như Lai đã biết. Đây là tập, Như Lai đã dứt. Đây là diệt, Như Lai đã chứng. Đây là đạo, Như Lai đã tu.”¹

Sau khi Đức Phật chỉ dạy những điều này, Kiều-trần-na liền được giác ngộ. Trước đây trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, đã giải thích về Kiều-trần-na rằng ngài được giác ngộ nhờ hai chữ ‘khách trần.’² Ngài nhận ra rằng khách chẳng phải là chủ. Chủ thì chẳng đi đâu, trong khi khách thì có đi có đến.

Kiều-trần-na nghe pháp âm của Đức Phật và ngộ đạo. Thanh âm của con người rất là quan trọng. Tiếng nói của quý vị nếu có âm vang, âm thanh mạnh mẽ và rõ ràng, mọi người sẽ rất thích thú khi nghe quý vị giảng pháp. Nếu lời nói không rõ và nói lấp bắp, ngập ngừng, thì người ta sẽ không muốn nghe quý vị nói. Âm thanh của Đức Phật trong như pha lê, như tiếng gầm của sư tử. Bất luận chúng hội có đông bao nhiêu người, họ đều nghe được pháp âm của Đức Phật, và họ đều hiểu được nghĩa lý. Chẳng có một ai không hiểu được. Không những loài người hiểu được, mà các loài thú cũng hiểu ra những gì Đức Phật nói. Nên có câu:

*Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp
Chúng sinh tùy loại các đắc giải.*

¹ Chứng chuyển.

² Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quyển 3.

Kinh văn:

佛問比丘我初稱解。如來印我名阿若多妙音密圓。我於音聲得阿羅漢。

Phật vấn tỳ-khuru. Ngã sơ xưng giải, Như Lai ấn ngã A-nhã-đa. Diệu âm mật viên, ngã ư âm thanh đắc A-la-hán.

Việt dịch:

Phật hỏi trong hàng tỳ-khuru chúng con (về viên thông). Con là người đầu tiên giải ngộ, nên Như Lai ấn chứng cho con là A-nhã-đa. Tính vi diệu của âm thanh vốn là nhiệm mầu và viên mãn, con nhờ âm thanh mà chứng được A-la-hán.

Giải thích:

Phật hỏi trong hàng tỳ-khuru chúng con. Nay Đức Phật hỏi trong hàng tỳ-khuru chúng con bằng cách nào mà chúng được viên thông. **Con là người đầu tiên giải ngộ, nên Như Lai ấn chứng cho con là A-nhã-đa.**¹ Con là người đầu tiên ngộ đạo và giải thoát. **Tính vi diệu của âm thanh vốn là nhiệm mầu và viên mãn.** Con nghe âm thanh vi diệu của Phật, âm thanh ấy khế hợp với bản tâm của con. Nó vốn vi mật và viên mãn, hoàn toàn tương ứng, viên dung tâm tánh của con. **Con nhờ âm thanh mà chứng được A-la-hán.** Con tu tập qua phương tiện âm thanh và chứng được A-la-hán.

¹ S: Ajnata

Quán Thế Âm Bồ-tát tu tập viên thông ở nhĩ căn, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát chọn nhĩ căn là tốt nhất để A-nan tu tập viên thông. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói rằng tu tập viên thông ở nhĩ căn là pháp môn thù thắng nhất.

Kinh văn:

佛問圓通，如我所證，音聲為上。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng âm thanh vi thượng.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông,

Đức Phật hỏi trong 18 giới, giới nào mà nhờ đó, tu tập để chứng được viên thông. **Theo sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.** Sự chứng ngộ của con là nhờ vào âm thanh. Chính nhờ vào phương tiện ấy mà con chứng được A-la-hán. Thế nên con nghĩ rằng âm thanh là quan trọng nhất. đó là phương pháp thù thắng để tu tập viên thông.

VIÊN THÔNG SẮC TRẦN

Ưu-bà-ni sa-đà

Kinh văn:

Ưu-bà-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: “Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng, tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học.”

Ưu-bà-ni sa-đà tức tông toà đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã diệc quán Phật tối sơ thành đạo. Quán bất tịnh tướng sinh yếm ly. Ngộ chư sắc tánh dĩ tông bất tịnh. Bạch cốt vi trần quy hư không. Không sắc nhị vô. Thành vô học đạo.

Việt dịch:

Ưu-bà-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: “Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng, tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học.”

Giải thích:

Ưu-bà-ni-sa-đà (Upaniṣad) có nghĩa là ‘sắc tánh

không 色性空'. Ông luôn luôn bị quấy rầy bởi ham muốn tình dục mạnh mẽ. Do đó, Đức Phật dạy ông tu tập pháp quán bất tịnh. Việc này giúp cho ông quán sát được thân thể mình cũng như của người khác đều là bất tịnh. Pháp thực hành chính gọi là cửu tướng quán.¹

1. Trương tướng: Sau khi chết, tử thi bắt đầu phồng lên.
2. Thanh ú tướng: Sau khi phồng lên, thân chết vỡ ra ở những vùng bị thâm tím.
3. Hoại tướng: Sau khi thân chết ngã màu xanh, nó bắt đầu vỡ ra.
4. Huyết đồ tướng: Khi thân thể tan hoại, máu và các thứ dịch chảy ra.
5. Nùng lạn tướng: Mủ bắt đầu rỉ ra ngoài thân và bắt đầu mục nát.
6. Trùng đạm tướng: Mủ vỡ ra, thân rã mục, côn trùng đục khoét phần còn lại.
7. Phân tán tướng: Thị bắt đầu tiêu tan mất.

¹ Tên gọi và sắp xếp thứ tự các mục có khác so với trong Từ điển Bách khoa Phật học Toàn thư:

1. Trương tướng 脹想 (s: vyādhmātaka saṃjñā) 2. Hoại tướng 壞想 (s: vikhāditaka saṃjñā) 3. Huyết đồ mạn tướng 血塗漫想 (s: vilohitaka saṃjñā) 4. Nùng lạn tướng 膿爛想 (s: vibhūtika saṃjñā) 5. Thanh ú tướng 青瘀想 (s: vinilaka saṃjñā), 6. Đạm tướng 啖想 (s: vipadumaka saṃjñā), 7. Tán tướng 散想 (s: viksiptaka saṃjñā), 8. Cốt tướng 骨想, 9. Thiêu tướng 燒想 (s: vidaghaka saṃjñā).

8. Bạch cốt tướng: Khi thịt đã tiêu sạch, chỉ còn xương trắng.
9. Thiêu tướng: Toàn thân bị thiêu và chỉ còn tro. Tro bay vào hư không và trở thành cát bụi, cuối cùng chẳng còn gì.

Ưu-ba-ni-sa-đà rất thăm đăm sắc dục, ông ta để ý mọi người phụ nữ mà ông đã gặp và để ý đến sắc đẹp của họ, người nầy đẹp như thế nào, đặc điểm của họ là gì, và họ hấp dẫn ở điểm nào. Ông ta để hết mọi tâm lực vào việc này.

Sau khi ông gặp Đức Phật, Đức Phật dạy ông quán tưởng về chín thứ bất tịnh này.

Ưu-ba-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: “Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tưởng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán.

Con cũng vậy, gặp được Đức Phật ngay sau khi thành đạo, Thế tôn dạy cho con pháp cửu tướng quán, quán tưởng về chín pháp bất tịnh. Từ đó con nhận ra bất luận con người nào, khi còn sống, dù có đẹp đến đâu, đến mức quý vị càng nghĩ rằng cô ta đẹp, càng khiến cho cô ta càng hấp dẫn; Tuy nhiên, khi cô ta chết đi, xác của cô ta sẽ trương phồng lên ghê tởm như bất kỳ xác chết nào khác. Xác ấy sẽ trở nên thâm tím, thịt da rữa ra. Liệu quý vị có còn yêu cô ta nữa không? Rồi máu mủ từ trong xác sẽ rỉ ra, xác chết bắt đầu thối rữa. Chó rất thích xác

chết trong giai đoạn này, nhưng con người thì lại tránh xa. Chỉ nghĩ đến thôi là muốn nôn mửa ra rồi! Chẳng thể nào hôn cô ta trong lúc này được nữa. Rồi trùng từ trong xác sinh ra, loài lớn có loài nhỏ có. Ruồi nhặng bay đên từng đàn. Chúng đến bên xác và lúc này thì quý vị không còn thấy ghen tương gì nữa. Thịt tan rữa ra và chỉ còn xương. Lúc ấy được thiêu cháy và chẳng còn lại thứ gì. Nói cho tôi biết, người đẹp ấy đi đâu mất? Qua pháp quán này, con thấy chán tất cả mọi thứ sắc. **Ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh.** Ưu-ba-ni-sa-đà nhận ra rằng dù con người có đẹp đẽ đến đâu, căn nguyên của nó cũng là bất tịnh. Tinh cha huyết mẹ là cội nguồn bất tịnh của thân người.

Tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học, đó là quả vị thứ tư của hành A-la-hán.

Kinh văn:

如來印我名尼沙陀。塵色既盡妙色
密圓。我從色相得阿羅漢。佛問圓通如
我所證色因為上

Như Lai ấn ngã danh Ni-sa-đà. Trần sắc kỳ tận, diệu sắc mật viên. Ngã tòng sắc tướng đắc A-la-hán. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng sắc nhân vi thượng.

Việt dịch:

Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Sắc

của trần cảnh đã tận diệt, thì thể của sắc tinh diệu được viên mãn. Con do (quán tưởng) sắc tướng mà chứng đắc A-la-hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì sắc trần là hơn cả.

Giảng giải:

Như Lai ẩn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Đức Phật ẩn chứng cho con, đặt cho con tên gọi là Upaniṣad, có nghĩa là ‘sắc tánh không; 色性空’. Con quán sát sắc trần, thấy thể tánh của nó là không, ngay đó nó liền tiêu mất, từ đó con thoát khỏi mọi đắm chấp vào sắc. **Sắc của trần cảnh đã tận diệt.** Do sắc trần bất tịnh của con không còn nữa, nên thể của sắc tinh diệu được viên mãn. Trong thể tính chân không, nó chuyển hoá thành thể tính vi diệu viên mãn.

Con do (quán tưởng) sắc tướng mà chứng đắc A-la-hán. Con được ngộ đạo, vốn con là kẻ rất ham mê sắc dục, nhưng con đã vượt qua được điều ấy.

Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì sắc trần là hơn cả. Con nhờ quán tưởng về sắc trần mà chứng được đạo quả.

VIÊN THÔNG HƯƠNG TRẦN

*Hương Nghiêm đồng tử***Kinh văn:**

香嚴童子即從座起。頂禮佛足而白
佛言。我聞如來教我諦觀諸有為相。

*Hương Nghiêm đồng tử tức tòng toà khởi. Đánh lễ
Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã văn Như Lai giáo ngã
để quán chư hữu vi tướng.*

Việt dịch:

Hương Nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng
dậy, đánh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch Phật rằng,
“Con nghe Như Lai dạy con quán sát thật kỹ về tướng
hữu vi.”

Giải thích:

Hương Nghiêm đồng tử, *Hương Nghiêm* là trang
nghiêm bởi hương trầm. *Đồng tử* không có nghĩa là
đứa trẻ—là người quả nhỏ không biết điều gì cả. *Đồng
tử* ở đây có nghĩa là vào đạo khi còn là một thiếu niên.
Là người xuất gia khi còn nhỏ, chưa lập gia đình. Sau
khi Ưu-ba-ni-sa-đà giải thích xong về nhân duyên ngộ
đạo của mình, đến phiên Hương Nghiêm đồng tử liền
từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát dưới chân Phật
rồi bạch Phật rằng, “Con nghe Như Lai dạy con
quán sát thật kỹ về các hiện tượng hữu vi. Đức Phật

dạy con rằng hãy quán sát các hiện tượng hữu vi thật tường tận chi tiết.”

Kinh văn:

我時辭佛宴晦清齋。見諸比丘燒沈水香。香氣寂然來入鼻中。我觀此氣非木非空非煙非火。去無所著來無所從。由是意銷，發明無漏。

Ngã thời từ Phật yến hối thanh trai. Kiến chư tỷ-khuru thiêu trầm thủy hương. Hương khí tịch nhiên lai nhập tị trung. Ngã quán thử khí phi mộc phi không, phi yên phi hoả. Khứ vô sở trước lai vô sở tùng. Do thị ý tiêu, phát minh vô lậu.

Việt dịch:

Khi con từ giả Phật, về ngồi yên tĩnh trong lieu vắng. Thấy các tỷ-khuru đốt hương trầm, mùi hương lặng lẽ xông vào mũi con. Con quán sát hương này, vốn chẳng phải là cây, chẳng phải là hư không, chẳng phải là khói, chẳng phải là lửa. Đến chẳng dính mắc vào đâu, đi cũng chẳng do đâu. Do đó mà mọi ý niệm (phân biệt) đều được tiêu sạch, và con đạt được vô lậu.

Giải thích:

Khi con từ giả Phật, về ngồi yên tĩnh trong lieu vắng. Đức Phật dạy con quán sát các hiện tượng hữu vi, con liền đi tìm chỗ để ngồi công phu. Thanh trai là nơi mọi người đều ăn chay và cảnh trí rất thanh tịnh. Hương

Nghiêm đồng tử dùng ý này để xung tán Đức Phật. “Khi con ngồi nơi tĩnh lặng để công phu quán chiếu, **Thấy các tử-khuru đốt hương trầm thủy.**” “Hương trầm thủy” tiếng Sanskrit là *agaru*. Loại hương trầm này chìm xuống khi thả vào nước nên có tên gọi như vậy.

Con quán sát hương này, vốn chẳng phải là cây, chẳng phải là hư không. Con quán sát căn nguyên của mùi hương này, nó vốn chẳng phải là từ cây gỗ. Nếu nó chỉ do từ gỗ, thì chẳng cần phải đốt lên nó mới có mùi hương. Nếu nó có do từ hư không, thì mùi hương phải luôn luôn có, nhưng phải nhờ đốt lên mới có hương; trước khi đốt lên, thì mùi hương không hiện hữu. Mùi hương ấy **chẳng phải là khói**, hương cũng chẳng đến từ khói, cũng **chẳng phải là lửa**. **Đến chẳng dính mắc vào đâu, đi cũng chẳng do đâu.** Do đó mà **mọi ý niệm (phân biệt) đều được tiêu sạch, và con đạt được vô lậu.**

Nhờ con quán chiếu theo phương pháp này, mà tâm phân biệt và sinh diệt của con tiêu mất. Con chứng được quả vô lậu.

Kinh văn:

如來印我得香嚴號。塵氣倏滅妙香密圓。我從香嚴得阿羅漢。佛問圓通如我所證香嚴為上。

Như Lai ấn ngã đắc Hương Nghiêm hiệu. Trần khí thúc diệt, diêu hương mật viên. Ngã tụng hương nghiêm

đắc A-la-hán. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng hương nghiêm vi thượng.

Việt dịch:

Như Lai ấn chứng cho con tên Hương Nghiêm. Tướng của hương trần bông tiêu tan, thể tính của hương là vi mật và viên mãn. Con từ *hương nghiêm* mà chứng được A-la-hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì hương trần là hơn cả.

Giải thích:

Như Lai đã ấn chứng cho con, đặt tên con là *Hương Nghiêm*. Hương trần bông dung tiêu mất, và thể tính của hương là vi diệu ẩn mật và viên mãn. Nhờ mùi hương mà con chứng được quả A-la-hán.

Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông. Đức Phật muốn biết căn nào là viên thông. Như sở chứng của con, thì hương trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG VỊ TRẦN
Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát

Kinh văn:

藥王藥上二法王子。并在會中五百
梵天即從座起。頂禮佛足而白佛言。我
無始劫為世良醫。口中嘗此娑婆世界草
木金石。名數凡有十萬八千。如是悉
知苦醋鹹淡甘辛等味，并諸和合俱生變
異。是冷是熱有毒無毒悉能遍知。

Dược Vương, Dược Thượng nhị pháp vương tử, tịnh tại hội trung ngũ bá Phạm thiên tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn. “Ngã vô thủy kiếp vị thể lương y, khẩu trung thường thử ta-bà thể giới thảo mộc kim thạch, danh số phàm hữu thập vạn bát thiên. Như thị tất tri khổ thố hàm đạm, cam tân đẳng vị, tịnh chư hoà hợp câu sanh biến dị. Thị lãnh thị nhiệt, hữu độc vô độc, tất năng biến tri.”

Việt dịch:

Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng cùng với năm trăm vị Phạm thiên trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng con làm lương y trong thế gian, miệng thường nếm

các thứ cỏ cây, đá, kim loại trong cõi giới ta-bà này, số mục có đến tám vạn bốn ngàn thứ. Chúng con biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay..., cùng sự hoà hợp và biến đổi từ các vị ấy sinh ra. Thứ nào là lạnh, thứ nào tính nóng, thứ nào độc, thứ nào không độc, chúng con đều biết rõ.”

Giải thích:

Hương Nghiêm đồng tử ngộ đạo là do quán sát hương trần. Ưu-ba-ni-sa-đà ngộ đạo là nhờ quán sát sắc trần. Kiều-trần-na ngộ đạo là do quán sát thanh trần. Hai vị Bồ-tát Dược vương, Dược thượng ngộ đạo là nhờ quán sát vị trần.

Hai vị Bồ-tát Dược vương, Dược thượng là hai anh em. Trong thời quá khứ, Bồ-tát Dược vương có phát lời nguyện sẽ làm vị lương y cho thế gian, thế nên ai đến gặp ngài đều được chữa lành bệnh, bất luận họ bị bệnh nặng đến mức nào. Ngài phát lời nguyện này vào thời Đức Phật Lưu ly quang Như Lai. Có tỳ-khưu Nhật Tạng giảng nói diệu pháp, trong pháp hội có vị trưởng giả tên là Tinh tú quang, nghe pháp sanh lòng vui mừng, nên đã cùng với người em của mình phát nguyện như vậy trước tỳ-khưu Nhật Tạng.¹

¹ (s: Bhaiṣajya-rāja) Theo *Kinh Quán Dược vương, Dược thượng nhị Bồ-tát*. Vào thời Đức Phật Lưu ly quang Chiếu Như Lai, cõi nước Huyền Thắng Phan. Tỳ-khưu Nhật Tạng diễn nói pháp Đại thừa Vô thượng Bình đẳng Đại Huệ của Như Lai. Có Trưởng giả Tinh tú quang nghe pháp sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện cúng dường thuốc hay cho

Ở Trung Hoa, có Vua Thần Nông (Emperor Shen Neng) cũng nếm được 100 loại thảo mộc và phát minh ra cách trị bệnh bằng dược thảo. Dạ dày của ông giống như tấm gương, có thể thấy được thức ăn là độc hay hiền. Nhưng không may, dân Trung Hoa ngày nay hoàn toàn không hiểu được những tinh túy từ lịch sử như thế này, họ cho rằng đó chỉ là những truyền thuyết. Thực ra, đây là những sự kiện rất bình thường, đều có ghi trong các tài liệu y học của Trung Hoa. Nhưng sinh viên Trung Hoa thời hiện đại không đọc những sách cổ, thế nên họ không hiểu được những chuyện này. Chính tôi đã đọc được chuyện này, tôi tin rằng Vua Thần Nông là thân tái sinh của Bồ-tát Dược vương, ngài thị hiện ở Trung Hoa để giúp cho nền tảng nghiên cứu y học ở đó.

Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng cùng với năm trăm vị Phạm thiên trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

tỷ-khuru Nhật Tạng và đại chúng, và nguyện giúp chúng sinh trừ bệnh khổ, hướng đến Vô thượng bồ-đề. Em của Trưởng giả Tinh tú quang là Diễm Quang Minh, cũng phát tâm như vậy. Hai vị này tu tập phạm hạnh dài lâu, các nguyện đã viên mãn, Trưởng giả Tinh tú quang chính là Dược Vương Bồ-tát, sẽ thành Phật vào đời vị lai, hiệu là Tịnh Nhân Như Lai (Vimala-netra), Diễm Quang Minh chính là Dược Thượng Bồ-tát, sẽ thành Phật vào đời vị lai, hiệu là Tịnh Tạng Như Lai (Vimala-garbha).

Trong *Kinh Pháp Hoa*, phẩm *Dược Vương Bồ-tát bốn sự* cũng có ghi chuyện này, chi tiết có khác đôi chút.

Đức Phật là Pháp vương, nên tên gọi dành cho các vị Bồ-tát là Pháp vương tử.

Hai vị Bồ-tát cùng năm trăm đồ chúng của họ liền từ chỗ ngồi của mình đứng dậy, **đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng con làm lương y trong thế gian, mệnh thường ném các thứ cỏ cây, đá, kim loại trong cõi giới ta-bà này, số mục có đến tám vạn bốn ngàn thứ.”**

Vào thời đó, ở Ấn Độ các chất của thuốc được hoà hiệp từ bốn thứ, cỏ, cây, kim loại và đá. **Chúng con biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay..., cùng sự hoà hợp và biến đổi từ các vị ấy sinh ra.** Chúng con biết rõ vị nào thích hợp vị nào không. Vị nào có thể hoà hiệp để trị một số bệnh, vị nào không thể hoà hiệp, nhưng khác với loại trước, có thể gây chết người nếu khi hoà hiệp chúng lại. Thế nên trong *Dược tính bộ* (Yao Xing Pu (*Treatise on the Nature of Medicines*)) có nói, “Căn bản về thảo mộc, có mười tám loại độc và 19 loại hiền. Ô đầu (烏頭 *wu dou*) tương kị với các thứ Bán hạ (半夏 *ban xia*), Bạch liên (白薇 *bei lian*), Qua lâu (瓜 蒌 *guo lou*). Cam thảo được trình bày trong *Dược tính bộ* như là thảo dược có ưu thế hoà hiệp với nhiều thứ thuốc khác, nhưng nếu đem cam thảo dùng chung với Hải tảo (海藻 *hai zao*), Đại kích (大戟 *da ji*), Cam toại (甘遂 *gan sui*), Nguyên hoa (元花 *yuan hua*) mà cho bệnh nhân dùng thì họ có thể chết. Lê lô (藜蘆 *li lo*) và Tế tân (細辛 *xi xin*)

dùng chung cũng có thể làm chết người. Nhưng Tế tân dùng riêng thì có thể chữa được bệnh nhưc đầu.

Chúng con biết rõ những dược thứ thuốc này thích hợp hay nghịch nhau khi chúng hoà hiệp lại, và thứ nào sẽ biến đổi tính chất, hoặc điều gì sẽ xảy ra khi chúng hoà hiệp với những thứ có độc tính, cũng như biết được **thứ nào là lạnh, thứ nào tính nóng, thứ nào độc, thứ nào không độc, chúng con đều biết rõ.**”

Dược tính của nó có thể là hàn, nhiệt, ôn, bình. Những người tánh hàn thì không thể dùng thuốc có vị hàn, những người có tánh ôn thì không thể nào chịu được thuốc có vị ôn. Hai vị Bồ-tát đều biết rõ tính độc của từng vị thuốc như thế nào trong từng loại dược thảo.

Kinh văn:

承事如來，了知味性非空非有。非即身心非離身心。分別味因，從是開悟。

Thừa sự Như Lai, liễu tri vị tánh phi không phi hữu. Phi tức thân tâm phi ly thân tâm. Phân biệt vị nhân tông thị khai ngộ.

Việt dịch:

Chúng con (nhờ) thừa sự Như Lai, (mà) rõ biết bản tính của vị trần vốn chẳng phải là không, chẳng phải là có; không phải chính là thân tâm, chẳng phải tách rời thân tâm. Do phân biệt được bản nhân của vị trần mà được khai ngộ.

Giải đãi:

Chúng con (nhờ) thừa sự Như Lai. Chúng con đã quy y và phụng thờ chư Phật. Nhờ đó (mà) rõ biết bản tính của vị trần vốn chẳng phải là không, chẳng phải là có. Vị trần chẳng đến từ hư không, chẳng phải vốn có. Vị trần không phải chính là thân tâm, chẳng phải tách rời thân tâm. Bản tánh của vị trần chẳng phát sinh từ cái lười nếm mùi vị; chẳng phải tánh của vị trần có được bên ngoài việc nếm mùi vị của cái lười.

Do phân biệt được bản nhân của vị trần mà được khai ngộ.

Chúng con quán chiếu tường tận căn nguyên bản tính của mùi vị và nhờ đó mà được giác ngộ. Khi chúng con phát huy tính phân biệt đến tột đỉnh—tới mức không còn phân biệt được nữa— thì trở nên chứng ngộ. Chúng con nhận ra rằng căn nguyên của mùi vị vốn chẳng phải là mùi vị.

Kinh văn:

蒙佛如來印我昆季。藥王藥上二菩薩名。今於會中為法王子。因味覺明位登菩薩。

Mông Phật Như Lai ấn ngã côn quý, Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát danh. Kim u hội trung vi Pháp vương tử. Nhân vị giác minh vị đặng Bồ-tát.

Việt dịch:

Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con tên

gọi là Được Vương Được Thượng Bồ-tát. Nay trong chúng hội, chúng con là pháp vương tử. Nhờ vị trần mà được chứng ngộ trong hàng Bồ-tát.

Giảng giải:

Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con tên gọi là Được Vương Được Thượng Bồ-tát. Đức Phật ban cho hàng Bồ-tát chúng con hai tên gọi như vậy. Nay trong chúng hội, chúng con là pháp vương tử. Nhờ vị trần mà được chứng ngộ trong hàng Bồ-tát. Chúng con ném các vị trần cho đến khi được chứng ngộ đến giai vị Bồ-tát.

Kinh văn:

佛問圓通，如我所證，味因為上。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, vị nhân vi thượng.

Việt dịch:

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Như chỗ chứng ngộ của chúng con, căn nguyên từ vị trần là hơn cả.

Giảng giải:

Vị trần là phương pháp tu tập viên thông thù thắng nhất. Mùi vị là điều cần nhất cho chuyện ăn uống. Nó có thể là ngon nhất và cũng có thể là dở nhất. Vị dở nhất là vị diệu lạc tối thượng. Nhưng chính quý vị phải tự mình nếm được và nhận ra nó có ngon hay không.

VIÊN THÔNG XÚC TRẦN

Bạt-đà-bà-la

Kinh văn:

跋陀婆羅并其同伴。十六開士即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Bạt-đà-bà-la tịnh kỳ đồng bạn thập lục khai sĩ tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng.

Giải thích:

Bhadrapāla¹ là tiếng Sanskrit, Hán dịch là Hiền thủ còn dịch là Hiền đức. Khi Bhadrapāla mới xuất gia tu đạo, ông ta rất ngã mạn. Khi đó có một vị Bồ-tát tên là Thường Bất Khinh, thường tu tập hạnh kính trọng mọi người. Bất kì khi gặp ai, Bồ-tát này cũng thường chấp tay cung kính nói với họ rằng, “Tôi không dám khinh quý ngài, vì trong tương lai các ngài sẽ thành Phật.”

¹ Còn gọi Hiền Hộ 賢護. Còn Phiên âm là Bạt-đà-la-ba-lê 跋陀羅波梨. Pháp Hoa văn cú nói rằng Bạt-đà-bà-la 跋陀婆羅 Bồ-tát. Hán dịch là Thiện Thủ 善守. Còn gọi Hiền Thủ 賢守. Kinh Tư Ích nói rằng: Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu ngài, liền được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên gọi là Thiện Thủ 善守.

Khi Bồ-tát Thường Bất Khinh làm điều này đối trước Bhadrápāla, ông ta liền mắng Bồ-tát Thường Bất Khinh rằng, “Ông thực là kẻ khờ dại! Sao ông lại làm cái dở hơi? Ông thực là ngớ ngẩn!” Sau lần đó, Bhadrápāla thậm chí còn xúi giục người khác đánh đập Bồ-tát. Khi Bồ-tát cúi lạy những người này, họ còn đá vào ngài khi ngài cúi xuống lạy họ. Có khi họ véo mũi ngài, có khi họ đánh ngài đến gãy răng. Do tính ngã mạn này mà Bhadrápāla bị đọa vào địa ngục. Ông ta phải chịu ở đó một thời gian dài trước khi được làm người.

Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ-tức chỉ cho các vị Bồ-tát-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng.

Kinh văn:

我等先於威音王佛，聞法出家。於浴僧時。隨例入室忽悟水因。既不洗塵亦不洗體。中間安然得無所有宿習無忘

Ngã đẳng tiên ư Oai-âm-vương Phật, văn pháp xuất gia. Ư dục tăng thời, tùy lệ nhập thất, hốt ngộ thủy nhân. Ký bất tẩy trần diệc bất tẩy thể. Trung gian an nhiên, đắc vô sở hữu.

Viết dịch:

Chúng con ban đầu nghe pháp từ Đức Phật Oai âm vương mà xuất gia. Trong khi chur tăng đang tắm, theo thứ tự đi vào phòng tắm, bỗng nhiên ngộ ra bản tính của nước. Vốn nó không tẩy được bụi, cũng

**chẳng tẩy được mình. Ở giữa hai điều ấy, con được
rõng rang tịch lặng, con nhận ra cái không có gì.**

Giải:

**Chúng con ban đầu nghe pháp từ Đức Phật Oai
âm vương mà xuất gia.**

Đức Phật Oai âm vương¹ là vị Phật đầu tiên trong
chư Phật. Nay nếu có người hỏi quý vị rằng vị Phật đầu
tiên là ai, quý vị có thể trả lời chính xác cho họ rồi.
Bhadrapāla xuất gia từ thời Đức Phật Oai âm vương. Có
lần **trong khi chư tăng đang tắm, con theo thứ tự đi
vào phòng.** Chư tăng vào thời ấy, theo lệ, cứ nửa tháng
tắm một lần. **Bỗng nhiên con ngộ ra bản tính của
nước. Vốn nó không tẩy được bụi, cũng chẳng tẩy
được mình.** Nhờ quán sát từ nước mà Bhadrāpāla được
giác ngộ. Ông ta ngộ ra đối tượng của sự xúc chạm.

Ở giữa hai điều ấy, con được rõng rang tịch lặng.
Có nghĩa là không có đối tượng của xúc chạm.

Kinh văn:

宿習無忘乃至今時從佛出家今得無
學。彼佛名我跋陀婆羅。妙觸宣明成佛
子住。

*Túc tập vô vong, nãi chí kim thời tòng Phật xuất
gia kim đắc vô học. Bỉ Phật danh ngã Bạt-đà-bà-la.
Diệu xúc tuyên minh, thành Phật tử trụ.*

¹ E: King of Awesome Sound Buddha. S: Bhīṣma-garjitasvara-rāja.

Việt dịch:

Đến nay con vẫn chưa quên điều sở chứng trong quá khứ, đến khi theo Phật xuất gia, con được quả vị vô học. Đức Phật ấy gọi con là **Bạt-đà-bà-la**. Do phát minh diệu tính của xúc trần, nên thành bậc Phật tử trụ.

Giảng giải:

“Đến nay con vẫn chưa quên điều sở chứng trong quá khứ. Con chưa quên những gì con nhận biết về bản tính của nước khi con vào phòng tắm lúc ấy.” Dù *Bạt-đà-bà-la* bị đọa vào địa ngục sau đó, nhưng ông ta vẫn không quên những điều ông đã chứng ngộ được. Từ thời Đức Phật Oai âm vương, cho đến khi *Bạt-đà-bà-la* trình bày những điều này trong hội chúng của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là một khoảng thời gian không thể tính đếm được. Bồ-tát Thường Bất Khinh chính là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong một kiếp trước. Và *Bạt-đà-bà-la*, trong chúng hội của Đức Phật Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngày nay, chính là người trong kiếp trước đã cho người mắng nhiếc đánh đập Bồ-tát Thường Bất Khinh. *Bạt-đà-bà-la* chính là vị tăng rất ngạo mạn và đầy tự cao nên đã đọa vào địa ngục.

Đến khi theo Phật xuất gia, con được quả vị vô học. *Bạt-đà-bà-la* nói rằng: “Nay con xuất gia và đã thành tựu được quả vị vô học. Đức Phật kia đã ấn chứng cho con và đặt tên con là *Bạt-đà-bà-la*. Do phát minh diệu tính của xúc trần, nên thành bậc Phật tử trụ. Đối

tượng của xúc trần không còn, nhưng diệu tính của xúc trần hiển lộ.” Khi Bạt-đà-bà-la nói rằng mình là ‘Phật tử’ có nghĩa là là ông đã chứng được giai vị Bồ-tát.

Kinh văn:

佛問圓通，如我所證，觸因為上。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, xúc nhân vi thượng.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, do xúc trần là hơn cả.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, do xúc trần—đối tượng của xúc trần—là hơn cả.

VIÊN THÔNG PHÁP TRẦN
Ma-ha Ca-diếp

Kinh văn:

摩訶迦葉及紫金光比丘尼等，即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Ma-ha Ca-diếp cật Tử Kim Quang tử-khuru ni đảnh túc tông toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Ma-ha Ca-diếp cùng tử-khuru ni Tử Kim Quang cùng những người khác liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Giảng giải:

Ma-ha Ca-diếp; Ma-ha (s: mahā) là lớn; *Ca-diếp* (s: Kāśyapa) là tên. Do thời ấy nhiều người có họ Kāśyapa nên chữ *mahā-đại* được thêm vào để gọi tên ngài. Kāśyapa dịch theo tiếng Hán có nghĩa là Đại quy thị—大龜氏. Tổ tiên của ngài là loài rùa khổng lồ với những đò hình trên lưng, và có tên gọi ấy do sự kiện trên. Mahā-kāśyapa còn được dịch là Đại ẩm quang 大飲光. Ánh sáng trên thân ngài như thể nuốt trọn hết mọi thứ ánh sáng khác, vì các thứ ánh sáng ấy biến mất vào trong ánh sáng của thân ngài

Tên của ngài là Pippala,¹ là tên của một loại cây. Cha mẹ ngài hiềm muộn con, nên họ đến cầu đảo ở thần cây Pippala; kết quả là họ có được người con, họ lấy tên cây đặt tên cho con mình. *Ma-ha Ca-diếp* vốn là ngoại đạo thờ lửa. Ông tu tập công phu ngửi mùi khói. Có rất nhiều loại ngoại đạo ở Ấn Độ, ngoại đạo thờ nước, ngoại đạo thờ lửa, ngoại đạo thờ đất. Ngoại đạo thờ đất tu theo lối chuyên vùi mình trong đất, nếu còn sống sót sau một số ngày nhất định nào đó, thì sẽ được thành thần. Những ngoại đạo này thật là mê lầm.

Tỷ-khuru ni Tử Kim Quang là vợ của Ma-ha Ca-diếp. Vào thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Ma-ha Ca-diếp 120 tuổi và vợ ông có lẽ phải gần 100 tuổi. Từ kiếp lâu xa, vào thời Đức Phật Ca-diếp, bà thấy một tượng Phật bị mòn vẹt bởi gió mưa, đến mức chẳng còn chút sắc vàng nào trên thân Phật. Bà ta phát tâm sửa lại ngôi chùa, nhưng không có đủ tiền. Nhưng bà ta cũng hy vọng mạ vàng tượng Phật, nhưng việc ấy đòi hỏi chi phí rất nhiều. Tuy nhiên, ở đâu có tâm nguyện, ở đó liền có con đường mở ra, tâm nguyện của người phụ nữ này rất mạnh và chân thực. Cô ta đi khắp nơi để quyên góp tiền bạc, sau một thời gian dài, cô ta quyên được số tiền tương đương 100.000 dollars Mỹ. Cô ta nhờ thợ kim hoàn mạ vàng tượng Phật. Người thợ kim hoàn cảm động bởi quyết định tu sửa tượng Phật dù cô ta rất nghèo, nên anh ta chỉ làm công với một nửa chi phí. Thế

¹ Tất-bát-la.

nên hai người ấy chia nhau công đức việc này. Chẳng bao lâu ngôi chùa được tu sửa xong, không còn bị dột nữa, tượng Phật đã được mạ vàng. Từ đó về sau, thân thể người phụ nữ phát ra ánh sáng màu tím. Còn người thợ kim hoàn, chính là *Ma-ha Ca-diếp*, sau khi hoàn thành việc mạ vàng tượng Phật, đã có một chuyện rất kỳ lạ diễn ra giữa ông và người phụ nữ. “Tâm của cô rất tốt.” Ông nói với cô ta, “Tôi sẽ cưới cô làm vợ, ta sẽ thành vợ chồng. Không phải chỉ trong đời này, mà trong muôn vàn đời sau, chúng ta sẽ là vợ chồng của nhau.” Đó là lý do tôi đoán chừng *Ma-ha Ca-diếp* 120 tuổi, và vợ ít nhất là 100 tuổi. Dù vậy, họ vẫn rất mạnh khỏe và tinh cần tu tập. Người vợ của *Ma-ha Ca-diếp* cũng siêng năng tu tập và chứng được đạo quả.

Cùng những người khác—trong quyển thuộc—liên từ chỗ ngôi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Kinh văn:

我於往劫於此界中。有佛出世名日月燈。我得親近聞法修學。佛滅度後供養舍利然燈續明。以紫光金塗佛形像。自爾已來世世生生。身常圓滿紫金光聚。此紫金光比丘尼者。即我眷屬同時發心。我觀世間六塵變壞。

Ngã ư vãng kiếp ư thử thế trung, hữu Phật xuất thế

danh Nhật Nguyệt Đăng. Ngã đắc thân cận văn pháp tu học. Phật diệt độ hậu cúng dường xá-lợi, nhiên đăng tục minh. Dĩ từ kim quang đồ Phật hình tượng. Tự nhĩ dĩ lai, thế thế sinh sinh, thân thường viên mãn từ kim quang tu. Thử Tử kim quang tử-khuru ni giả. Tức ngã quyền thuộc đồng thời phát tâm.

Việt dịch:

Con từ kiếp trước, trong cõi này, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Con được thân cận, nghe pháp tu học với ngài. Khi Phật diệt độ, chúng con thắp đèn sáng mãi để cúng dường xá-lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời này qua đời khác, thân chúng con đều viên mãn sáng ngời như sắc vàng thắm. Tử-khuru ni Tử kim quang đây là quyền thuộc, cùng phát tâm một lần như chúng con.

Giải thích:

Chúng ta đều phải nhớ một điểm quan trọng: mối quan hệ vợ chồng của hai người này từ đời này sang đời khác không phải dựa trên tình cảm luyến ái. Đúng hơn, họ kết hôn trong mỗi đời rồi cùng nhau tu tập. Họ cùng tham thiền tập định. Đời này sang đời khác, họ tu học theo Phật pháp.

Ma-ha Ca-diếp giải thích: Con từ kiếp trước, trong cõi này, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Con được thân cận, nghe pháp tu học với ngài. Vào thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật hiệu

là Nhật Nguyệt Đăng thị hiện trên đời. Mặt trời chiếu sáng vạn vật ban ngày. Mặt trăng chiếu sáng vạn vật ban đêm. Đèn có thể chiếu sáng cả ban ngày lẫn ban đêm. Ban ngày biểu tượng cho hiện hữu (cái có), và ban đêm biểu tượng cho cái không. Đó là cả hai mặt hiện tượng và bản thể, bản thể và hiện tượng. Đó cũng chẳng phải là hiện tượng và bản thể, và chẳng phải là hiện tượng, chẳng phải là bản thể. Nghĩa là chẳng vướng mắc vào *có* hoặc *không*.

Khi Phật diệt độ, chúng con thắp đèn sáng mãi để cúng dường xá-lợi. Công đức cúng dường xá-lợi Phật tương đương với việc cúng dường chính Đức Phật. **Chúng con thắp đèn sáng mãi—để Phật pháp được trường tồn và lan rộng—để cúng dường xá-lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật.** Từ đó đến nay, đời này qua đời khác, thân chúng con đều viên mãn sáng ngời như sắc vàng thắm.

Thân tướng của ngài Ma-ha Ca-diếp rất là hoàn hảo. và tôi chắc rằng người vợ của ông cũng rất đoan nghiêm.

Tỷ-khuru ni Tử kim quang đây là quyến thuộc, cùng phát tâm một lần như chúng con. Điều quan trọng là họ cùng tu tập với nhau. Mỗi quan hệ của họ không dựa trên tình cảm luyến ái.

Kinh văn:

我觀世間六塵變壞。唯以空寂修於滅盡。身心乃能度百千劫猶如彈指。

Ngã quán thế gian lục trần biến hoại. Duy dĩ không tịch tu u diệt tận. Thân tâm nãi năng độ bách thiên kiếp do như đàn chỉ.

Việt dịch:

Con quán sát trong thế gian, sáu trần đều biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch tu diệt tận định, thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay.

Giải thích:

Ma-ha Ca-diếp trình bày tiếp tục: “**Con quán sát trong thế gian, sáu trần đều biến hoại.**” Căn bản, vốn ngài muốn nói về đối tượng của tâm ý, nhưng ở đây ngài đề cập đến sáu trần, vì đối tượng của tâm ý vốn không có hình tướng; chúng chỉ là bóng dáng của 5 giác quan. Nếu 5 giác quan trước đó không tồn tại, thì đối tượng của tâm ý cũng không còn, vì chúng không có tự thể riêng của nó. Sắc thanh hương vị xúc pháp, sáu trần—dời đổi, biến hoại. **Chỉ dùng pháp không tịch tu diệt tận định.** Chúng chỉ là không tịch. Thể tính của chúng là không. Vốn chẳng có gì cả. Căn cứ vào yếu tính này, chúng con tu tập diệt tận định. Có nghĩa là diệt hẳn thức thứ sáu và không còn y cứ vào thức phân biệt này nữa.” Đây cũng gọi là diệt thọ tướng định.

Nay **thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay.** Tâm của Ma-ha Ca-diếp có thể trải qua một thời gian dài hằng trăm ngàn kiếp như trong một khoảnh khắc ngắn—như khảy móng tay. Nay

Ma-ha Ca-diếp thực sự đang nhập định—trong Diệt tận định—trong Kê túc sơn ở tỉnh Vân nam Trung Hoa.

Kinh văn:

我以空法成阿羅漢。世尊說我頭陀為最。妙法開明銷滅諸漏。佛問圓通如我所證，法因為上。

Ngã dĩ không pháp thành A-la-hán. Thế tôn thuyết ngã đầu-đà vi tối. Diệu pháp khai minh tiêu diệt chư lậu. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, pháp nhân vi thượng.

Việt dịch:

Con do quán các pháp là không nên thành A-la-hán. Thế tôn nói con tu hạnh đầu-đà bậc nhất. Khai ngộ được diệu tính của các pháp, thì các lậu hoặc tận diệt. Nay Phật hỏi về pháp tu viên thông, theo điều sở chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả.

Giảng giải:

Ma-ha Ca-diếp thưa rằng: “Con do quán các pháp là không nên thành A-la-hán. Thế tôn nói con tu hạnh đầu-đà bậc nhất.” Đầu-đà¹ là tiếng Sanskrit, còn phiên âm là Đầu-tẩu 抖擻. Có nghĩa là phát tâm tu hành tinh tấn dũng mãnh, công phu miên mật không nghỉ ngơi. Mười hai hạnh đầu-đà là:

¹ Dhūta: Có nghĩa là Trừ khử pháp trần cấu. Hán dịch: Khí trừ, sa thái. Còn có nghĩa là Đầu đà hạnh, đầu-đà công đức (dhūta-guṇa). Sắp xếp thứ tự trong bản này có thay đổi so với các bản khác.

1. Mặc y chấp vá bằng vải vụn (trước tề nạp y).
2. Chỉ có 3 y (dẫn tam y).
3. Thường đi khát thực (thường hành khát thực).
4. Theo thứ tự khát thực từng nhà không kể giàu nghèo (thứ đệ khát thực).
5. Ngày ăn một bữa (thọ pháp nhất thực).
6. Không ăn quá nhiều, chỉ vừa đúng lượng (tiết lượng thực).
7. Sau buổi trưa không dùng nước trái cây (trung hậu bất đắc ẩm tương).
8. Xa lìa nơi đông đảo, ở nơi yên tĩnh (trụ A-lan-nhã).
9. Ngủ dưới gốc cây (thọ hạ chỉ).
10. Ngồi ở chỗ đất trống (lộ địa toạ).
11. Ở trong nghĩa địa (trùng gian trụ).
12. Thường ngồi không nằm (đản toạ bất ngoạ).

Khai ngộ được diệu tính của các pháp, thì các lậu hoặc tận diệt. Nay Phật hỏi về pháp tu viên thông. Nay Như Lai hỏi chúng con về nhân duyên của pháp tu viên thông—phát tâm ban đầu khiến chúng con tu tập được chứng ngộ.

Theo điều sở chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả.

Dùng pháp trần để quán chiếu là phương tiện thù thắng hơn cả.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN



VIÊN THÔNG NHÃN CĂN

A-na-luật-đà

Kinh văn:

阿那律陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家常樂睡眠。如來訶我為畜生類。我聞佛訶啼泣自責。七日不眠失其雙目。

A-na-luật-đà tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia thường nhạo thùy miên. Như Lai ha ngã vi súc sinh loại. Ngã văn Phật ha, đề khắp tự trách, thất nhật bất miên, thất kỳ song mục.

Việt dịch:

A-na-luật-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: “Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quở trách con là loài súc sinh. Con nghe Phật mắng, khóc thảm tự trách mình, suốt bảy ngày đêm không ngủ, bị mù hai mắt.”

Giải giảng:

A-na-luật-đà, tiếng Sanskrit là Aniruddha,¹ Hán

¹ S: Aniruddha; p: Anuruddha; tib Ma-ḥgags-pa. 阿耨樓駄. Còn gọi

dịch là Vô bần 無貪, Như ý 如意. liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: “Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quả trách con là loài súc sinh.

Đức Phật nói với ông rằng:

*Này ông! Sao quả mê ngủ
Như con sò trong vỏ cứng?
Ông ngủ suốt cả ngàn năm
Tên Phật rồi chẳng nghe thấy.*

Khi Đức Phật quả trách ông như vậy, ông rất hối lỗi. **Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình.** “Tại sao mình quá mềm yếu?” Con tự hỏi mình. “Sao người cứ thích ngủ suốt ngày? được rồi. Từ nay ta không cho phép ông ngủ nữa.” **Suốt bảy ngày đêm không ngủ.** Có lẽ A-na-luật-đà đã luân phiên đi kinh hành và ngồi để giữ cho mình khỏi buồn ngủ, đến **bị mù hai mắt.** Mắt phải làm việc suốt ngày, nhưng ban đêm phải được nghỉ ngơi. Nếu quý vị không để cho nó nghỉ ngơi và khiến nó quá mệt, thì nó sẽ không còn thấy được nữa. Nó sẽ đình công. Thế nên A-na-luật-đà phải bị mù mắt.

Kinh văn:

世尊示我樂見照明金剛三昧。我不

là A-na-luật 阿那律, A-ni-lâu-đà 阿尼樓陀, A-nê-luật-đà 阿泥律陀 A-nô-luật-đà 阿奴律陀. Ý dịch Vô diệt 無滅, Như Ý 如意, Vô chướng 無障, Vô tham 無貪. Tùy thuận nghĩa nhân 隨順義人, Bất tranh hữu vô 不爭有無.

因眼觀見十方。精真洞然如觀掌果。如來印我成阿羅漢。

Thế tôn thị ngã nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội. Ngã bất nhân nhãn quán kiến thập phương. Tinh chân đồng nhiên như quán chưởng quả. Như Lai ấn ngã thành A-la-hán.

Việt dịch:

Thế tôn dạy con tu pháp nhạo kiến chiếu minh kim cang tam-muội. Con bị mù mắt, nhưng thấy mười phương rộng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lòng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Giảng giải:

Thế tôn thương xót con vì đã bị mù, nên đã dạy con pháp tu gọi là **nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội**. Con tu tập pháp môn này một thời gian dài, và đạt được thiên nhãn, gọi là *bán đầu thiên nhãn* (半頭天眼)

Con bị mù mắt, dù con không thấy được các thứ bằng mắt thường, nhưng với thiên nhãn, con **thấy mười phương rộng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lòng bàn tay**. Giống như thấy được trái xoài (s: amala) trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。旋見循元，斯為第一。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, tuyên kiến tuần nguyên, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi các vị Bồ-tát và các vị đệ tử về viên thông mà các ngài đã chứng được, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất. Như con, A-na-luật-đà, đã nhận ra rằng, quay cái thấy trở về lại với bản tánh căn nguyên của mình mà tu tập. Đây là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG TỊ CĂN
Châu-lợi Bàn-đặc-ca

Kinh văn:

周利槃特迦即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Châu-lợi Bàn-đặc-ca tức tông toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Châu-lợi Bàn-đặc-ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Giải thích:

Châu-lợi (Kshudra) có nghĩa là ‘sinh trên đường—đạo sinh.’ Phong tục Ấn Độ là sau khi người phụ nữ lấy chồng và sắp sinh, cô ta sẽ trở về nhà mẹ để sinh con. Trong trường hợp Châu-lợi, mẹ ngài đáng ra phải về nhà mẹ một hai tháng trước khi sinh, nhưng nà đợi đến giờ phút lâm bồn mới lên đường. Quãng đường từ nhà chồng về nhà mẹ khá dài—chừng một hoặc hai trăm dặm. Vì bà ta đợi cho đến khi chuyển bụng mới đi, nên đi nửa đoạn đường thì ba đã chuyển bụng đau đẻ, và bà ta sinh ngay trên đường. Nên Châu-lợi được đặt tên như vậy. Em trai của Châu-lợi là Châu-lợi Bàn-đặc-ca (Kshudrapanthaka), cũng được đặt tên theo cách như vậy. Bàn-đặc-ca (panthaka) có nghĩa là ‘sinh cùng một

cách—*ké đạo* 繼道.’ Trong trường hợp của Bàn-đặc-ca, người mẹ cũng đợi gần ngày mới về nhà mẹ và cũng sinh giữa đường. Đứa bé được đặt tên là Bàn-đặc-ca, em của Châu-lợi.¹

Châu-lợi Bàn-đặc-ca rất là đần độn. Khi mới xuất gia, ban đầu người nào cũng được dạy những bài kệ ngắn để đọc vào lúc sáng sớm. Trước đây tôi có đọc cho quý vị nghe một bài rồi, nay tôi đọc thêm bài khác:

*Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,
Mạc nã thế gian chư hữu tình
Chánh niệm quán tri dục cảnh không.
Vô ích chi khổ đương viễn ly.*

Có nghĩa là người xuất gia cần nhất là phải giữ cho ba nghiệp thân khẩu ý được thanh tịnh. Không được làm nã loạn chúng sinh, phải quán chiếu để biết các cảnh của ngũ dục vốn là không. Chớ học tập những pháp tu khổ hạnh vô ích của ngoại đạo.

Khi Châu-lợi Bàn-đặc-ca cố gắng học bài kệ này,

¹ Theo *Phật Quang Từ Điển* Châu-lợi Bàn-đặc-ca; (s: Cūḍapānṭhaka, Cullapāṭka, Kṣullapānṭhaka, Śuddhipānṭhaka; p: Cullapānṭhaka, Cūḷapānṭhaka, là con của dòng Bà-la-môn trong thành Xá-vệ, cùng với người anh là Ma-ha Bàn-đặc (Mahāpānṭhaka) đều là đệ tử Phật. Như vậy *Phật Quang Từ Điển* ghi nhận Ma-ha Bàn-đặc là anh (周利槃特...後與兄摩訶槃特 (s: Mahāpānṭhaka) 同為佛陀弟子), Châu-lợi là em. Còn Hoà thượng Tuyên Hoá thì giảng rằng Bàn-đặc-ca là em của Châu-lợi (*His younger brother, Kshudrapānṭhaka, got his name the same way. Pānṭhaka means "born in the same fashion."*).

ông được sự trợ giúp của 500 vị A-la-hán, nhưng sau 100 ngày, ông không còn nhớ một chữ nào cả. Quá chậm lụt! Phải không? Ông nhớ được “*Thân ngữ ý nghiệp*,” nhưng không nhớ nổi “*bất tác ác*.” Hoặc ông nhớ được “*bất tác ác*” thì lại quên “*Thân ngữ ý nghiệp*.” Tôi nghĩ trong quý vị đây không có ai chậm lụt như vậy. Khi Châu-lợi thấy em mình được 500 vị A-la-hán hộ trì cho để học bài kệ trong 100 ngày mà vẫn không thuộc được một dòng, ông mới bảo em mình hãy trở về nhà sống đời cư sĩ. Ông bảo “Hãy về nhà lập gia đình.” Ông đưa em mình ra đường, không cho ở trong tịnh xá làm một vị tỳ-khưu.

Châu-lợi Bàn-đặc-ca nghĩ rằng: “Mình muốn thành một vị tỳ-khưu như những người kia, có ý nghĩa gì khi trở về nhà?” Thế là ông lấy y bát, lui sau vườn, chuẩn bị để tự vẫn. Khi ông sắp treo cổ, Đức Phật thị hiện thành thần cây hỏi ông ta rằng: “Ông định làm gì đó?”

–Tôi không muốn sống nữa.

–Thế sau khi ông chết, ông sẽ làm gì?

–Tôi không biết.

–Đừng chết! Thần cây bảo, –Đừng phí sinh mạng mình. Đó là lí do tại sao ông quá đần độn. Ông hãy cố gắng sửa đổi lỗi lầm của mình trong quá khứ. Khi đã thay đổi, mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.

–Thế chuyện nhân quả từ quá khứ khiến cho tôi bị u mê đời này là sao? Bàn-đặc-ca hỏi.

Nhớ rằng thần cây là hoá thân của Đức Phật, khi Bàn-đặc-ca hỏi vấn đề đó, do trở lại nguyên hình và trả lời:

– Trong một đời trước, ông là một pháp sư tinh thông tam tạng có 500 đệ tử. Ngày nào họ cũng muốn học với ông nhưng ông không muốn dạy họ. Ông không muốn giảng kinh thuyết pháp, dù họ cầu thỉnh. Họ phải quỳ trước ông 3 ngày ba đêm mà ông vẫn không nói cho họ một lời. Vì ông không chịu giảng pháp, nên ông trở nên dần dần đến mức không nhớ nổi một dòng kệ.

Khi nghe như vậy, Bàn-đặc-ca rất xấu hổ. “Tại sao mình tệ đến mức như vậy?” Điều ấy được gọi là bôn xên pháp (stingy with the dharma). Quý vị nên nhớ kỹ điều này. Sau khi quý vị nghe tôi giảng pháp, đến đâu quý vị cũng phải nên giảng giải lại cho mọi người cùng hiểu. Đừng bao giờ nuôi dưỡng thái độ, “Ta sẽ không giảng giải Phật pháp cho các người, nếu các người hiểu ra, ta sẽ ra sao đây?” Đừng có đổ kỵ với sự hiểu biết Phật pháp của người khác. Quý vị càng đổ kỵ bao nhiêu, thì mình càng trở nên kém hiểu biết. Bàn-đặc-ca đã bôn xên pháp, nên quả báo là ông bị ngu đần. Nhưng vì ông còn nhiều thiện căn, nên ông được sinh vào thời gặp Đức Phật.

Đức Phật nói cho Bàn-đặc-ca biết rõ nguyên nhân trong quá khứ rồi, ngài liền cầm cái chổi lên và hỏi:

– Ông biết cái gì đây không?

– Thưa, cái chổi.

– Ông có nhớ được chăng?

– Thưa, nhớ được.

Rồi Đức Phật dạy ông:

– Hãy lặp lại suốt ngày chữ này: ‘Chổi, chổi, chổi.’

Bàn-đặc-ca lạp đi lạp lại chữ chôi liền vài tuần lễ.
Đức Phật bảo ông dừng lại và hỏi

– Như thế nào, ông có nhớ được chăng?

Bàn-đặc-ca trả lời:

– Bạch Thế tôn, con nhớ được.

– Được rồi! Như Lai sẽ đổi chữ ấy thành ‘quét sạch.’

Hãy cố gắng học thuộc.

Bàn-đặc-ca liền học, ‘quét sạch, quét sạch, quét sạch.’ Và ông đã dùng cái chôi vô hình đó quét sạch những phiền não nhiễm ô của ông. Điều ông đang làm là quét sạch tính bòn xén pháp của chính mình. Quý vị hãy ghi nhớ điều này. Hãy nhớ những đạo lý tôi đã giảng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm và giảng giải cho nhiều người cùng nghe. Nếu quý vị làm việc đó, trong đời sau quý vị sẽ được trí huệ và thông minh. Nếu quý vị muốn thực hành hạnh pháp thí, quý vị sẽ không bao giờ bị ngu đần.

Kinh văn:

我闕誦持無多聞性。最初值佛聞法
出家。憶持如來一句伽陀。於一百日得
前遺後得後遺前。

*Ngã khuyết tụng trì, vô đa văn tính. Tới sơ trì Phật
văn pháp xuất gia, ức trì Như Lai nhất cú già-đà, u nhất
bá nhật, đắc tiên di hậu, đắc hậu di tiên.*

Việt dịch:

Con không có khả năng trì tụng, không có khiêu

đa văn. Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.

Giảng giải:

Bàn-đặc-ca trình bày lại những điều mình đã trải qua. **Con không có khả năng trì tụng, không có khiếu đa văn.** A-nan không bao giờ quên điều gì khi đã đọc qua. Ông có khả năng ghi nhớ rất sâu và rất thông minh. Nhưng con, Bàn-đặc-ca, thì quá chậm lụt. **Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia.** Dù con đã xuất gia, khi **con cố nhớ một câu kệ của Như Lai—dòng kệ đó là “*Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,*” —nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.** Con cố gắng nhớ được vài chữ đầu lại quên mấy chữ sau. Khi con nhớ được mấy chữ sau lại quên mấy chữ đầu. Thế nên suốt thời gian dài, con không bao giờ thuộc được dù chỉ một câu kệ. Con thật là đần độn.

Bàn-đặc-ca chậm lụt là vì trong quá khứ ông đã từ chối giảng kinh và thuyết pháp cho mọi người. Nay bất kỳ quý vị ở đâu, cũng nên cố gắng giúp cho mọi người đọc kinh hoặc giảng nói Phật để giáo hoá cho mọi chúng sinh. Quý vị làm việc này như là sứ mệnh của chính mình. Đừng có tâm bòn xén pháp.

Tôi đã nói chuyện này rồi, nhưng muốn lặp lại, Bàn-đặc-ca phải chịu quả báo đần độn vì ông ta không tu hạnh bố thí pháp— ông ta bòn xén pháp. Việc giảng kinh thuyết pháp của tôi hiện nay chính là đang bố thí

pháp. Tại sao tôi giảng pháp cho quý vị? Vì nếu tôi hiểu Phật pháp mà không chịu giải thích cho quý vị thì trong đời sau, thậm chí tôi còn không được như Bàn-đặc-ca; ông ta không nhớ được một dòng kệ trong suốt 100 ngày, còn tôi thì có lẽ không nhớ được một chữ trong suốt cả năm. Đó là lí do tôi không nhận tiền khi giảng pháp. Tôi không mong quý vị hoàn đáp lại cho tôi điều gì cả, tôi chỉ giảng kinh và thuyết pháp cho quý vị. Tôi không muốn mình bị ngu đần. Nếu trong quý vị có ai không muốn mình bị ngu đần thì hãy thử nghiệm. Hãy tỏ ra thái độ, “Tôi thông hiểu Phật pháp, nhưng không muốn Giảng giải cho quý vị.” Hãy thử xem, trong đời sau, khi quý vị còn ngu đần hơn cả Bàn-đặc-ca nữa, thì quý vị mới thấy những điều tôi nói là đúng. Quý vị sẽ kết thúc đời mình bằng những gì mình đã trải qua. Từ rất lâu, tôi được nghe một vị pháp sư dạy rằng nếu người nào không tu tập hành bố thí pháp thì quả báo sẽ chịu ngu si, tôi không bao giờ quên điều ấy.

Việc này nhắc tôi nhớ lại một chuyện dân gian (public record). Thời nọ có một vị quan, có lẽ đến chức đầu tỉnh, là người rất sùng kính kinh Pháp Hoa. Nhưng có điều rất lạ, trong bộ kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển, ông ta nhớ rất kỹ 3 quyển rưỡi đầu. Ông ta ghi nhớ ngay khi mình đọc kinh xong. Nhưng 3 quyển rưỡi sau thì ông ta không thể nhớ được điều gì cả, dù ông có đọc nhiều lần đi nữa. Ông không thể nào hiểu nổi sao lại như vậy, thế nên ông đến hỏi một vị cao tăng của thời ấy, vốn là một vị thiện tri thức có đạo nhãn và lục thông.

Khi vị quan đầu tỉnh đến, Lão thiên sư ra tiếp, và vị quan trình bày vấn đề. “Trong các kinh Phật, kinh Pháp Hoa thu hút tôi nhất. Tôi rất quý kinh này, nhưng tôi chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu. Lý do tại sao như vậy?”

Lão thiên sư đáp, “Ồ! Nay ông muốn biết. Được rồi, nhưng khi tôi nói thì ông đừng sùng sốt hoặc không tin.”

Thưa, “Xin vâng. Nguyên sẽ tin những lời Thầy dạy.”

Lão thiên sư giải thích, “Nguyên nhân đời này ông làm quan là do trong đời trước ông đã làm nhiều công đức. Trong quá khứ ông từng làm thân bò, và ông giúp cày ruộng cho chùa. Từ đó ông đã cúng dường cho Tam bảo, và ông đã có công đức. Nguyên nhân ông chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu của kinh Pháp Hoa là như sau: Theo lệ thường, trong chùa phoir kinh vào mỗi ngày mồng sáu tháng 6 trong năm để phòng mỗi mọt. Vào lúc ấy, ông tiếp xúc được với kinh Pháp Hoa và ông chỉ *ngửi*¹ được bộ thứ nhất, chưa tới bộ thứ hai. Đó là lí do tại sao ông chỉ thuộc 3 quyển rưỡi đầu cuốn kinh Pháp Hoa trong đời này.”

Vị quan đánh lễ Lão thiên sư, sau đó ông càng tinh tấn hơn trong việc tham cứu kinh Pháp Hoa.

Một con bò ngửi kinh mà được thông minh đến như vậy, trong khi Bàn-đặc-ca từ chối giảng pháp mà trở nên bị ngu si. Nếu quý vị biết so sánh hai chuyện trên đây và

¹ sniffed.

chiêm nghiệm thật sâu, cũng đủ để biết những gì mình sẽ nếm trải. Thực vậy, tôi mong rằng quý vị đừng có thử, vì bị chìm đắm như Bàn-đặc-ca sẽ khổ vô cùng. Mặt khác, chúng ta không nên xem thường Bàn-đặc-ca. Dù ông ta chậm lụt, nhưng đã được giác ngộ sau khi niệm mãi “chối” và ‘quét sạch’ trong một thời gian ngắn. Chúng ta có thể thông minh hơn Bàn-đặc-ca, nhưng chúng ta không được giác ngộ nhanh như ông ta. Thế nên về mặt này, chúng ta không được như Bàn-đặc-ca.

Kinh văn:

佛愍我愚教我安居調出入息。我時
觀息微細窮盡。生住異滅諸行刹那。

*Phật悯 ngã ngu, giáo ngã an cư, điều xuất nhập
tức. Ngã thời quán tức vi tế cùng tận, sinh, trụ, dị, diệt
chư hạnh sát-na.*

Việt dịch:

Đức Phật thương con ngu muội, dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào. Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rốt ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, dị, diệt trong từng sát-na.

Giải giảng:

Đức Phật thương con ngu muội. Đức Phật thấy thương xót con vì con chậm lụt, nên ngài dạy cho con đọc chữ “chối” và ‘quét sạch.’ **Dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào.** Pháp tu này là duy trì hơi thở vào trong khi đếm từ 1 đến 10, rồi duy trì ý thức khi thở ra và đếm từ 1 đến 10. Bất luận dù ai có đàn độn đến đâu cũng có

thể đếm từ 1 đến 10. Một hơi thở vào và một hơi thở ra được đếm là 1. **Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rất ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, diệt trong từng sát-na.** Trong một hơi thở, thời điểm mà quý vị bắt đầu thở ra được gọi là sinh, và tiến trình tiếp theo được kể là một hơi thở kế tiếp. Tông Thiên thai chia việc quán sát này thành sáu giai đoạn—sáu phương pháp quán sát hơi thở.¹ Chúng ta sẽ không đi sâu vào chi tiết việc này ở đây. Chỉ nên biết rõ rằng khi bắt đầu thở ra được gọi là sinh, hơi thở tiếp tục được gọi là trụ, khi hơi thở đến gần dứt gọi là diệt, khi hơi thở đến cuối gọi là diệt. Điều này diễn biến trong từng sát-na. Trong một niệm tương có 90 sát-na. Trong mỗi sát-na có 900 lần sinh diệt. Những chi tiết này mắt thường không thể nào thấy được.

Kinh văn:

其心豁然得大無礙。乃至漏盡成阿羅漢。住佛座下印成無學。

Kỳ tâm hoát nhiên đắc đại vô ngại. Nãi chí lậu tận thành A-la-hán. Trụ Phật toà hạ tức thành vô học.

Việt dịch:

Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại, cho đến hết sạch các lậu hoặc, thành A-la-hán. Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.

¹ Lục diệu pháp môn: Số tức 數息, Tùy tức 隨息, Chi tâm 止心, Tu quán 修觀, Hoàn 還, Tịnh Lục pháp 淨六法.

Giảng giải:

Lúc ấy, con quán sát hơi thở của mình cho đến khi đạt được cảnh giới vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả tướng. Con thở vào thở ra một cách không cần dụng công và tâm con được hợp thành một. Con không còn niệm tướng phân biệt và tâm phan duyên. Mọi niệm tướng đều dừng bật. **Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại.** Ô! Con đã quay trở lại và đến được cội nguồn! “Bỗng nhiên” ở đây là chỉ cho sự giác ngộ. Giống như cánh cửa gian phòng bỗng dưng bị bật tung ra. Không khí trong phòng trở nên tức thời thanh tịnh. Chẳng còn không khí ẩm mốc. Quý vị có để ý rằng dù có nhiều người trong giảng đường này nhưng không vẫn thanh tịnh? Nếu quý vị hỏi tôi tại sao, sẽ rất khó trả lời cho quý vị. Chỉ nói rằng trong một bồ-đề đạo tràng, có sự thanh tịnh bất khả tư nghi cho đến cả bầu không khí.

Khi quý vị đến nghe giảng pháp, điều cần nhất là phải vô cùng cung kính. Đó là vì chư Phật và Bồ-tát sẽ nói rằng, “Ông là đồ trùng thối! Tại sao ông đến đạo tràng mà lại hành xử như vậy?” Mọi người nên kính trọng nhau và khiêm tốn, hoà hợp với nhau, Đừng tự mãn hay tự cao. Đừng nói nghiệp chướng câu như thế này, “Hãy xem ông dần đến mức nào! Tôi giỏi hơn ông nhiều.” Ngay khi quý vị nghĩ như vậy, là mình đã tự làm ngu muội mình đi. Đừng xem thường người khác. Những người trong pháp hội này đều là cha mẹ trong

quá khứ của mình và là chư Phật trong tương lai. Nếu quý vị xem thường những người này, là chẳng khác gì xem thường Phật. Thế nên khi quý vị tu học Phật pháp, quý vị nên nhìn mọi người không phân biệt.

Trong bồ-đề đạo tràng, quý vị phải giữ quy luật. Khi đang nghe kinh, không được đứng dậy và đi lang thang. Đừng ngồi dựa ngửa ra hoặc dựa vào vật gì khác. Hãy ngồi thật ngay thẳng. Đừng có thái độ lười biếng trễ nãi. Thậm chí dù quý vị là một con trùng lười biếng, cũng không nên làm như vậy. Quý vị nên phát huy chính mình thành một người nghiêm túc. Cũng vậy, đừng ngủ khi nghe giảng kinh, nếu như vậy, trong tương lai, quý vị sẽ giống như A-na-luật-đà.

Đoạn kinh tiếp tục: **cho đến hết sạch các lậu hoặc.** Sau khi chứng ngộ, A-na-luật-đà dần dần đạt được quả vị vô lậu. Và **thành A-la-hán.** A-na-luật-đà chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. **Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.** Con luôn luôn theo Phật và ngồi dưới chân Phật để nghe giảng kinh. Đức Phật đã ấn chứng cho con và nói rằng con cũng đã đạt được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Một người đần độn như vậy mà cũng chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Còn chúng ta thì quá thông minh nhưng chưa chứng được đến sơ quả. Quý vị có thấy hổ thẹn không?

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。返息循空斯為第一。

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, phản tức tuần không, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như điều chứng được của con, quay hơi thở trở về với tánh không, đó là phương pháp hay nhất.

Giải thích:

“Đưa hơi thở ra vào trở về lại, hoà hợp với tính không—trở về lại với thể tính tịch lặng; đây là phương pháp hay nhất.”

Tôi đã qua đây (Mỹ quốc) nhiều năm, nhưng tôi không bao giờ dám nói đến luật lệ. Vì sao? Xứ này tán thành tự do. Cha mẹ không kiểm soát con cái, con cái họ muốn làm gì thì làm. Sau khi tôi đến Mỹ quốc, tôi có nhận đệ tử, nhưng tôi cũng vậy, không kiểm soát họ. Tôi để họ muốn làm gì mặc tình. Họ muốn đi đâu tùy ý, họ có thể làm việc theo ý riêng của họ. Họ rất độc lập. Nhưng trong hội giảng kinh, tôi để ý thấy rằng có người rất tùy tiện—trên mức bình thường cho phép. Đó gọi là:

Bất y quy cũ, bất thành phương viên.

Trong tiếng Hán, chữ *phương viên* đi với nhau tạo thành từ kép, có nghĩa là ‘quy cũ’.¹ Nếu quý vị không

¹圓者中規，方者中矩 Cái tròn thì hợp với cái quy (để vẽ hình tròn),

dùng quy—規, thì không thể nào có được vòng tròn. Nếu không dùng cũ 矩, thì hình vuông mà quý vị vẽ nên sẽ thành hình chữ nhật hoặc hình tam giác.

Vậy nên, hôm nay trong pháp hội giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm, tôi yêu cầu quý vị đừng lười biếng. Hãy lắng nghe kinh với tâm cung kính, như thể Đức Phật đang giảng pháp cho quý vị nghe. Quý vị đừng nên nghĩ rằng, “Pháp sư này giảng pháp bằng cách kể chuyện tiếu lâm, như là đang dụ con nít.” Nếu quý vị có thể tìm hiểu được ý nghĩa những điều tôi vừa nói, quý vị có thể được giác ngộ, chứng được quả vị ngy tức khắc. Tất cả mọi điều cần làm là chân chính quyết tâm tìm cầu Phật pháp, và điều ấy sẽ xảy ra. Nếu quý vị thành tâm khi nghe giảng chương hai mươi lăm pháp tu viên thông này, quý vị có thể được giác ngộ ngay liền. Là vì hai mươi lăm bậc thánh này đã phát nguyện rằng họ sẽ hộ trì cho bất kỳ người nào tu tập theo phương pháp của họ cho đến khi được giác ngộ. Cho nên quý vị hãy chú tâm tham cứu vào ý nghĩa của kinh.

VIÊN THÔNG THIỆT CĂN

*Kiều-phạm-bát-đề***Kinh văn:**

驕梵鉢提即從座起。頂禮佛足而白
佛言。我有口業於過去劫輕弄沙門。世
世生生有牛齧病

*Kiều-phạm-bát-đề tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc
nhi bạch Phật ngôn. Ngã hữu khẩu nghiệp ư quá khứ kiếp
khinh lộng sa-môn. Thế thế sinh sinh hữu ngưu si bệnh.*

Việt dịch:

Kiều-phạm-bát-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy,
đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, “Con bị
khẩu nghiệp, khinh chê một vị sa-môn trong thời quá
khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò.”

Giảng giải:

Kiều-phạm-bát-đề phiên âm tiếng Sanskrit là
Gavāmpati,¹ Hán dịch là *ngưu ti* 牛司. Khi loài bò ngủ,
chúng ngáy, và lưỡi của chúng liếm từ trước ra sau, tạo
nên tiếng động rất lớn. **Kiều-phạm-bát-đề** **liền từ chỗ**

¹ S: Gavāmpati; P: Gavampati; Tib: Ba-lan-bdag). Một đệ tử của Đức Phật. Còn phiên âm là *Kiều-phạm-bát-đề* 驕梵拔提, *Kiều-phạm-bát-đề* 驕梵鉢提, *Kiều-phạm-bát* 驕梵鉢. Ý dịch là Ngưu chủ 牛主, Ngưu Vương 牛王, Ngưu Vương Nhân 牛王眼, Ngưu Tích 牛迹, Ngưu Tướng 牛相. Ngài nhận Xá-lợi-phát làm Thầy.

ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, “Con bị khẩu nghiệp, khinh chê vị sa-môn trong thời quá khứ.” Loại khẩu nghiệp mà ông mắc phải là gì? Một hôm ông để ý có một vị sa-môn, vị này không có răng, phải mất một thời gian rất lâu để ăn cơm. Kiêu-phạm-bát-đề trêu chọc vị sa-môn già, “Ông già, ông ăn như bò nhai cỏ.”

Vị sa-môn già là người đã chứng quả A-la-hán. Ông ta nói rằng, “Ồ! Ông không nên nói như vậy. Ông sẽ phải chịu quả báo trong đời sau. Tốt hơn ông nên sám hối ngay tức khắc. Tốt hơn ông nên rút lại lời ấy ngay.”

Kiêu-phạm-bát-đề hối lỗi, thế nên ông không bị quả báo làm thân bò, tuy vậy, muôn đời sau ông ta chịu quả báo mắc tập khí của loài bò. Lưỡi của ông ta dài như lưỡi bò, và ông ta luôn luôn nhai lại và thở như loài bò. Dù ông đã chứng quả A-la-hán, Đức Phật vẫn ngại rằng loài người sẽ trêu chọc ông, họ cũng sẽ nói rằng, ông ta giống như bò, và người ấy sẽ phải chịu quả báo làm bò. Vì lí do này, Đức Phật bảo Kiêu-phạm-bát-đề hãy lên sống ở cõi trời và nhận sự cúng dường của chư thiên. Vì chư thiên đều có năng lực thấy rõ đời quá khứ, nên họ sẽ không dám báng bổ ngài.

Trong kinh văn, Kiêu-phạm-bát-đề tiếp tục giải thích: Con tạo khẩu nghiệp là do **khinh chê một vị sa-môn trong thời quá khứ**. Ông ta giễu cợt một vị sa-môn. Sa-môn¹ là tiếng phiên âm từ chữ śramaṇa trong

¹ Sa-môn: S: śramaṇa; p: samaṇa; t: dge-sbyac; Gọi chung những người

tiếng Sanskrit, Hán dịch là cần tức 勤息.

Sa-môn là người siêng năng tu trì giới định huệ, và trừ sạch tham sân si. **Nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò.** Đó là quả báo mà con phải chịu.”

Kinh văn:

如來示我一味清淨心地法門。我得滅心，入三摩地。觀味之知，非體非物。應念得超世間諸漏。

Như Lai thị ngã nhất vị thanh tịnh tâm địa pháp môn. Ngã đắc diệt tâm, nhập tam-ma-địa. Quán vị chi tri, phi thể phi vật. Ứng niệm đắc siêu thế gian chư lậu.

Việt dịch:

Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa. Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt, nhập vào được tam-ma-đề. Quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian.

Giảng giải:

Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa, có nghĩa là thể tính thành tựu của nhất chân tâm. Khi lười không có mùi vị phân biệt—khi không

xuất gia tu đạo, cạo bỏ râu tóc, không làm những điều ác, siêng năng làm các điều thiện, điều phục, chế ngự thân tâm, cho đến khi chứng đạt niết-bàn. Phiên âm là sa-văn-na, tang-môn 桑門. Hán dịch là Cần lao 勤勞, Tức chi 息止, Tịnh chí 靜志, Cần tức 勤息, Tu đạo 修道, Pháp đạo 乏道.

có tâm phân biệt— thì tất cả mùi vị đều trở về lại thể tính thanh tịnh. Điều này, trở lại, là tu tập định vô phân biệt—samadhi of non-discrimination. **Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt—thức tâm được vắng lặng tịch diệt, có nghĩa là, nhập vào được tam-ma-đề—đạt được chánh định hoặc chánh thọ.**

Và ông quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Tính biết của mùi vị chẳng phải đến từ thể của thiết căn, cũng chẳng phải đến từ vị trần. **Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian.** Ngay khi tâm ý được thanh tịnh, con liền được vượt qua các cõi giới lậu hoặc ở thế gian.

Kinh văn:

內脫身心外遺世界。遠離三有如鳥出籠。離垢銷塵法眼清淨成阿羅漢。如來親印登無學道。

Nội thoát thân tâm, ngoại di thế giới. Viên ly tam hữu như điều xuất lồng. Ly cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai thân ấn chứng vô học đạo.

Việt dịch:

Bên trong thân tâm giải thoát, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa lìa ba cõi như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.

Giảng giải:

Bên trong thân tâm giải thoát. Thân và tâm đều được giải thoát—con được thoát ly khỏi chúng. **Bên ngoài rời bỏ thế giới.** Cũng như con quên hẳn thế giới bên ngoài. **Xa lìa ba cõi.** Điều này chỉ cho sự hiện hữu ở các cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Vào lúc này, con **như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh.** Điều này có nghĩa là pháp nhãn của Kiêu-phạm-bát-đề đã được khai mở, và ông đã chứng ngộ thành A-la-hán. **Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.**

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。還味旋知，斯為第一。

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, hoàn vị tuyên tri, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, trả tính của vị về khỏi sự phân biệt, xoay tính biết về với tự tánh, đó là điều tốt nhất.

Giảng giải:

Trả tính của vị về khỏi sự phân biệt không có nghĩa là khỏi sự phân biệt từ các vị ấy. Đó chính là hỏi quan phản chiếu, quay lại tánh thấy vào bên trong. **Xoay tính biết về với tự tánh** là chỉ cho sự xoay chuyển tính phân biệt của thiệt căn. Đây chính là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THÂN CĂN

Tất-lăng-già Bà-ta

Kinh văn:

畢陵伽婆蹉即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Tất-lăng-già Bà-ta tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Tất-lăng-già Bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giải thích:

Tên của **Tất-lăng-già Bà-ta** (s: Pilindavatsa) trong tiếng Sanskrit có nghĩa là *Dư tập*¹ 餘習. Tên gọi này chỉ cho biết rằng tuy ông đã xuất gia nhưng vẫn còn những tập khí trong kiếp trước. Ông là một vị A-la-hán đã chứng quả, thế nên mỗi khi qua sông, ông có thể khiến cho nước phải ngừng chảy. Thần sông vốn thường là

¹ S: Pilinda-vatsa, Pilindavaśa; p: Pilinda-vaccha, pilindiya-vaccha, ; t: Pi-lin-daḥi bu). Đệ tử của Đức Phật. Phiên âm là Tất-lăng-già Phiệt-tha 畢陵伽筏蹉, Tất-lan-đa Phiệt-tha 畢蘭陀筏蹉, Ti-lợi-đa Bà-già 比利陀婆遮。Gọi lược là Tất-lăng-già 畢陵迦, Tất-lăng 畢陵。Ý dịch Dư tập 余習, Ác khẩu 惡口。Tất-lăng-già là họ, Bà-tha là tên. Ngài là người đồng đội Bà-la-môn ở thành Xá-vệ. Ban đầu học chú thuật, được phép ẩn thân. Sau gặp Đức Phật liền mất hết công lực của chú đó, bèn xuất gia làm đệ tử Phật.

thần nữ, và khi Tất-lăng-già Bà-ta đến bên bờ sông, ông liền kêu lớn, “Này tiểu tì, hãy ngừng chảy!” Thần sông theo lệnh của ông, liền ngưng chảy để ông qua sông. Nhưng thần sông rất khó chịu mặc dù không thể hiện ra. Tuy nhiên, thần sông lại đến bạch với Đức Phật.

“Con là nữ thần cai quản khúc sông này, ông ta đến và bảo con, ‘Này tiểu tì, hãy ngừng chảy!’ Ông ta là một vị A-la-hán, lẽ ra không nên gọi con như vậy.”

Đức Phật bảo Tất-lăng-già Bà-ta hãy xin lỗi thần sông. Tất-lăng-già Bà-ta chấp tay lại và nói. “Tôi xin lỗi, Tiểu tì!” Lúc ấy toàn thể đại chúng gồm các vị A-la-hán đều bật cười.

Tại sao Tất-lăng-già Bà-ta lại gọi thần sông là “Tiểu tì?” Vì trong quá khứ, thần sông là người giúp việc của Tất-lăng-già Bà-ta. Ông đã quen gọi người giúp việc theo cách ấy, thế nên bây giờ, ngay khi cô ta đã là một nữ thần sông, ông vẫn gọi cô ta như vậy. Lý do chính khiến ông phải xin lỗi là vì đã xúc phạm cô ta khi gọi cô là “Tiểu tì,” nhưng tập khí của ông quá sâu đến nỗi ông cũng gọi bằng cách ấy khi xin lỗi.

Kinh văn:

我初發心從佛入道。數聞如來說諸世間不可樂事。乞食城中心思法門。不覺路中毒刺傷足。舉身疼痛我念有知。知此深痛，雖覺覺痛。覺清淨心，無痛痛覺。

Ngã sơ phát tâm tòng Phật nhập đạo. Sát văn Như Lai thuyết chư thế gian bất khả lạc sự. Khất thực thành trung tâm tư pháp môn. Bất giác lộ trung, độc thích thương tức. Cử thân động thông ngã niệm hữu tri. Tri thử thâm thông, tuy giác giác thông. Giác thanh tịnh tâm, vô thông thông giác.

Việt dịch:

Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn này, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy, nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Giảng giải:

Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Nhiều lần con được nghe Đức Phật Giảng dạy về bản chất của thế gian này là khổ, không vô thường và vô ngã. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn này, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Con đang tập trung suy nghĩ về pháp môn mà Như Lai đã dạy cho con, đến mức con không còn để ý đến đường đi, và con dẫm phải gai độc, nó đâm vào chân con đau nhức vô cùng. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy,

nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Trong chân tâm thanh tịnh sáng suốt của con thì không có cái đau hoặc biết có cái đau ấy. Khi con nhận ra điều này, mọi thứ đều rỗng rang, thân tâm con trở nên thanh tịnh. Do vậy, con không còn thấy có ai là người bị đau.

Kinh văn:

我又思惟如是一身寧有雙覺。攝念未久身心忽空。三七日中諸漏虛盡成阿羅漢。得親印記發明無學。

Ngã hựu tư duy, như thị nhất thân ninh hữu song giác. Nhiếp niệm vị cửu, thân tâm hốt không. Tam thất nhật trung chư lậu hư tận, thành A-la-hán. Đắc thân ấn ký phát minh vô học.

Việt dịch:

Con lại suy nghĩ, một thân này lẽ ra phải có hai cái biết? Nhiếp niệm chưa lâu, thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi một ngày, các lậu hoặc dứt sạch, thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.

Giảng giải:

Con lại suy nghĩ, một thân này lẽ ra phải có hai cái biết? Lẽ nào mình có cùng lúc hai cái biết? Lẽ nào một cái biết mình đau và cái biết khác lại biết về cái biết đau ấy? Chẳng phải như vậy. **Nhiếp niệm chưa lâu—**

Con chiêm nghiệm về vấn đề đề một thời gian không lâu— **thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi một ngày, các lậu hoặc dứt sạch.** Trong vòng ba tuần lễ, mọi tập khí hữu lậu trở nên vắng bật, nó đã được trừ sạch. **Thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.** Chính Đức Phật ấn chứng cho con, là con đã chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證，純覺遺身斯為第

一。

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, thuần giác di thân, tư vị đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, thì thuần tịnh cái tính biết, quên bẵng thân thể, là điều tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về từng vị đệ tử chúng con về phương pháp tu tập ban đầu để đạt được giác ngộ. Điều mà con, Tất-lăng-già Bà-ta tu tập là duy trì tâm giác ngộ cho đến khi tâm ấy hoàn toàn thanh tịnh, và con quên bẵng đi thân thể của mình, Đây là phương pháp tu tập viên thông của con.

VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

*Tu-bồ-đề***Kinh văn:**

須菩提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心得無礙。自憶受生如恒河沙。初在母

胎即知空寂。如是乃至十方成空。亦令眾生證得空性。

Tu-bồ-đề tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai tâm đắc vô ngại. Tự ức thọ sanh như hằng hà sa. Sơ tại mẫu thai tức tri không tịch. Như thị nãi chí thập phương thành không. Diệc linh chúng sinh chứng đắc không tính.

Việt dịch:

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Còn từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại, tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch. Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tánh không.”

Giải giảng:

Tu-bồ-đề có nghĩa là *không sinh*, vì ngay khi ông sinh ra, mọi của cải trong nhà ông ta bỗng dưng trống

không. Chẳng còn một viên ngọc nào còn sót lại. Sau khi ông khinh được bảy ngày, tài sản của cải lại hiện ra. Thế nên đặt tên ông là Thiện Hiện. Cha mẹ ông đi nhờ người đoán số mệnh cho ông, họ nói: “tức thiện thả cát 卽善且吉” Nên đặt tên cho ông là Thiện Cát 善吉.

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Còn từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại. Tâm và tánh của con đạt so sánh sự vô ngại. Tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch—con đã nhận ra được tánh không (sūnyatā)— Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng. Tất cả các cõi giới trong mười phương đều là rỗng lặng. Và cũng khiến cho chúng sinh chúng được tánh không. Con đã giúp cho chúng sinh đồng thời chúng nhập được tánh không (sūnyatā).”

Kinh văn:

蒙如來發性覺真空。空性圓明得阿羅漢。頓入如來寶明空海。同佛知見印成無學。解脫性空，我為無上。

Mông Như Lai phát tính giác chân không. Không tính viên minh đắc A-la-hán, đốn nhập Như Lai bảo minh không hải. Đồng Phật tri kiến, ấn thành vô học. Giải thoát tính không, ngã vi vô thượng.

Việt dịch:

Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn

là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Nhờ đó con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (sūnyatā), con được viên mãn nhất.

Giảng giải:

Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Tánh giác đồng như tánh không. Tánh Như Lai tạng—giác ngộ về tánh không—là viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Tánh không và tánh Như Lai tạng đều viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Nhờ đó con chứng được A-la-hán. Do con đã nhận ra được thể tánh của Như Lai tạng, nên con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Bảo minh không hải lại chính là tánh Như Lai tạng. Nó giống như biển lớn tánh không (sūnyatā). Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Đức Phật ấn chứng cho con là bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (sūnyatā), con được viên mãn nhất. Tri kiến của con có được là nhờ vào thể nhập đạo lý tánh không. Con là người thể nhập vào tánh không bậc nhất.

Kinh văn:

佛問圓通如我所證。諸相入非非所
非盡。旋法歸無斯為第一

Phật vấn viên thông như ngã sở chứng. Chư tướng

nhập phi, phi sở phi tận, tuyền pháp quy vô, tư vi đệ nhất.

Viết dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt, xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, các vị Bồ-tát, về chỗ chứng ngộ của họ khi đạt được viên thông. **Như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt.** Cái khiến cho trở thành không và cái trở nên không đều tiêu sạch. Có nghĩa là chẳng có gì, thậm chí cả cái không. Trong đạo Lão (Taoism), điều này được gọi là Sở không cập vô 所空及無, cái không cũng chẳng có. Trong đạo Phật, điều này được gọi là *phi sở phi tận*—非所非盡. **Xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.** Đưa các pháp trở về lại với thể tánh rỗng lặng là thù thắng nhất. Thể nhập lý tánh không (śūnyatā) là phương pháp hay nhất.

SÁU THỨC



VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Xá-lợi-phát

Kinh văn:

舍利弗即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心見清淨。如是受生如恒河沙。世出世間種種變化，一見則通獲無障礙。

Xá-lợi-phát tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai, tâm kiến thanh tịnh. Như thị thọ sinh như hằng hà sa. Thế xuất thế gian chủng chủng biến hoá, nhất kiến tức thông hoạch vô chướng ngại.

Việt dịch:

Xá-lợi-phát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hễ con thấy được là liền thông suốt, được điều không chướng ngại.”

Giảng giải:

Tên của mẹ ngài **Xá-lợi-phát** là Śari, và tên của

ngài có nghĩa là ‘con của Sári–Thu tử 鶯子’ có nghĩa là loài chim diệc. Ngài là người có trí huệ đệ nhất. Khi Xá-lợi-phất còn ở trong thai mẹ, người mẹ thường thắng cuộc mỗi khi tranh luận với anh mình là Câu-hi-la,¹ cậu của Xá-lợi-phất. Câu-hi-la biết em gái mình đang hoài thai một đứa bé thông minh xuất chúng.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hề con thấy được là liên thông suốt, được điều không chướng ngại. Con có thể trình bày ngay về các sự việc như thế nào, dù ở tầm mức thông thường hay vào mức độ uyên bác, con đều đạt được sự vô chướng ngại.”

Kinh văn:

我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說
因緣。悟心無際。

*Ngã ư lộ trung phùng Ca-diếp-ba, huynh đệ tương
trục tuyên thuyết nhân duyên. Ngộ tâm vô tế.*

Việt dịch:

Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường, cùng đi theo họ. Họ nói về thuyết nhân duyên, con ngộ được tâm không có bờ mé.

¹ S: Mahakaushthila, Túc Trường trào Phạm chí 長爪梵志 (s: Dirghanakhabrahmacārin).

Giảng giải:

Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường. Khi anh em Ca-diếp-ba cùng đi với con, nghe họ nói về **thuyết nhân duyên**. Nhờ nghe được thuyết nhân duyên, con trở nên được giác ngộ, và con **ngộ được tâm không có bờ mé**.

Trước khi Xá-lợi-phất xuất gia, ông gặp Mã Thắng¹ (Ashvajit) khi cùng đi trên đường. Mã Thắng là một trong năm anh em Kiều-trần-na được Đức Phật chuyển pháp luân trước hết ở vườn Nai (Lộc dã uyển). Xá-lợi-phất thấy Mã Thắng đang đi với dáng dấp đầy oai nghi nghiêm túc khả kính.

Mắt không liếc nhìn cảnh vật,

Tai không nghe trộm chuyện gì.

Ông ta không lén trốn qua bên đường để nhìn ngắm người ta, và không lắng nghe những gì họ đang bàn tán.

Mắt ông ta nhìn sống mũi, mũi nhìn miệng, miệng chú ý đến tim.

Trước đó, Xá-lợi-phất đã thọ giáo với một ngoại đạo gọi là Sa Nhiên Phạm Chí². Sau khi vị này qua đời, ông không còn biết học với ai. Đó là khi ông gặp Mã Thắng ở trên đường và thán phục oai nghi đơan nghiêm của tỷ-khưu này. Xá-lợi-phất hỏi tỷ-khưu Mã Thắng, “Oai nghi của ông thật trang nghiêm. Thầy của ông là vị nào?”

¹ S: Aśvajit; p: Assaji. Phiên âm A-thuyết-thị.

² 沙然梵志 (s: Sañjayavairatiputra). Túc 刪闍耶毘羅胝子)

Tỷ-khuru Mã Thắng trả lời bằng bài kệ: *Chư pháp tùng duyên sanh, Chư pháp tùng duyên diệt. Ngã Phật đại sa-môn, thường tác như thị thuyết.*¹

諸法從緣生 諸法從緣滅 我佛大沙門 常作如是說.

Khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ này, ngài liền giác ngộ và chứng được sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về trụ xứ của mình và nói lại bài kệ ấy cho Mục-kiền-liên nghe. Khi Mục-kiền-liên nghe được bài kệ ấy, ngài cũng chứng ngộ. Rồi cả hai dẫn 200 đệ tử của mình đến quy y với Đức Phật. Họ cùng xuất gia và trở thành tăng chúng trong giáo đoàn của Đức Phật.

Đó là điều được kể lại ở một nơi khác, Ở đây kinh văn nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba. Vì có bản kinh nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba, và có bản kinh lại nói rằng Xá-lợi-phất gặp tỷ-khuru Mã Thắng. Tôi nghĩ rằng Xá-lợi-phất đã gặp cả hai vị ấy. Anh em ông Ca-diếp-ba và tỷ-khuru Mã Thắng lúc ấy đều cùng đi trên đường. Lưu ý rằng kinh nói, “cùng đi với các huynh đệ.” “Huynh đệ.” Không có nghĩa là chỉ có anh em ông Ca-diếp-ba, mà gồm có cả tỷ-khuru Mã Thắng, vốn là một pháp hữu. Họ đang bàn luận về thuyết nhân duyên, và một vị nói:

¹ Bản chép khác: 諸法從因生, 諸法從因滅, 我佛大沙門常作如是說’ (BKPGTT)

Nhân duyên sở sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không. Thị danh vi giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa.¹

Có lẽ là khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ trên, ông ta liền hỏi, “Ông nói điều gì vậy? Ai là thầy của ông?” Và tỷ-khưu Mã Thắng nói bài kệ ấy. Xá-lợi-phất nghe xong, liền được giác ngộ. Sau đó Xá-lợi-phất trở về kể cho Mục-kiền-liên, và cả hai cùng đến quy y với Đức Phật.

Kinh văn:

我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說
因緣。悟心無際從佛出家。見覺明圓得
大無畏。成阿羅漢為佛長子。從佛口生
從法化生。

*Tòng Phật xuất gia, kiến giác minh viên, đắc đại vô
úy. Thành A-la-hán, vi Phật trưởng tử. Tòng Phật khẩu
sinh, tòng pháp hoá sinh.*

Việt dịch:

**Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con
trở nên sáng suốt viên mãn, được đại vô úy và trở**

¹ Bản tiếng Hán của VPTT ghi là anh em Ca-diếp-ba nói bài kệ: Nhất thiết chư pháp bản, Nhân duyên sanh vô chủ, Nhược năng giải thử giả, tặc đắc chân thật đạo.

一切諸法本，因緣生無主，若能解此者，則得真實道。

Bản tiếng Anh thì ghi là họ cùng bàn luận về nhân duyên và Mã Thắng nói bài kệ: Nhân duyên sở sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không. Thị danh vi giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa.

因緣所生法我說即是空是名為假名亦名中道義。

thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh.

Giảng giải:

Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con trở nên sáng suốt viên mãn. Tính thấy của Xá-lợi-phất trở thành thể giác ngộ viên mãn. Con được pháp đại vô úy và trở thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh. Trong số các đệ tử của Đức Phật, Xá-lợi-phất thuộc hàng đệ tử lớn nhất.

Kinh văn:

佛問圓通，如我所證。心見發光，光極知見斯為第一

Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng. Tâm kiến phát quang, quang cực tri kiến, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, Xá-lợi-phất, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất. Khi tính sáng suốt của tâm thể phát huy đến cực điểm, thì tính thấy và tính biết trở thành không. Đây là phương pháp tu tập đạt đến viên thông tối thắng nhất.

VIÊN THÔNG NHĨ THỨC
Bồ-tát Phổ Hiền

Kinh văn:

普賢菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我已曾與恒沙如來為法王子。十方如來教其弟子。菩薩根者修普賢行，從我立名。

Phổ Hiền Bồ-tát tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ tăng dữ hàng sa Như Lai vi Pháp vương tử. Thập phương Như Lai giáo kỳ đệ tử. Bồ-tát căn giả, tu Phổ Hiền hạnh, tông ngã lập danh.

Việt dịch:

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên.”

Giải giảng:

Bồ-tát Phổ Hiền là vị Bồ-tát có hạnh nguyện rất rộng lớn. Ngài phát 10 đại nguyện vương mà chúng ta thường tụng vào thời công phu khuya. Mười nguyện đó là:

1. Lễ kính chư Phật.
2. Xưng tán Như Lai.
3. Quảng tu cung dường
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh chuyển pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường tùy Phật học.
9. Hằng thuận chúng sinh.
10. Phổ giai hồi hướng.

Đây gọi là Mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. Trong kinh Hoa Nghiêm, có nguyên một phẩm, gọi là ‘*Phổ Hiền hạnh nguyện.*’ Công hạnh và nguyện lực của ngài rất lớn, và vì thế nên ngài có cơ cảm rất lớn với chúng sinh. Ngài cỡi trên voi trắng sáu ngà. Màu trắng tượng trưng cho Nhất Phật thừa, và sáu ngà tượng trưng cho Lục độ ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Trong quá khứ, con đã từng là Pháp vương tử. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền—có nghĩa là những vị có thiên hướng tu tập hạnh Bồ-tát—hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên.”

Kinh văn:

世尊我用心聞。分別眾生所有知

見。若於他方恒沙界外。有一眾生心中發明普賢行者。我於爾時乘六牙象。分身百千皆至其處。縱彼障深未合見我。我與其人暗中摩頂。擁護安慰令其成就。

Thế tôn, ngã dụng tâm văn, phân biệt chúng sanh sở hữu tri kiến. Nhược u tha phương hằng sa giới ngoài, hữu nhất chúng sanh, tâm trung phát minh Phổ Hiền hạnh giả, ngã u nhĩ thời thừa lục nha tượng, phân thân bách thiên giai chí kỳ xứ, Túng bỉ chướng thâm vị hợp kiến ngã. Ngã dĩ kỳ nhân âm trung ma đánh. Ứng hộ an uý, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe và phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài, nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cõi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, con cũng thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến họ được sự thành tựu.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe—Con không dùng nhĩ căn để nghe mà dùng tâm—phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Khi con phân biệt rõ về mọi tri kiến

của chúng sinh, con không dùng tâm phân biệt, mà dùng chân tâm, để xác định rõ căn tánh của từng chúng sinh. Con làm được việc này không những chỉ trong thế giới này, mà cả trong các cõi giới khác. **Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài—dù những nơi rất xa, cách xa cõi nước này rất nhiều—nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cõi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Con liền phân thân trăm ngàn thân rồi đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, Con vẫn giúp cho, thăm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi,**

Những người siêng năng tu đạo có khi cảm thấy như có kiến bò, hoặc như có ai đang xoa nhẹ trên đỉnh đầu. Đôi khi có người cảm thấy như có con gì bò trên mặt. Khi có điều này xảy ra, quý vị đừng có cố gắng lấy tay mình xua tan cảm giác đó đi. Nguyên nhân đó là chư Phật và Bồ-tát đang xoa đầu quý vị. Nếu quý vị để ý, sẽ thấy được điều này. Các ngài đang an ủi, động viên chúng ta, thế nên quý vị đừng tìm cách xua tan cảm giác ấy đi. Nếu quý vị thành tâm, sẽ cảm nhận được điều này.

Con khiến cho họ được sự thành tựu. Con giúp cho họ được thành tựu trong việc tu đạo.

Kinh văn:

佛問圓通我說本因，心聞發明分別自在斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã thuyết bản nhân, tâm văn phát minh, phân biệt tự tại, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân của con là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân basic cause—của con—kinh nghiệm con đã thực hành trong nhân địa, là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất. Con lắng nghe để phân biệt rõ tri kiến của từng chúng sinh. Sự phân biệt này do từ chân tâm và được thể hiện một cách tự tại, và con đạt được sự tự chủ. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

Chúng ta không nên nổi sân hận, vì nếu nổi sân, thì ma chướng sẽ đến ngay. Hãy bớt nóng giận một chút và để tâm nhiều hơn vào việc tu học Phật pháp.

VIÊN THÔNG TỊ THỨC

Tôn-đà-la Nan-đà

Kinh văn:

孫陀羅難陀。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家從佛入道。雖具戒律於三摩提。心常散動，未獲無漏。世尊教我及俱絺羅觀鼻端白

Tôn-đà-la Nan-đà tức tông toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia tông Phật nhập đạo. Tuy cụ giới luật, ư tam-ma-đề, tâm thường tán động, vị hoạch vô lậu. Thế tôn giáo ngã cập Câu-hi-la quán tị đoan bạch.

Việt dịch:

Tôn-đà-la Nan-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu. Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng.”

Giải thích:

Nan-đà, A-nan-đà và Tôn-đà-la Nan-đà là ba anh em họ của Phật. *Tôn-đà-la* là gọi theo tên người vợ của ông là Sundari, có nghĩa là đẹp. Cô ta rất quyến rũ. Nan-

đà, phần sau trong tên gọi ấy có nghĩa là ‘thiện.’ Vì có nhiều đệ tử cùng tên, nên Nan-đà được đặt tên như vậy, có nghĩa là là Nan-đà của *Tôn-đà-la*.

Tôn-đà-la Nan-đà¹ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu.

Con theo Phật tu đạo, tuy giữ giới luật nghiêm túc nhưng định lực chưa tròn đầy. Tâm con luôn luôn dao động. Con chưa thành tựu được quả vị vô lậu.

Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng. Vì tâm con quá tán loạn, Đức Phật dạy con và Ma-ha Câu-hi-la, cậu của Xá-lợi-phất, hãy quán sát tướng chót mũi, và hãy quán tướng điểm màu trắng trên chóp mũi trong khi cả hai mắt đều chăm nhìn vào đó.”

¹ S:p: Nanda. Ý dịch là Hoan hỷ 歡喜, Gia lạc 嘉樂. Em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, sau xuất gia làm đệ tử của Đức Phật, được tôn xưng là bậc biết điều hoà các căn đệ nhất. Vì để phân biệt với Mục ngưu Nan-đà 牧牛難陀 mà ngài được gọi là Tôn-đà-la Nan-đà 孫陀羅難陀 (s: Sundara-nanda). Sau khi xuất gia, khó quên người vợ đẹp là Tôn-đà-lợi 孫陀利 (s: Sundarī) nên thường về nhà. Đức Phật dùng nhiều phương tiện răn dạy ngài mới đoạn được ái dục và chứng quả A-la-hán. Ngài Mã Minh đã theo chuyện này mà sáng tác tác phẩm *Tôn-đà-la Nan-đà thi* 孫陀羅難陀詩; s: *Sundarananda-kāvya*.

Kinh văn:

我初諦觀經三七日。見鼻中氣出入如煙。身心內明圓洞世界。遍成虛淨猶如琉璃。煙相漸銷。鼻息成白

Ngã sơ đề quán, kinh tam thất nhật. Kiến tị trung khí xuất nhập như yên. Thân tâm nội minh viên đồng thế giới. Biến thành hư tịnh, do như lưu ly. Yên tướng tiệm tiêu. Tị tức thành bạch

Việt dịch:

Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi một ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng, thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới. Khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.

Giải thích:

Tôn-đà-la Nan-đà tiếp tục trình bày: Khi con hành trì theo phương pháp này, **Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi một ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng.** Con tập trung sức chú ý vào chóp mũi. Sau hai mươi một ngày, hơi thở giống như khói, **thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới.** Bên trong như có ánh sáng và con thấy rõ những gì đang diễn ra trong các cõi giới, đến mức thấy **khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly.** Thân tâm của con và thế giới trở thành rỗng không và thuần một thể

thanh tịnh. Tất cả đều rõ ràng rỗng suốt như ngọc lưu ly. Hơi thở nơi mũi con biến thành màu trắng, nhưng nó dần dần giảm đi. **Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.** Từ sự quán tưởng hằng ngày như vậy, hơi thở con trở nên trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi của con.

Kinh văn:

心開漏盡。諸出入息化為光明。照十方界得阿羅漢。世尊記我當得菩提。

Tâm khai lậu tận, chư xuất nhập tức hoá vi quang minh, chiếu thập phương giới. Đắc A-la-hán, Thế Tôn ký ngã đương đắc bồ-đề.

Việt dịch:

Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề.

Giải giảng:

Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch. Khi hơi thở của con trở nên màu trắng, tâm con bỗng nhiên được giác ngộ, sạch hết mọi lậu hoặc. **Mỗi hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán.** Ban đầu hơi thở của con giống như khói, rồi nó trở thành màu trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi, và cuối cùng nói biến thành hào quang! Ánh sáng chiếu khắp pháp giới trong mười

phương. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị **bồ-đề**. Đức Phật bảo rằng trong tương lai, con chắc chắn sẽ thành Phật.

Kinh văn:

佛問圓通。我以銷息，息久發明。明
圓滅

漏斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ tiêu tức, tức cửu phát minh. Minh viên diệt lậu, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng phép nhiếp niệm vào hơi thở, dùng lặng lâu ngày nên phát ra sáng suốt. Sự sáng suốt viên mãn, trừ sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp hay nhất.

Giải thích:

Tôn-đà-la Nan-đà trình bày rằng pháp tu tị thức là thù thắng hơn cả. Đối với ông ta, đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THIỆT THỨC
Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử

Kinh văn:

富樓那彌多羅尼子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來辯才無礙。宣說苦空深達實相。如是乃至恒沙如來。祕密法門我於眾中。微妙開示得無所畏。

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử tức tòng toà khởi. Đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai biện tài vô ngại. Tuyên thuyết khổ không, thâm đạt thật tướng. Như thị nãi chí hằng sa Như Lai bí mật pháp môn, ngã ư chúng trung vi diệu khai thị, đắc vô sở úy.

Việt dịch:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại. Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng. Con đạt được sức vô úy.”

Giảng giải:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử (Purnamaitreyaniputra)

là tên gọi theo họ cha và họ mẹ. **Phú-lâu-na** (Pūrṇa) có nghĩa là Mãn-滿 đó là họ của cha. **Di-đa-la-ni-Maitreyani** có nghĩa là Từ 慈; Putra có nghĩa là con (子 tử). Thế nên tên của ngài có nghĩa là *con trai của người có lòng từ rộng lớn*.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại.

Có bốn loại biện tài vô ngại:

1. Pháp vô ngại biện 法無礙辯: Có năng lực giảng nói các pháp một cách viên dung vô ngại.
2. Nghĩa vô ngại biện 義無礙辯: Có khả năng giảng nói nghĩa lý các pháp dung thông vô ngại.
3. Từ vô ngại biện 辭無礙辯: Có năng lực sử dụng một câu, một lời nói, mà diễn bày vô lượng nghĩa lý mầu nhiệm một cách vô ngại. Lại có khả năng đem vô lượng diệu nghĩa quy nạp thành trong một lời nói, một câu chữ
4. Nhạo thuyết vô ngại biện 樂說無礙辯: Có năng lực tùy thuận niềm hỷ lạc của mọi chúng sinh, khéo léo dùng các phương tiện để thuyết pháp cho mọi người nghe mà không mệt mỏi nhàm chán.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử không giống như Châu-lợi Bàn-đà đã từ chối giảng pháp khi mình đã là một vị Tam tạng Pháp sư. Và quả báo là ông ta đã bị ngu đần. Phú-lâu-na không như vậy, rất hoan hỷ trong việc giảng pháp.

Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật.

Ngài giảng giải rõ ràng về bản chất vô thường, khổ, không, vô ngã của các pháp. Cho đến giải thích rõ ràng diệu lý chân như thực tướng của các pháp, thực tướng tức là vô tướng, nhưng chẳng có pháp nào là chẳng có tướng.

Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng.

Phú-lâu-na có thể giảng nói về các pháp bí mật vi diệu của Như Lai và khiến cho họ thâm nhập nghĩa lý sâu mầu.

Con đạt được sức vô úy. Con đã thành tựu được năng lực nhạo thuyết biện tài và vô úy.

Kinh văn:

世尊知我有大辯才。以音聲輪教我發揚。我於佛前助佛轉輪。因師子吼成阿羅漢。世尊印我說法無上。

Thế Tôn tri ngã hữu đại biện tài, dĩ âm thanh luân, giáo ngã phát dương. Ngã ư Phật tiền trợ Phật chuyển luân, nhân sư tử吼 thành A-la-hán. Thế Tôn ấn ngã thuyết pháp vô thượng.

Việt dịch:

Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh

pháp. Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán. Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.

Giảng giải:

Phú-lâu-na thành tựu đạo quả là nhờ thiết thức—*tongue-consciousness*. Ngài được như vậy là nhờ siêng năng giảng pháp. Thế nên quý vị thấy, có thể ngộ đạo và chứng quả nhờ siêng năng giảng pháp. Tất cả việc cần làm là quý vị đi sâu vào pháp môn mình đang hành trì. Hãy quyết định dứt khoát một pháp môn và tu tập thật siêng năng. Đừng tán loạn tâm ý khi tu tập, ngày nay áp dụng phương pháp này, ngày mai đổi sang pháp môn kia, rồi ngày sau đổi ý, chọn phương pháp khác nữa. Khi thay đổi như vậy, quý vị chỉ phí thời gian vô ích, và quý vị không bao giờ thâm nhập vào một pháp tu nào cả. Quý vị phải chọn dứt khoát một pháp môn và tinh cần công phu vào pháp môn ấy.

Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh pháp. Không có người nào có thể tranh luận hơn Phú-lâu-na. Khi ngài giảng pháp, âm thanh tròn đầy, vang vọng rất mạnh. Với số đông chừng một ngàn hay một vạn người, cũng chẳng cần micro hay loa phóng thanh, họ vẫn có thể nghe được rất dễ dàng. “Đức Phật dạy con hãy giảng kinh và thuyết pháp.” **Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán.** Con sẽ tuyên dương giáo pháp của

Đức Phật, lời giảng của con như tiếng gấm của loài sư tử. Khi sư tử rống lên, các sinh vật khác đều sợ hãi.

Khi thiên ma và ngoại đạo nghe tiếng rống này, chúng đều quy phục. **Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.**

Kinh văn:

佛問圓通我以法音。降伏魔怨銷滅
諸漏斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ pháp âm hàng phục ma oán, tiêu diệt chư lậu, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục ma oán, diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông. Với lời nói, con diễn bày pháp âm hàng phục ma oán. Con hàng phục thiên ma và chuyển hoá ngũ dục, tài sắc danh thực thụ. Năm món dục này là kẻ cướp lấy sạch tài sản quý báu của con người. Theo phương pháp này, con **diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.** Con dùng thiết thức, con tuyên bày diệu pháp. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Ưu-ba-ly

Kinh văn:

優波離即從座起。頂禮佛足而白佛言。我親隨佛踰城出家。親觀如來六年勤苦。親見如來降伏諸魔制諸外道。解脫世間貪欲諸漏

Ưu-ba-ly tức tông toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã thân tùy Phật du thành xuất gia. Thân quán Như Lai lục niên cần khổ. Thân kiến Như Lai hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo, giải thoát thế gian tham dục chư lậu.

Việt dịch:

Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con được theo Phật vượt thành xuất gia, tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh, đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo, và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian.”

Giải thích:

Ưu-ba-ly là người trì giới đệ nhất. Tên ngài trong tiếng Sanskrit có nghĩa là Thượng thủ—superior leader. Ngài không bao giờ phạm một điều giới dù là nhỏ nhất.

Tên ngài lúc còn cư sĩ là Channa (Xa-nặc 車匿).¹ Ông là người cùng với Thái tử rời bỏ hoàng cung rồi vào rừng xuất gia. Ông rất quen thuộc với những sự kiện trong đời Đức Phật vì ông là người sống với Đức Phật lâu nhất. Khi năm vị tỷ-khuru (năm anh em ông Kiều-trần-na) rời bỏ Đức Phật, Ưu-ba-ly không đi mà vẫn ở với ngài và giúp đỡ cho Thái tử khi ngài đang tu đạo. **Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch**

¹ Xa-nặc 車匿 (s: Chandaka; p: Channa). Còn gọi Xiển-đặc-ca 闍鐸迦, Chiên-đàn 旃檀, Sần-đà 孛陀. Hán dịch là Ứng tác 應作, Dục tác 欲作, Phú tàng 覆藏. Là người hầu của vua Tịnh Phạn. Là người đánh xe cho Thái tử vượt thành xuất gia. Sau cũng theo Phật xuất gia. Ban đầu Xa-nặc là một trong Lục quân Tỷ-khuru, không chịu sửa đổi tánh ác khẩu, ngạo mạn của mình, phạm tội không chịu sửa đổi, không hoà hợp với các tỉ-khuru, nên có tên là Ác khẩu Xa-nặc, Ác tánh Xa-nặc. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, Xa-nặc có phần tỉnh ngộ, theo học với A-nan và chứng quả A-la-hán. Điều này được ghi trong *Phật sử hành tán*, *Du hành kinh*, *kinh Trường A-hàm 4*, và nhiều nơi khác. Còn Ưu-ba-ly S;P: Upāli. Còn gọi là Ưu-bà-ly 優婆離, Ô-bà-ly 鄒波離, Ưu-bà-lợi 憂波利. Ý dịch Cận Chấp 近執, Cận Thủ 近取. Xuất thân từ chủng tộc Thủ-đà-la, làm thợ hót tóc trong cung vua. Khi các vương tử họ Thích xuất gia thì ông cũng xuất gia. Đây là sự thể hiện tinh thần bình đẳng của Đức Phật khi nhận người xuất gia. Ưu-ba-ly tu trì rất trang nghiêm, giỏi trì luật, được khen tặng là “Trì giới đệ nhất”. Khi kết tập kinh điển lần thứ nhất, ngài được cử tụng lại Luật bộ. Điều này được ghi trong *Phật bản hạnh tập kinh 53-55*, *Kinh Trung A-hàm 52*. Còn trong *Kinh Trung A-hàm 32*, có nói về Ưu-ba-ly, nhưng đó là cư sĩ Ưu-ba-ly, không liên quan gì đến Xa-nặc. Nay HT. Tuyên Hoá cho hai nhân vật này là một. Không rõ HT. đã căn cứ vào kinh nào. Nay xin nêu ra những điểm này để nhờ quý vị thức giả bổ sung.

Phật rằng, “Con được theo Phật vượt thành xuất gia. Lúc đó, Ưu-ba-ly, khi đó chưa xuất gia, còn gọi là Xa-nặc, đầu tiên theo Thái tử ra cổng thành về hướng Đông. Thái tử lúc ấy rất vui thích, vì lâu ngày ở trong cung điện rất buồn chán. Ngài thấy một người phụ nữ đang sinh một đứa bé bên lề đường. Cô ta đang khóc lóc than vãn trong cơn quặn đau. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Điều gì vậy? Sao cô ta khóc lóc đau đớn như thế?” Khi Xa-nặc giải thích xong, Thái tử xúc động và nhận ra rằng sự sinh nở có liên quan rất nhiều đến cái khổ. Sau khi người mẹ sinh xong, đứa bé được chào đời, Thái tử cảm thấy không còn vui thú gì nữa nên bảo Xa-nặc, “Chúng ta trở về thôi! Hôm nay xem thế là đủ rồi!”

Ngày hôm sau họ cùng đi về cổng thành phía nam. Thái tử thấy một lão già. Đầu ông ta lác lư, mắt mờ, răng đã rụng sạch, và hầu như không còn đi được. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Người đó sao vậy?”

–Người ấy quá già. Xa-nặc trả lời.

–Ồ! –Thái tử kêu lên–Người già như vậy đó sao! Thật là quá khổ.

Lần này nữa, Thái tử cũng không muốn đi đâu nữa, bảo Xa-nặc trở về.

Ngày thứ ba họ cùng đi về cổng thành phía tây, họ thấy một người đang mắc phải cơn bệnh rất ngặt nghèo. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Tại sao thân thể người đó lại khủng khiếp như vậy ?” Xa-nặc trả lời, “Người ấy đang bị bệnh.” Một lần nữa, Thái tử thấy thương cảm trong lòng và không muốn đi chơi xa nữa.

Ngày thứ tư họ cùng đi về cổng thành phía bắc họ thấy một người vừa chết. Khi Thái tử hỏi về sự kiện này, Xa-nặc trình bày sự chấm dứt cuộc sống của con người—cái chết—là như vậy.

Thái tử choáng váng với các cảnh vừa thấy, sinh lão bệnh tử. Vào lúc đó, có một vị tỷ-khuru đắp y ca-sa đi qua. Khi Thái tử thấy vị tỷ-khuru, ngài hỏi Xa-nặc đó là ai? Xa-nặc trả lời:

—Ngài hãy hỏi vị ấy để được nghe lời giải thích.

Thái tử, mà sau nay là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền hỏi vị tỷ-khuru:

—Ngài là ai?

—Tôi là người xuất gia.

—Có nghĩa là sao?

—Người đã từ bỏ cuộc sống gia đình, tu đạo, được gọi là tỷ-khuru. Họ xuất gia để mong thoát khỏi những cái khổ của sinh lão bệnh tử. Khi đã thể nhập vào Đạo, sẽ thấy không còn có sinh cũng như chẳng còn có diệt—nên chúng ta không còn bị rơi vào sinh hoặc chết, chúng ta có thể đạt được đạo quả.

—Ngài có thể cho tôi biết làm sao để được xuất gia? Ngài có thể nhận tôi làm đệ tử được không?

Vị tỷ-khuru vốn là chư thiên từ cõi trời Tịnh cư—Heaven of Pure Dwelling. Thất nhân duyên đã chín muồi, vị ấy liền hoá thân để gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giữa đường. Khi Thái tử xin vị tỷ-khuru hãy làm

thầy của mình thì vị tử-khuru liền buông gậy xuống đất và bay về trời. Thái tử không còn cách nào để học đạo và chẳng biết làm sao để xuất gia, nên chỉ còn cách trở về hoàng cung.

Lúc ấy, một vị thầy tướng số xem tướng mạo của Thái tử nói cho Vua rằng, “Trong vòng bảy ngày nữa nếu Thái tử không xuất gia, ngài sẽ làm một vị Chuyển luân thánh vương, ngài sẽ trị vì khắp các cõi nước trên thế gian. Việc bệ hạ cần làm là giữ Thái tử trong hoàng cung suốt bảy ngày sắp tới.”

Từ đó, vua Tịnh Phạn canh chừng và cắt phiên cho ngự lâm quân canh gác quanh hoàng cung, cắt đứt mọi phương tiện ra vào cung điện. Lệnh giới nghiêm được ban ra và không ai được ra vào hoàng cung. Như vậy Thái tử bị giam lỏng và canh chừng suốt mọi lúc. Với cách này, vua Tịnh Phạn hi vọng rằng con của ngài, Thái tử Tất-đạt-đa sẽ đạt được ngôi vị của một bậc Chuyển luân thánh vương.

Chuyển luân thánh vương là người trị vì bốn châu thiên hạ: Đông thắng thân châu, Tây ngưu hoá châu, Nam thiêm bộ châu và Bắc-câu-lư châu.¹ Một thế giới hệ bao gồm bốn đại châu này, một mặt trời, một mặt

¹ Nam thiêm bộ châu 南瞻部洲 (s: Jambudvīpa), Đông thắng thân châu 東勝神洲, Đông Phát-bà-đề (s: Pūrāvādeha). Tây ngưu hoá châu 西牛貨洲; Tây Cù-đa-ni 西瞿耶尼 (s: Aparagodāniya). Bắc-câu-lư châu 北瞿盧洲 (s: Uttarakuru). Còn gọi Thắng xứ.

trăng và núi Tu-di.¹ Một ngàn tiểu thiên thế giới hệ là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới được gọi là một đại thiên thế giới. Đây là ý nghĩa của Tam thiên đại thiên thế giới. Một vị Chuyển luân thánh vương cai trị một tiểu thiên thế giới.

Thái tử có thiện căn rất lớn, nên dù có bị canh chừng rất nghiêm ngặt, ngài vẫn không hề bối rối. Vua Tịnh Phạn cho dẫn đến cung điện của Thái tử rất nhiều phụ nữ đẹp. Nhưng thái tử vẫn xem họ với đôi mắt bàng quan, như là không thấy, như là không nghe. Đúng là:

Mắt thấy sắc nhưng trong tâm chẳng có gì.

Tai nghe tiếng nhưng tâm chẳng hề biết.

Hoặc là:

Trong chẳng có thân tâm,

Ngoài chẳng có thế giới.

Thế rồi vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại hiện ra bảo với Thái tử rằng, “Thái tử, ngài ham vui ngũ dục thế gian mà quên đi lời phát nguyện trong đời

¹ Tu-di sơn 須彌山; S: meru, sumeru;

Theo vũ trụ quan của Ấn Độ cổ thì Tu-di là trung tâm của vũ trụ và là trú xứ của chư Thiên. Về núi Tu-di thì hai quan niệm vũ trụ của Bà-la-môn và Phật giáo giống nhau, ngoài ra chúng lại có nhiều chỗ khác nhau về các hệ phụ thuộc.

Theo quan niệm Phật giáo thì xung quanh núi Tu-di là biển cả và lục địa bao bọc; dưới núi Tu-di là cõi của loài Ngạ quỷ (s: preta), phía trên là tầng của các Thiên giới (s: deva) cao cấp, các tầng Sắc giới (s: rūpaloka) cũng như các tầng Vô sắc giới và các cõi Tịnh độ.

trước hay sao? Ngài có còn nhớ lời nguyện trong kiếp trước không?”

Thái tử Tất-đạt-đa trả lời, “Tôi không quên, nhưng nay tôi không biết phải làm sao để thực hiện lời nguyện ấy.”

Vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại nói, “Nếu ngài không quên lời nguyện, và vẫn còn ý định xuất gia thì tôi sẽ giúp ngài.”

Thái tử nói, “Thế thì rất hay!”

Thiên thần bảo Xa-nặc-có nghĩa là Ưu-ba-ly mà bây giờ chúng ta đang được đề cập đến—hãy chuẩn bị ngựa, rồi bảo Thái tử và Xa-nặc ra sau vườn hoàng cung để trốn đi. Lúc ấy, Tứ thiên vương¹ xuất hiện, mỗi vị đỡ lấy một chân ngựa rồi nhắc bổng cả ngựa xe, Thái tử và Ưu-ba-ly lên không trung và bay theo. Họ vượt qua mây trời và cõi sương mù đi xa hơn 3 do-tuần² rồi dừng lại trong Núi Tuyết.³

¹ Còn gọi Hộ thế Tứ vương thiên. Gồm:

1. Trì quốc thiên (s: Dhṛtarāṣṭra 持國天) ở phương Đông;
2. Quảng mục thiên (s: Virūpākṣa 廣目天) ở phương Tây;
3. Tăng Trưởng thiên (s: Virūdhaka 增長天) ở phương Nam.
4. Đa văn thiên 多聞天 hoặc Tì-sa môn thiên vương (s: Vaiśravaṇa) ở phương Bắc;

²(s: yojana; Quãng đường dài từ 15-20 km. Do ngữ căn *yuj* mà lập nên danh từ này. Chỉ cho quãng đường mà sức bò kéo đi được một ngày. Căn cứ *Đại Đường Tây Vực ký* của ngài Huyền Trang, Do-tuần là quãng đường mà các vị Đế vương hành quân trong một ngày.

³ Tức Hy-mã-lạp-son (Himalaya). E: Snowy Mountains.

Thái tử tu tập ngay khi đến núi. Như lời hứa của thiên thân, ở đó đã có đủ lúa gạo và mè. Mỗi ngày Thái tử dùng một hạt mè để sống. Rồi có ba người trong dòng họ của vua cha, hai người thuộc dòng họ mẹ cùng đến để tu tập với ngài. Có ba người không chịu nổi cảnh cực khổ của đời tu nên bắt đầu hoài nghi, “Tu tập khổ như thế này, bao giờ mới thành Phật được? Hãy về đi thôi!” ba người này bỏ đi và đến Vườn Nai (Lộc dã uyển) để tu tập. Sau có một thiên nữ dâng cúng một bát sữa cho Thái tử, vì thấy thân thể ngài chỉ còn da bọc xương. Sau khi uống sữa, ngài thấy thân thể trở nên bình thường. Nhưng hai người còn ở lại tu tập với ngài thấy vậy liền nghĩ rằng, “Trước đây Thái tử chịu được khổ hạnh, nhưng nay thì hết chịu nổi được rồi. Thái tử đã uống sữa, ông ta sẽ chẳng thành tựu được điều gì. Lẽ ra Thái tử đừng dùng thứ ấy. Chúng ta hãy đi thôi!” Thế nên những người thân cận thuộc dòng họ cha và dòng họ mẹ rời bỏ ngài ra đi, chỉ còn lại Ưu-ba-ly. Nên Ưu-ba-ly nói rằng, “Chính con đã cùng Phật vượt thành xuất gia. Chính con đã ở cùng ngài trong vườn hoàng cung khi ngài lên ngựa ra khỏi thành. **Tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh**, trong sáu năm ngài đã chịu đựng sự khổ hạnh, chịu đựng những điều khổ nhẫn chịu. Con **đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian**. Đáng lẽ Thái tử thành Phật ngay khi còn ở trong Núi Tuyết, nhưng ngài còn e ngại rằng chúng sinh đời sau sẽ hiểu lầm rằng, để thành Phật, họ phải tu tập vô cùng

khổ hạnh. Thế nên ngài không thiên định trong núi vắng nữa mà đi đến cây bồ-đề, ngài ngồi dưới cây này và thệ nguyện rằng sẽ không rời cây nếu chưa thành Phật.

Sau khi Đức Phật ngồi thiền định dưới gốc cây bồ-đề 49 ngày, ma vương trong cõi Lục dục thiên được báo mộng. Ông ta mơ thấy có 32 hoá thân. Khi tỉnh dậy, ông ta suy gẫm để tìm ra nguyên nhân đã dẫn đến giấc mơ, ông ta phát hiện ra có một vị Bồ-tát đang ngồi thiền dưới gốc bồ-đề và sắp thành Phật. Ông ta nghĩ, “Điều này không thể nào xảy ra được. Ta phải tìm mọi cách phá huỷ định lực của người này.” Ông ta liền phái đi bốn ma nữ, họ đều rất đẹp. Ma quỷ là loài yêu quái, nhưng họ cũng không thích sự xấu xí. Họ được phái đến để quấy rối định lực Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bằng sự biểu hiện 32 tướng biến hoá rất hấp dẫn. Họ cố gắng quyến rũ cho được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Họ muốn Đức Phật cũng có những ý tưởng tham muốn tầm thường và xả bỏ định lực. Họ muốn kích động ham muốn của Đức Phật. Nhưng Đức Phật chẳng hề thích họ cũng như chẳng ghét họ. Dù ngài chẳng phải là rom rạ hay gỗ đá, như dân gian có câu, “Người chẳng phải là gỗ đá, sao nữ vô tình?” Nhưng Đức Phật đã vượt thắng nghiệm này và không hề bị chúng xoay chuyển. Ngài không bị dao động bởi ma lực của loài yêu nữ này. Ngài an trụ trong trạng thái như như bất động. Tâm ngài chẳng lay động mảy may, ngài không hề khởi niệm ái dục.

Gặp những cảnh này, ngài chẳng khởi niệm. Vào lúc này, Đức Phật quán chiếu về sự bất tịnh, tương tự

như chín đê mục đã nói ở trên (Cửu tướng quán). Ngài nghĩ rằng, “Ồ! Các người đến để thử thách ta. Dù bây giờ các người rất đẹp, nhưng rồi các người sẽ trở thành những bộ xương khô. Chín huyết trên thân thể các người thường xuyên tiết ra những thứ bất tịnh. Mắt tiết ra ghèn, tai tiết ra chất ráy, mũi tiết ra nước nhầy, miệng tiết ra đờm dãi, toàn là những thứ dơ dáy. Thêm vào đó, thân còn tiết ra phân và nước tiểu, các người lại càng bần thiêu hơn. Thêm vào đó, còn có nhiều vi trùng trong mỗi lỗ chân lông trên cơ thể các người. Toàn thân ấy đều là chất hôi thối.” Sự quán chiếu của ngài chuyển sang nhìn thấy bốn cô gái đẹp trở thành bốn bà phù thủy già nua. Họ nhìn nhau, thấy da của mỗi người nhăn nheo như chân gà và tóc họ bạc trắng như lông hạc. Mũi họ đang chảy nước nhờn và miệng đầy nước dãi. Thân thể họ vô cùng tiều tụy. Họ nhìn nhau rồi bắt đầu kinh tởm. Nhận ra rằng họ đã trở nên già cỗi và chẳng còn cách nào lừa phỉnh được Đức Phật nữa, nên chúng bỏ đi. Khi ma vương thấy bốn ma nữ thất bại trở về thì nó đích thân thống lĩnh ma con và ma cháu của nó đến để giết Đức Phật. Nhưng Đức Phật vẫn bất động. Ngài chẳng sợ. Ngài nhập vào Vô trính tam-muội. Nếu tâm quý vị dao động, ma liền hại quý vị. Còn nếu tâm quý vị bất động, thì nó chẳng làm gì mình được.

Còn có một ngoại đạo khác tên Thân Mục 申目 (Shen Jih)¹ trộn chất độc trong thức ăn rồi đem dâng cho Đức

¹ Bản Hán chép Thân Nhật 申日.

Phật. Khi Đức Phật thấy thức ăn, ngài nghĩ, “Nguyện rằng, như trong tâm ta chẳng có gì độc địa, thì khi ăn thực phẩm này, nó sẽ chẳng hại gì mình.” Rồi ăn thực phẩm ấy.

Các ngoại đạo khác ghen tức với Đức Phật. Trước khi Đức Phật đạt đến cảnh giới này, các giáo sĩ Bà-la-môn được xem là tối thượng. Mọi người đều quy hướng về họ. Nhưng sau khi Đức Phật tu tập khổ hạnh sáu năm và thành chánh giác, thì các đệ tử của ngoại đạo đều quy hướng về Đức Phật. Như Ca-diếp, Mục-kiền-liên, và Xá-lợi-phất đều đã từng là đệ tử của các ngoại đạo. Bởi vậy nên thủ lĩnh của các nhóm ngoại đạo rất ghen tức. Họ cho voi điên uống rượu—năm con voi điên như vậy—thả ra để hại Đức Phật. Ai có ngờ rằng khi 5 con voi dữ đến gần Đức Phật, ngài xoè bàn tay ra và 5 con sư tử hiện ra từ 5 ngón tay của ngài, 5 con voi điên run sợ gần chết. Đức Phật có năng lực hàng phục thiên ma và ngoại đạo thật là to lớn.

Ngài cũng đã hàng phục được ái dục. Ái là điều khó hàng phục nhất. Nó khiến cho con người sống như kẻ say và chết trong mộng mị. Nếu quý vị không trừ bỏ được ái dục, thì quý vị không thể nào trừ diệt được lậu hoặc. Quý vị còn lậu hoặc vì mình còn tham ái. Chúng sinh đều bị đắm chìm trong ái dục.

Nghiệp nặng tình mê là chúng sinh.

Nghiệp dứt tình không là chư Phật.

Chư Phật thành Phật là do các ngài đã dứt sạch ái dục. Chúng sinh mãi mãi làm chúng sinh vì nghiệp ái

dục của họ qua sâu dày, không thể nào thoát khỏi vòng trói buộc của luân hồi sinh tử, khiến họ phải trôi lăn trong tam giới.

Nếu không còn lậu hoặc, thì:

Biển khổ mênh mông,

Quay đầu là bờ.

Đó là sự thoát ly hẳn tham dục thế gian.

Kinh văn:

承佛教戒，如是乃至三千威儀八萬微細。性業遮業悉皆清淨。身心寂滅成阿羅漢。

Thừa Phật giáo giới, như thị nãi chí tam thiên oai nghi bát vạn vi tế, tánh nghiệp giá nghiệp tất giai thanh tịnh. Thân tâm tịch diệt thành A-la-hán.

Việt dịch:

Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh. Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán.

Giải giảng:

Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy. Ưu-ba-ly đích thân theo Đức Phật từ khi ngài xuất gia, chính Ưu-ba-ly thấy Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm trong núi Tuyết; chính Ưu-ba-ly đã thấy Đức Phật ngồi dưới cây bồ-đề, và chứng ngộ khi nhìn thấy sao mai mọc; chính

Ưu-ba-ly thấy được Đức Phật hàng phục thiên ma ngoại đạo, cho đến khi thành tựu quả vị Phật. Ưu-ba-ly đều chứng kiến những sự kiện ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, ngài bắt đầu giảng dạy giáo pháp mà ngài đã chứng ngộ, ngài thấy Ưu-ba-ly là người khéo trì giới đệ nhất trong đại chúng từ vô lượng chư Phật trong quá khứ. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở cõi ta-bà và tu tập thành tựu đạo nghiệp, Ưu-ba-ly cũng liền thị hiện đến thế giới này. Thế nên Đức Phật dạy Ưu-ba-ly hãy tập trung hành trì giới luật trong Phật pháp.

Nay tôi sẽ giảng giải về giới luật, và các vị đều Phật tử đang học Phật pháp nên phải nghe cho kỹ.

Đầu tiên là năm giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Kế tiếp là 8 giới, gồm 5 giới đã nêu ở trước, cùng với 3 giới là,

6. Không trang sức thân thể mình bằng hương hoa, dầu thơm.
7. Không nằm ngòai giường cao rộng; và không xem, nghe ca nhạc.

Nhờ không nằm ngòai trên giường cao rộng, quý vị sẽ trừ được tâm ngã mạn tự cao.

8. Không ăn phi thời— eat at improper times.

Không ăn phi thời có nghĩa là không ăn sau giờ Ngọ. Không ăn sau giờ Ngọ giúp cho quý vị chế ngự được lòng tham, vì nếu quý vị muốn ăn lúc nào mình thích, thì quý vị sẽ thích ăn mọi thời. Cư sĩ cần nên giữ giới này.

Sa-di có 10 giới khác với giới của hàng cư sĩ tại gia. Không phải là sau khi thọ 5 giới xong là quý vị được xem như mình là người trong tăng đoàn. Giữ 8 giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Người thọ 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ-tát giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Để được làm thành viên trong tăng đoàn trước hết quý vị phải thọ 10 giới sa-di, rồi 250 giới tỷ-khuru, hoặc 348 giới tỷ-khuru ni, và thêm 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ-tát giới. Chẳng phải ngày nay quý vị đang ở nước Mỹ mà muốn lập nên một cách thức khác. Quý vị không thể lập nên một hệ thống giới điều khác rồi nói rằng, “Mọi người đều là thành viên của Tăng đoàn.” Tôi đã nghe nói rằng ngay cả bàn ghế cũng là thành viên của tăng đoàn! Ly tách chén đĩa cũng là thành viên của tăng đoàn—mọi thứ đều là Tăng đoàn! Điều này thật là kì cục—lạ kỳ không thể nói được. Trong trường hợp này, thì toàn thể thế giới không có gì chẳng phải là tăng gia. Nếu toàn vũ trụ vạn vật đều là Tăng-già, thế thì tại sao Tăng-già lại phải hoà hợp lại

với nhau mà thành. Tôi thấy đây là chuyện chưa từng được nghe bao giờ—nó thực là chưa từng có.

Chữ ‘giới luật’ xuất phát từ chữ *prātimokṣa*¹ trong tiếng Sanskrit. Còn gọi là *sīla*.² Nghĩa theo tiếng Hán là phòng phi chỉ ác.

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Một hôm có vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi hỏi một vị Bồ-tát trưởng lão vốn là người đã xuất gia lâu năm rằng, làm sao để tu đạo. Vị trưởng lão trả lời, “Không làm các việc ác. Siêng làm các việc lành.”

Vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi nói rằng. “Tôi đâu có cần ngài giải thích như vậy. Ngay cả trẻ con ba tuổi cũng biết điều ấy rồi.”

Vị trưởng lão giải thích, “Trẻ con lên ba có thể biết được điều ấy, nhưng ông lão tám mươi thì không chịu làm việc này.

Thời đại ngày nay một số người lập thành nhóm và tự gọi mình là ‘Tăng-già.’ Quý vị hãy coi lại thử họ giữ được bao nhiêu giới? Nếu chẳng giữ giới đầy đủ trọn

¹ Ba-la-đề-mộc-xoa. Hán dịch Tùy thuận giải thoát 隨順解脫, Xứ xứ giải thoát 處處解脫, Biệt biệt giải thoát 別別解脫, Tối thắng 最勝, Vô đẳng học 無等學. Các giới này giúp phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp. Là lối vào ban đầu của các pháp tối thắng (s: pramukha; p: pamukha).

² S: sīla. Phiên âm Thi-la 尸羅, Thi-đát-la 尸怛羅. Hán dịch thanh lương 清涼, Cựu dịch tính thiện 性善. Còn dịch là giới 戒.

vẹn thì chẳng được gọi là Tăng-già. Nếu họ phản đối và nói rằng họ là khác và mới cải cách, thế thì họ đừng nên gọi mình là đạo Phật. Nếu họ vẫn không tôn trọng và vẫn bám chặt vào những giới luật lâu đời của đạo Phật, thế thì đạo Phật mà họ đang theo là như thế nào? Họ sẽ trả lời, “Tân Phật giáo—Neo-Buddhists.” Thế thì hãy hỏi họ có cái gì mới trong đó? Chính Đức Phật có khả năng giảng dạy giáo pháp ở cõi trời, ở địa ngục, ngài có năng lực giáo hoá trong cõi người và đến cả long cung để thuyết pháp. Thế những người thuộc Tân Phật giáo này giảng pháp ở chỗ nào? Hãy hỏi họ như vậy.

Họ sẽ trả lời rằng, “Đó là chuyện hoang đường. Dĩ nhiên là chúng tôi không thể đến đó được. Các ông có thể tạo ra chuyện huyền thoại của riêng mình. Các ông cứ sống với chuyện hoang đường ấy.”

Nếu có người nào đó có được năng lực giống như bất kỳ một đệ tử nào của tôi (đã khai ngũ nhãn) trong hội chúng này, thì họ vẫn không có quyền thay đổi nền tảng giáo lý Phật pháp, và họ vẫn không được tỏ ra là mình quá thông minh linh lợi. Họ có quyền gì mà sửa đổi Phật pháp? Khi quý vị kinh doanh, phải có vốn liếng. Nếu quý vị muốn làm quan chức cao trong chính phủ, quý vị phải học hành đỗ đạt có bằng cấp. Nếu những người này muốn lập thành Tân Phật giáo, nền tảng của họ là gì?

Lời họ đối đáp sẽ là, “chúng tôi dạy giáo lý Tứ diệu đế của Đức Phật, dạy Lục độ, mười hai nhân duyên, và tụng thân chú của chư Phật. Chúng tôi đọc tụng các kinh điển của Phật.”

Hãy hỏi lại họ, “Nếu quý vị đọc kinh Phật và trì tụng thần chú của Phật, thì có gì mới?” Đó thật là điều nghịch lí.

Tôi mong rằng quý vị Phật tử ở Mỹ hãy nỗ lực phản ứng với những sai lầm này. Nếu không, sự suy tạn của đạo pháp chắc chắn sẽ xảy ra. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tiên đoán rằng trong thời mạt pháp, ma con và ma cháu sẽ đến thế giới này với lực lượng rất hùng hậu. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hàng phục ma vương và thu nhiếp ngoại đạo, ma Ba-tuần, đã biết việc này. Nó nói rằng, “Tôi biết là lúc này không làm được gì ngài, nhưng trong tương lai tôi sẽ phá hoại giáo pháp của ngài.”

Đức Phật hỏi lại, “Làm sao mà ông làm được việc ấy?”

“Tôi sẽ cho con cháu tôi len vào trong Tăng đoàn của ông. Ăn uống như các ông, đắp y như các ông, và đại tiểu tiện phân và nước tiểu vào trong bình bát của các ông. Con cháu tôi sẽ phá hoại Phật pháp từ chính trong Tăng đoàn các ông.”

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ lâu đã thấy được những điều đang diễn ra ngày hôm nay.

Họ đắp y Như Lai.

Họ dùng thực phẩm của Như Lai.

Nhưng trong đạo Phật, họ không làm đúng như những gì Đức Phật đã làm.

Ngài Ưu-ba-ly là vị giữ giới luật hàng đầu trong số các đệ tử của Đức Phật. Trong đạo Phật, có những vị

Luật sư chuyên nghiêm trì giới luật, có những vị Pháp sư chuyên giảng kinh thuyết pháp. Pháp sư có hai nghĩa: một là những vị chuyên giảng pháp cho người khác, và hai là người nhận giáo pháp làm thầy của mình, họ tham cứu kinh luận để tu tập. Còn có những vị Thiền sư, họ chuyên tham thiền và tĩnh tọa.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, mọi chúng sinh đều nương vào Đức Phật như là bậc thầy dẫn đường. Khi Đức Phật nhập diệt, ngài khuyên tỷ-khuru, tỷ-khuru ni hãy nhận giới luật làm thầy. Thế nên điều quan trọng nhất đối với chư tăng ni là phải nghiêm trì giới luật. Luật sư như ngài Ưu-ba-ly là vị đặc biệt tinh nghiêm giới luật. Ngài nói, **Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi,**

Con số ba ngàn oai nghi là do từ 250 giới của tỷ-khuru nhân với bốn oai nghi—đi đứng nằm ngồi, thành 1000; nhân với 3 nghiệp, thân khẩu ý, thành 3000.

Mỗi oai nghi đi đứng nằm ngồi đều có điểm đặc biệt của nó.

1. Đi như gió. Gió đây không phải là bão tố cuồng phong, mà như hơi thở nhẹ, như gió thu. Nên đi chậm rãi với phong cách vững chãi, không nên đi vội vã như chạy về phía trước.
2. Đứng như cây thông: Đứng thẳng mình như cây thông, không nghiêng ngã hoặc dựa bên này bên kia.
3. Ngồi như chuông: Ngồi như cái chuông lớn, nặng được treo chắc chắn và không lay động.

4. Nằm như cung: Nên nằm theo thế cát tường, nằm nghiêng phía bên phải, tay phải đặt trên má phải và tay trái để xuôi theo chân trái.

Tám vạn tế hạnh, Tám vạn là con số tròn. Chỉ cho tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Số này là do 3000 oai nghi của thân khẩu ý nhân với 7 (thất giác ý; thân 3, khẩu 4) thành 21.000, nhân với 4 (tứ đẳng phần: Tham, sân, si, đẳng phần) tức là 84.000.

Ưu-ba-ly trình bày tiếp **cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh**. ‘Tánh nghiệp’—Direct karma, là chỉ cho bốn giới cấm căn bản: sát đạo dâm và vọng ngữ. Bất kì hành vi nào thuộc trong 4 việc này đều là sai phạm và phạm giới luật ngay. Nếu có vi phạm vào một trong bốn giới này, thì đều không còn cơ hội để sám hối nữa. Đó là nói dứt khoát như vậy. Còn nếu có người vi phạm một trong bốn giới này mà hết sức thành tâm sửa đổi, thì họ vẫn có được cơ hội.

‘Giá nghiệp’ là chỉ cho những hành vi khiến dẫn mình đến việc phạm những giới cấm mà vốn mình suốt đời không được phạm. Chẳng hạn, có người đã thọ năm giới, nhưng thấy mình khó giữ được, có ngày anh ta nghĩ rằng cũng chẳng mất gì nếu mình uống chút rượu. “Tôi hiểu ý nghĩa của việc giữ các giới sát đạo dâm vọng, nhưng tôi nghĩ cũng sẽ chẳng có vấn đề gì nếu phạm vào giới uống rượu.” Anh là lý luận. Thế là anh ta đi ra ngoài và mua rượu uống. Anh ta trở về nhà với chai rượu trên tay. Nhưng lúc đó thấy ra rằng chẳng có gì để nhắm. “Có gà chiên để đưa cay thì quá tuyệt.” Khi anh nghĩ như

vậy, thì con gà từ bên nhà hàng xóm chạy qua sân nhà anh. Liếc nhìn ngang dọc thấy không có ai, anh liền bắt trộm con gà, như vậy là anh ta đã phạm giới ăn cắp. Rồi anh ta cắt cổ gà, lại phạm thêm giới sát sanh.

Mãi mê trong ly rượu và thịt gà, anh thấy người phụ nữ nhà bên đến gần, “Tôi mất con gà.” Cô ta nói, “Anh có thấy nó chạy qua đây không?”

“Tôi chẳng thấy.” Anh lại phạm thêm giới nói dối nữa. Rồi liếc nhìn người phụ nữ, dù cô ta không đẹp lắm, nhưng cũng còn được. Lòng dục anh ta nổi dậy, anh xâm phạm tiết hạnh cô ấy. Tất cả mọi việc xảy ra chỉ vì phạm giới uống rượu. Đó là cách thức mà nghiệp được tạo ra.

Đó cũng là lý do để nói rằng ăn thịt là phạm vào giới sát. Nếu quý vị không ăn thịt, thì quý vị chẳng có liên quan gì đến lò mổ hay súc vật. Điều này tương tự như việc cày xới đất đai, những người nghiêm trì giới luật họ không bao giờ cày xới đất đai, vì nếu làm thế sẽ khiến cho nhiều côn trùng bị chết. Đây là những ví dụ của sự tạo nghiệp.

Ưu-ba-ly giải thích, “Con nghiêm trì giới luật cho đến khi các nghiệp của mình được thanh tịnh. **Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán.** Khi đạt đến chỗ tuyệt đối thanh tịnh, con chúng được Thánh quả.”

Kinh văn:

我是如來眾中綱紀。親印我心持戒修身眾推無上。

Ngã thị Như Lai chúng trung cương kỳ. Thân ấn ngã tâm trì giới tu thân, chúng suy vô thượng.

Việt dịch:

Nay làm vị cương kỳ trong chúng hội của Như Lai. Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân, được đại chúng suy cử là bậc nhất.

Giảng giải:

Nay làm vị cương kỳ trong chúng hội của Như Lai. Ngài là một bậc Thượng tọa. Ngài là mẫu mực cho mọi người, là mô phạm trong giáo pháp. Nhiều người phải học hỏi ở ngài. Giới luật trong chúng là Ưu-ba-ly đứng đầu trong việc nghiêm trì. **Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân.** Thế tôn đích thân ấn chứng cho con giới trì giới. Con nghiêm trì giới luật và tu tập trong đó. Con **được đại chúng suy cử là bậc nhất.** Do đó trong đại chúng, con được xem là người giữ giới bậc nhất.

Kinh văn:

佛問圓通，我以執身，身得自在。次第執心，心得通達。然後身心一切通利，斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ chấp thân thân đắc tự tại. Thứ đệ chấp tâm tâm đắc thông đạt. Nhiên hậu thân tâm nhất thiết thông lợi, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Con do giữ

giới nơi thân mà thân được tự tại, giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt, sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật muốn biết sự thành tựu đạo nghiệp của từng vị trong chúng hội. **Con do giữ giới nơi thân mà thân được tự tại.** Con giữ giới để tu dưỡng từ thân. **Giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt.** Khi con tu tập về thân đến mức độ không phạm những giới liên quan đến thân. Con giữ những giới trong tâm. Những giới luật liên quan đến thân là thuộc về công hạnh của hàng Thanh văn, còn những giới trong tâm là thuộc công hạnh của hàng Bồ-tát. Hàng Bồ-tát không phạm giới dù những giới thuộc về tâm.

Sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại. Thân tâm con rất là tự tại và an lạc. **Đó là phương pháp tốt nhất.** Phương pháp giữ giới để tu tập thân tâm, theo ý kiến của con đó là thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG Ý THỨC
Mục-kiên-liên

Kinh văn:

大目犍連即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初於路乞食逢遇優樓頻螺，伽耶，那提，三迦葉波。宣說如來因緣深義。我頓發心得大通達。

Đại Mục-kiên-liên tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ ư lộ khát thực phùng ngô Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, tam Ca-diếp-ba, tuyên thuyết Như Lai nhân duyên thâm nghĩa. Ngã đốn phát tâm đắc đại thông đạt.

Việt dịch:

Đại Mục-kiên-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Ban đầu con đi khát thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, họ giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai. Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa.”

Giảng giải:

Đại Mục-kiên-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng. Tên của

Mục-kiền-liên có nghĩa là Thái thúc thị¹—con cháu của dòng họ những người ăn rau đậu. Ngài nói, “**Ban đầu con đi khát thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba² là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề.**”

Tên của Ưu-lâu-tần-loa³ (Uruvilvā) có nghĩa là ‘rừng cây papaya.’ Ông được đặt tên này là vì thân ông lớn nhanh như thân cây papaya. **Già-da** (Gaya) là tên một dãy núi, **Na-đề** (Nadī) là tên một dòng sông. Ba anh em **giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai**. Họ bàn luận về giáo pháp của Như Lai, đặc biệt là giáo lý Nhân duyên sinh.

Nhân duyên sở sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Thị danh vi giả danh

Diệc thị trung đạo nghĩa.

¹ Ma-ha Mục-kiền-liên (*Mahā Maudgalyayana*):

Mục-kiền-liên, Hán dịch là *Thái thúc thị*, đó là họ. Xưa tổ tiên của Ngài vào trong núi tu đạo, chuyên hái rau để ăn nên có họ như vậy. Còn tên ông vốn có nghĩa là Câu-luật-đà, nghĩa là *cây không có đốt*. Do vì cha mẹ ngài tuổi đã lớn mà chưa có con, mới đến cầu đảo ở thần cây, sau mới sinh hạ được ông. Nên đặt tên là Câu-luật-đà.

² Kāśyapa. Ca-diếp 迦葉; S: kāśyapa; P: kassapa; dịch nghĩa là Âm Quang 飲光. Tên của ba anh em tu sĩ thời đức Phật, ban đầu theo đạo Bà-la-môn, thờ thần lửa, nước. Sau được đức Phật giáo hoá. Ba vị này là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (p: uruvela-kassapa), Già-da Ca-diếp (p: gayā-kassapa) và Na-đề Ca-diếp (p: nadī-kassapa)

³ S: Uruvilvā; p: Uruvelā; phiên âm Ưu-lâu-tần-loa 漚樓頻螺, Ô-lu-tần-la 烏盧頻羅. Là tên một loại cây. Hán dịch là Mộc qua 木瓜, Mộc qua lâm 木瓜林. Khổ hạnh lâm 苦行林 ở trong khu rừng này.

Khi họ phân tích kỹ lưỡng về giáo lý này, **Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa.**”

Trước đó, Xá-lợi-phất đã được nghe bài kệ trên và đã được chứng ngộ, đạt quả vị sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về báo tin cho Mục-kiền-liên, “Hôm nay tôi vừa gặp được các vị tỷ-khưu đệ tử của Đức Phật. Họ có nói cho tôi một bài kệ.”

Khi Xá-lợi-phất đọc lại bài kệ ấy, Mục-kiền-liên cũng chứng ngộ. Cả hai đều đến chỗ Phật xin quy y và đánh lễ Thế tôn, cầu thỉnh ngài làm bậc Đạo sư của mình. Có vài kinh luận khác nói rằng ngài Xá-lợi-phất gặp tỷ-khưu Mã Thắng (Aśvajit), vị này nói cho Xá-lợi-phất bài kệ:

Chư pháp tùng duyên sinh

Chư pháp tùng duyên diệt

Ngã Phật đại sa-môn

Thường tác như thị thuyết.

Bài kệ này đã khiến cho Xá-lợi-phất giác ngộ. Nói chung, Xá-lợi-phất đã nghe đệ tử Phật nói về lý nhân duyên và được giác ngộ, cũng như Mục-kiền-liên.

‘Nghĩa lý thâm diệu’ là chỉ cho giáo pháp dạy cho hàng Bồ-tát. Giáo pháp dành cho hàng A-la-hán có nghĩa lý còn đơn giản. Thế nên ‘Nghĩa lý thâm diệu’ là chỉ cho giáo pháp Đại thừa.

Kinh văn:

如來惠我袈裟著身鬚髮自落。我遊

十方得無罣礙。神通發明推為無上。成阿羅漢

Như Lai huệ ngã ca-sa trước thân, tu phát tự lực. Ngã du thập phương đắc vô quái ngại. Thần thông phát minh suy vi vô thượng, Thành A-la-hán.

Việt dịch:

Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Giảng giải:

Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Khi con đến trụ xứ của Đức Phật, ngài nói, “Thiện lai! Tỷ-khưu. Hãy để cho râu tóc ông tự rụng và thân được đắp ca-sa.” Nhờ năng lực thần thông của Phật mà râu tóc của Mục-kiền-liên sạch ngay sau lời tán thán của Thế tôn. Vào thời đó, những ai quyết định xuất gia, họ liền thực hiện ngay tức khắc, họ không dừng lại để tính toán suy nghĩ. Họ không giống như những người hôm nay, vốn thường do dự, không dứt khoát khi quyết định. Khi râu tóc của Mục-kiền-liên rơi rụng sạch sẽ rồi, ngài liền có hình tướng của một vị tỷ-khưu. Ngài thuật lại: **Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại.** Mục-kiền-liên là vị có thần thông bậc nhất. Sau khi ngài xuất gia, ngài thành tựu được năng lực thần thông, ngài có thể đi khắp mười phương và thể hiện các tướng biến hoá như ý muốn. Năng lực thần thông của ngài là

không ngần mé, không có gì làm chướng ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Kinh văn:

寧唯世尊。十方如來歎我神力。圓
明清淨自在無畏。

Ninh duy Thế tôn, thập phương Như Lai tán ngã thần lực, viên minh thanh tịnh, tự tại vô úy.

Việt dịch:

Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con được thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.

Giải thích:

Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con. Không riêng chỉ Thế tôn, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khen tặng con. Chư Phật Như Lai khắp mười phương cũng đều tán dương năng lực thần thông diệu dụng của con. Các ngài khen ngợi năng lực ấy là **thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.**

Kinh văn:

佛問圓通，我以旋湛心光發宣。如澄
濁流久成清瑩斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ tuyên trạm, tâm quang phát tuyên. Như tròng trước lưu, cửu thành thanh oánh, tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng, tâm thể sáng suốt được hiển bày, như nước đục lắng trong, lâu ngày thành trong suốt, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, những người đang tu tập, họ đã vận dụng công phu theo phương pháp nào mà có được sự chứng ngộ. **Con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng**—Con công phu bằng cách quay trở về với tâm thể thanh tịnh sâu lắng—cho đến khi **tâm thể sáng suốt được hiển bày**. Bản tâm con phát ra anh sáng, **như nước đục lắng trong**. Như để nước đục lâu ngày cho đến khi trở nên lắng trong. **Lâu ngày thành trong suốt**. Khi nước đục để lâu ngày, nó tự nhiên được trong suốt. **Đó là phương pháp tốt nhất**. Con tu tập theo phương pháp xoay ý niệm trở về lại với tánh Như Lai tạng sâu màu vi diệu. Đó là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI



VIÊN THÔNG HOẢ ĐẠI

Ô-sô-sắc-ma

Kinh văn:

烏芻瑟摩於如來前。合掌頂禮佛之
雙足。而白佛言。我常先憶。久遠劫前
性多貪欲。有佛出世名曰空王。說多姪
人成猛火聚。教我遍觀百骸四肢。諸冷
暖氣

*Ô-sô-sắc-ma ư Như Lai tiền, hợp chưởng đánh lễ
Phật chi song túc, nhi bạch Phật ngôn. Ngã thường tiên
ýc. Cửu viễn kiếp tiền tánh đa tham dục. Hữu Phật xuất
thế danh viết Không Vương thuyết đa dâm nhân thành
mãnh hoả tụ, giáo ngã biên quán bách hài tứ chi chư
lãnh noãn khí.*

Việt dịch:

Ô-sô-sắc-ma đến trước Phật, chấp hai tay đánh
lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, “Con thường nhớ
trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều
dâm dục. Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương,
nói rằng người đa dâm giống như đồng lửa dữ, ngài
dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm
vóc tứ chi.”

Giảng giải:

Ô-sô-sắc-ma¹ là một vị thần Kim cang hộ pháp. Ngài là một trong những vị mà trong kinh này thường gọi là Kim cang Mật tích 密迹金, có nghĩa là vị Hộ pháp. Lịch sử của các vị Hộ pháp này như sau: Vô lượng kiếp trong quá khứ, có một vị Chuyển luân thánh vương mà người vợ đầu của ông sinh được 1000 người con. Vị Chuyển luân thánh vương này là người thắm nhuần Phật pháp. Ông bắt các con của mình rút thăm; và chúng phải tu hành thành Phật theo thứ tự số thăm mà họ đã rút được. Một ngàn vị Phật của kiếp này, tức Hiền kiếp,² chính là những con trai của Chuyển luân thánh vương ấy.

Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamuni Buddha)³

¹ S: Ucchuṣma; t: Hchol-ba. Mật giáo và Thiên tông tôn thờ như một vị thần phần nộ. Là tôn tượng tôn trí ở phương Bắc thuộc Yết-ma bộ trong Mật giáo. Còn gọi là Ô-sô-sa-ma Minh Vương 烏窠沙摩明王; Ô-xu-sắc-ma Minh Vương, 烏樞瑟摩明王; Ô-tố-sa-ma Minh Vương 烏素沙摩明王, Còn gọi là Uế tích Kim cang 穢迹金剛, Hoả đầu Kim cang 火頭金剛, Bất tịnh Kim cang 不淨金剛, Bất hoại Kim cang 不壞金剛, Trừ uế phần nộ tôn. Hiện nay Phật giáo Đài Loan phần nhiều gọi tôn tượng này là Uế tích Kim cang 穢迹金剛.

² Hiền kiếp: S: Bhadrakalpa. Có nghĩa là trong hai kiếp tăng giảm hiện tại, có một ngàn Đức Phật, thánh hiền xuất hiện để giáo hoá chúng sinh. Nên gọi là Hiền kiếp. Còn gọi là Hiện kiếp. Hai kiếp còn lại là Quá khứ Trang nghiêm kiếp 過去莊嚴劫 và Vị lai Tinh tú kiếp 未來星宿劫.

³ S: Kanakamuni. P: Konaga-māna; t: Gser-thub. Phiên âm là Ca-nặc-ca mâu ni 迦諾迦牟尼, Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼. Hán dịch Kim sắc tiên 金色仙. Kim tịch 金寂. Là Đức Phật thứ 5 trong 7 vị Phật quá khứ.

thành vị Phật đầu tiên, và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vị Phật thứ tư của Tinh tú kiếp.¹ Có tên gọi như vậy là vì đó là lúc mà chư Phật và Hiền thánh xuất hiện ở thế gian.

Người vợ khác của Chuyển luân thánh vương có hai người con trai. Người anh phát nguyện rằng khi 1000 người anh của mình đã thành Phật hết rồi, sẽ đi đến quốc độ của họ để cúng dường. Người em phát nguyện khi 1000 người anh của mình đã thành Phật, sẽ đến để hộ trì cho họ—người này chính là Kim cang Lực sĩ.

Tại sao ở đây lại nói **đến trước Phật** chứ không nói từ chỗ ngồi đứng dậy? Là vì Kim cang Lực sĩ là thần Hộ pháp, và thần Hộ pháp thì không thể ngồi khi có sự hiện hữu của chư Phật. Họ phải đứng. Họ không được phép ngồi trong chúng hội của chư Phật. Như loài ma, không những họ không được phép ngồi mà thậm chí còn không được phép đứng. Họ phải quỳ. Các vị Hộ pháp phải quỳ khi nghe giảng pháp. Trong các pháp hội giảng kinh, có rất nhiều loài ma quỷ đang quỳ quanh đây để nghe giảng kinh. Nếu quý vị không thể thấy được chúng, đó là do quý vị không học được cách nói như tôi dành cho chúng. Quý vị có thể hỏi những vị đệ tử của tôi đã được khai ngộ nhãn. Họ sẽ nói cho quý vị nghe.

¹ Nakṣatra kalpa: Chư Phật sẽ xuất hiện trong đời tương lai nhiều như sao trên trời nên có tên như vậy. Đức Phật đầu tiên trong Tinh tú kiếp có tên là Nhật Quang Phật 日光佛, Đức Phật sau cùng của Tinh tú kiếp là Tu-di Tướng Phật 須彌相佛.

Ô-sô-sắc-ma đến trước Đức Phật **chấp hai tay đánh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, “Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục.** Người này có lòng dâm dục rất mạnh. Ông ta bị ám ảnh bởi phụ nữ. Có lẽ ông ta bị di truyền tính này từ người cha của ông, là vị Chuyển luân thánh vương, có lòng dâm dục rất mạnh. “Lúc ấy, **Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, ngài dạy Phật pháp cho con, ngài nói rằng người đa dâm giống như đồng lửa dữ.** Trong tương lai họ sẽ bị đọa vào địa ngục và bị thiêu đốt bởi lửa dữ. Đức Phật Không Vương **dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi.”**

Tại sao con người lại có lòng dâm dục mạnh mẽ? Vì nó đến từ ‘lửa dục—fire of desire’ trong thân thể. Thế nên Đức Phật Không Vương—King of Emptiness, đã dạy Ô-sô-sắc-ma xoay trở lại tánh sáng suốt và nhìn vào tính lửa trong thân thể. Ô-sô-sắc-ma đã thấy được lửa dục trong mình.

Kinh văn:

神光內凝。化多婬心成智慧火。從是諸佛皆呼召我名為火頭。

Thần quang nội ngưng, hoá đa dâm tâm thành trí huệ hoá. Tùng thị chư Phật giai hô triệu ngã danh vi hoá đầu.

Việt dịch:

Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong, tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ. Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.

Giải thích:

Con quán sát tính lửa trong thân con, sau một thời gian, con ghê tởm nó và được báo động về nó. Con không còn thích những niệm tưởng dâm dục nữa, con dần dần xa lìa được chúng. Khi nó đã không còn nữa, thì con **Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong.** Ô-sô-sắc-ma phát ra tánh sáng suốt từ bên trong, **tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ.** Có sự chuyển hoá xảy ra từ tâm niệm ám ảnh bởi dâm dục; nó đã chuyển thành lửa trí huệ. **Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.** Chư Phật thường gọi Ô-sô-sắc-ma là Hoả đầu Kim cang.

Kinh văn:

我以火光三昧力故成阿羅漢心發大願諸佛成道。我為力士，親伏魔怨。

Ngã dĩ hoả quang tam-muội lực cố thành A-la-hán. Tâm phát đại nguyện chư Phật thành đạo, ngã vi lực sĩ, thân phục ma oán.

Việt dịch:

Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Giải thích:

Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật

thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Khi 1000 Đức Phật trong Hiền kiếp đã thành tựu đạo nghiệp, con phát nguyện sẽ làm vị Kim cang Đại lực sĩ, là Đại Hộ pháp, để uốn dẹp mọi tà ma ngoại đạo.

Kinh văn:

佛問圓通我以諦觀身心暖觸。無礙流通諸漏既銷。生大寶焰登無上覺斯為第一

Phật vấn viên thông, ngã dĩ đề quán thân tâm noãn xúc, vô ngại lưu thông. Chư lậu ký tiêu, sanh đại bảo diệm, đăng vô thượng giác. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ, liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi các đệ tử về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ. Kết quả là hơi nóng trong thân đã chuyển thành lửa trí huệ, và tự tánh trong tâm là vô ngại thông suốt. Nó đốt cháy sạch mọi lậu hoặc của con, và liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

VIÊN THÔNG ĐỊA ĐẠI
Trì Địa Bồ-tát

Kinh văn:

持地菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我念往昔普光如來。出現於世我為比丘。常於一切要路津口。田地險隘有不如法。妨損車馬我皆平填。或作橋梁或負沙土。

Trì Địa Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã niệm vãng tích phổ quang Như Lai xuất hiện ư thế, ngã vi tử-khuru, thường ư nhất thiết yếu lộ tân khẩu, điền địa hiểm ải, hữu bất như pháp. Phòng tổn xa mã, ngã giai bình điền, ngã tác kiều lương, hoặc phụ sa thổ.

Việt dịch:

Trì Địa Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tử-khuru thường ở những nơi đường sá, bến đò, đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn; để phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất.”

Giảng giải:

Trì Địa Bồ-tát— Maintaining the Ground, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tỳ-khưu thường ở những nơi đường sá, bên đò

Khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai thị hiện trên đời, con xuất gia làm vị tỳ-khưu, thường phát tâm sửa sang những đoạn đường hiểm trở. “Bến đò—*tân khẩu*” ở đây là chỉ cho các khúc sông cạn, nơi mà các dòng suối chảy qua đường đi. Ngài Trì Địa Bồ-tát liền lấy cây gỗ ngăn dòng chảy lại để cho người dễ dàng qua lại. Ngài còn sửa sang những chỗ đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn. Có khi trên mặt đất bỗng nhiên bị lún sâu hoặc gồ ghề, không đủ rộng và an toàn để đi qua được. Đây là những nơi cần sửa sang. Đề phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất.”

Con san phẳng mặt đường, nếu chỗ ấy bị lún và nhiều ổ gà, con sẽ lấp bằng chúng. Nếu chỗ ấy gồ ghề, con sẽ san bằng chúng. Con làm cho mặt đường bằng phẳng.

Kinh văn:

如是勤苦經無量佛出現於世。或有眾生於闡闡處。要人擎物我先為擎。至其所詣放物即行不取其直。

Như thị cần khổ, kinh vô lượng Phật xuất hiện ư thế. Hoặ hữu chúng sanh ư hoàn hội xứ, yếu nhân kinh vật, ngã tiên vi kinh. Chí kỳ sở nghệ, phóng vật tức hành bất thủ kỳ trực.

Việt dịch:

Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời. Hoặ có chúng sinh, ở nơi chợ triền¹ cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống, con liền đi ngay, không nhận tiền công.

Giải thích:

Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời.

“Việc khó nhọc như vậy” là chỉ cho các việc như gánh đất, làm cầu đường. Trì Địa Bồ-tát tiếp tục làm những công việc như vậy đời này sang đời khác.

Hoặ có chúng sinh, ở nơi chợ triền cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống.

Nếu có người bán rong dọc phố chợ, cần người mang vác hàng hoá, con sẽ mang giúp cho họ, hoặ là mang trên lưng hoặ đội trên đầu, hoặ xách trên tay. Khi mang đến nơi họ yêu cầu, con đặt hàng hóa xuống. **Con liền đi ngay, không nhận tiền công.** Có nghĩa là Trì Địa Bồ-tát không những chẳng đòi tiền công mang vác mà còn từ

¹ Tường chợ. Như hoàn hội 闍闍 chợ triền, cửa ngoài chợ. Vì thế nên thường gọi nơi chợ triền là hoàn hội 闍闍.

khước những lời cảm ơn của họ. Đây là một dạng tu tập khổ hạnh mà Trì Địa Bồ-tát đã từng làm.

Kinh văn:

毘舍浮佛現在世時。世多饑荒，我為負人。無問遠近唯取一錢。或有車牛，被於陷溺。我有神力為其推輪拔其苦惱。時國大王筵佛設齋。

Tì-xá-phù Phật hiện tại thế thời, thế đa cơ hoang, ngã vi phụ nhân. vô vấn viễn cận, duy thủ nhất tiền. Hoặc hữu xa ngưu bị ư hãm nịch, ngã hữu thần lực vi kỳ thối luân, bạt kỳ khổ não.

Việt dịch:

Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, con công giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền. Hoặc có xe trâu mắc phải sình lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.

Giảng giải:

Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém. Người ta không có gì để ăn. Tì-xá-phù có nghĩa là Biến nhất thiết tự tại.¹ Khi nạn đói

¹ 毘舍浮 s: Viśvabhū ; Viśvabhuk. Vị Phật thứ 3 trong 7 Đức Phật quá khứ. Còn phiên âm là Tì-thấp-bà-bộ Phật 毘濕婆部佛, Tì-xá-bà-Phật 毘舍婆佛, Tùy-diếp Phật 隨葉佛. Dịch nghĩa là Nhất thiết thắng 一切勝, Nhất thiết tự tại 一切自在. Bản tiếng Anh ghi *Vipaśyin*, có lẽ nhầm với Đức Phật Tì-bà-thi mà nguyên tiếng Sanskrit là *Vipaśyin*.

xảy ra, mọi người đều di tản từng đoàn, tìm cách ra khỏi vùng bị nạn đói đe dọa. Có người trên đường di cư qua yếu không thể đi nổi, nên Trì Địa Bồ-tát phải cõng họ đi. **Con công giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền.** Bất luận đó là đoạn đường ngắn hay dài, ngài luôn luôn nhận một khoản tiền nhất định—chỉ một đồng tiền. “Con không nhận nhiều hơn, hoặc có xe trâu mắc phải sinh lây, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.” Khi trời mưa lớn, nước chảy tràn qua mặt đường gây nên sinh lây rất dày khiến người xe khó đi. Khi xe trâu cố đi qua, nó sẽ bị mắc lây. Trì Địa Bồ-tát nói rằng ngài sẽ dùng sức mạnh—năng lực tinh thần, để đẩy giúp xe ra khỏi sinh lây, thoát khỏi tình trạng khó xử.

Kinh văn:

我於爾時平地待佛。毘舍如來摩頂謂我。當平心地。則世界地，一切皆平。

Thời quốc đại vương diên Phật thiết trai, ngã u nhĩ thời bình địa đãi Phật. Tì-xá Như Lai ma đánh vị ngã, đương bình tâm địa, tắc thế giới địa nhất thiết giai bình.

Việt dịch:

Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Giảng giải:

Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật. Quốc vương là một Phật tử thâm tín chư Phật, vua thỉnh Đức Phật đến để cúng dường. Lúc đó, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Trên đường Đức Phật sẽ đi qua, con sửa sang lại cho bằng phẳng những nơi gồ ghề. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Khi tâm địa được an bình, thì mọi đất đai trên thế giới tự nhiên sẽ đều bằng phẳng cả. Trì Địa Bồ-tát đã làm việc như vậy một thời gian rất dài để san bằng mặt đất, vốn là nền tảng để thực hiện mọi sự bình đẳng. Nhưng Trì Địa Bồ-tát đã làm bằng phẳng các hiện tượng bên ngoài, trong khi cơ bản là trong tâm tâm tánh mình thì ngài chưa làm được. Nên Đức Phật Tì-xá-phù dạy Trì Địa Bồ-tát hãy làm bình tâm địa của chính mình, vì một khi bình được tâm địa của mình rồi, thì các mặt đất trên thế gian đều được bằng phẳng cả. Tâm địa chính là bản tâm của mình.

Kinh văn:

我即心開，見身微塵，與造世界。所有微塵等無差別。微塵自性不相觸摩。乃至刀兵亦無所觸。

Ngã tức tâm khai, kiến thân vi trần, dữ tạo thế giới sở hữu vi trần đẳng vô sai biệt. Vi trần tự tánh bất tương xúc ma, nãi chí đao binh diệc vô sở xúc.

Việt dịch:

Tâm con liền được khai ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt. Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau, cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.

Giải thích:

Khi con nghe Nền Đức Phật Tì-xá-phù dạy về phương pháp này, **tâm con liền được khai ngộ, con liền được giác ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt.** Thân thể con vốn được tạo thành bởi vô số vi trần, chẳng có gì khác hơn, và nó cũng giống như các vi trần tạo nên các thứ khác trong thế giới. **Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau.** Chúng không xúc chạm lẫn nhau. **Cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.** Ngay cả gươm đao cũng chẳng cắt đứt được chúng, thế nên nó chẳng làm hại gì được đến thân thể của mình, vì thân thể của mình cũng đều là rỗng không. Con vốn chẳng có ngã tướng.

Kinh văn:

我於法性悟無生忍成阿羅漢。迴心
今入菩薩位中。聞諸如來宣妙蓮華佛知
見地。我先證明而為上首。

Ngã ư pháp tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A-la-hán. Hồi tâm kim nhập Bồ-tát vị trung. Văn chư Như Lai tuyên Diệu liên hoa Phật tri kiến địa. Ngã tiên chứng minh nhi vi thượng thủ.

Việt dịch:

Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, con liền được chứng minh là vị thượng thủ.

Giảng giải:

Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm-hồi tiểu hướng đại-thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, có nghĩa là Diệu pháp đại định Thủ-lăng-nghiêm, con liền được chứng minh là vị thượng thủ. Con được ấn chứng đã thể nhập được pháp môn này.

Kinh văn:

佛問圓通我以諦觀。身界二塵等無差別。本如來藏虛妄發塵。塵銷智圓成無上道斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã vi đế quán, thân giới nhị trần đẳng vô sai biệt, bản Như Lai tạng, hư vọng phát trần. Trần tiêu trí viên, thành vô thượng đạo, tu vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thể giới đều không sai biệt, vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần

tướng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng, Đó là thứ nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới đều không sai biệt. Chẳng có gì sai khác giữa thân tâm và thế giới. Con quán sát thấy rằng tất cả đều vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần tướng. Trần tướng phát sinh trong cái hư vọng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng. Đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG THỦY ĐẠI
Nguyệt Quang đồng tử

Kinh văn:

月光童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名為水天。教諸菩薩修習水精入三摩地。

Nguyệt Quang đồng tử tức tông toà khởi. Đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh vi Thủy Thiên, giáo chư Bồ-tát tu tập thủy tinh, nhập tam-ma-địa.

Việt dịch:

Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định.”

Giải giảng:

Nguyệt Quang đồng tử nhập đạo khi còn tuổi thiếu niên. Ngài xuất gia khi còn nhỏ tuổi. Tuy nhiên, bây giờ, khi ngài trình bày về viên thông, thì ngài không còn là một đồng tử nữa, mà là một vị trưởng lão trong hàng Bồ-tát. Đại chúng gọi người là Đồng tử vì ngài nhập đạo khi còn nhỏ tuổi và hoàn toàn thanh tịnh. Ngài Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

dảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định.” Ngài tu tập chánh định bằng cách quán tưởng về nước.

Kinh văn:

觀於身中水性無奪。初從涕唾如是窮盡。津液精血大小便利。身中漩瀆水性一同。見水身中與世界外浮幢王刹。諸香水海等無差別。

Quán u thân trung thủy tánh vô đoạt. Sơ tông thể thoá như thị cùng tận tân dịch tinh huyết, đại tiểu tiện lợi. Thân trung tuyền phục thủy tính nhất đồng. Kiến thủy thân trung dĩ thể giới ngoại Phù Tràng Vương sát, chư hương thủy hải đẳng vô sai biệt.

Việt dịch:

Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước dãi, cho đến các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thủy trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt.

Giải thích:

Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau—nó không xung đột lẫn nhau. Ban đầu từ nước

mũi, nước dãi, cho đến—quán sát chi tiết các thứ tân dịch tính huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Nó chảy luân lưu khắp cơ thể bắt đầu và kết thúc liên tục như chúng luân lưu. Suốt khắp các bộ phận, bản tính của nước là cùng một thể. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thủy trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt. Quốc độ của Phù Tràng Vương là chỉ cho nền tảng của núi Tu-di (s: sumeru). Tất cả các thứ nước đều có thể tính giống nhau. Chẳng có gì khác biệt giữa chúng.

Kinh văn:

我於是時初成此觀。但見其水未得無身。

Ngã ư thị thời sơ thành thử quán, đãn kiến kỳ thủy, vị đắc vô thân.

Việt dịch:

Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán này, chỉ thấy được nước, chưa đạt được chỗ không thấy có thân.

Giảng giải:

Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán này, chỉ thấy được nước. Tất cả các thứ nước trong thân con đều hợp nhất thành một, và nước trong thân cùng nước ngoài thể giới cũng hoà thành một. Nhưng con chưa đạt được chỗ không thấy có thân. Con vẫn thấy mình còn có thân. Con chưa chứng được cảnh giới thấy mình chẳng có thân.

Kinh văn:

當為比丘室中安禪。我有弟子窺窗觀室，唯見清水遍在屋中，了無所見。

Đương vị tỳ-khưu thất trung an thiền. Ngã hữu đệ tử khuy song quan thất, duy kiến thanh thủy biến tại ốc trung, liễu vô sở kiến.

Việt dịch:

Lúc ấy con là vị tỳ-khưu đang ngồi thiền trong thất. Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác.

Giải thích:

Lúc ấy con là vị tỳ-khưu đang ngồi thiền trong thất. Con đang ngồi tọa thiền trong thất, quán tưởng về nước—Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác. Chú đệ tử chuyên quét sân, lau nhà, nấu ăn, hộ thất cho vị tỳ-khưu. “Ngày nọ chú nhìn vào trong thất nhưng chẳng thấy gì ngoài nước đang tràn ngập cả căn phòng. Ngoài nước ra chẳng thấy gì khác.”

Kinh văn:

童稚無知取一瓦礫投於水內。激水作聲顧盼而去。我出定後頓覺心痛。如舍利弗遭違害鬼。

Đồng tử vô tri, thủ nhất ngoã lịch đầu u thủy nội, kích thủy tác thanh, cố miễn nhi khứ. Ngã xuất

định hậu đốn giác tâm thông. Như Xá-lợi-phát tao Vi hại quỷ.

Việt dịch:

Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước, rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phát bị quỷ Vi hại đánh.

Giảng giải:

Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước. Chú đệ tử còn nhỏ tuổi và chưa hiểu biết gì nhiều. Chú lấy viên gạch ném vào trong phòng đầy nước. Rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Chú đứng đó nhìn quanh một lát và tự hỏi, “Thầy mình ngồi thành trong phòng, tại sao trong phòng ngập đầy nước?” Rồi chú ném viên gạch vào trong nước, nhìn quanh, rồi bỏ đi. **Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phát bị quỷ Vi hại đánh.**

Nguyệt Quang đồng tử nhớ đến lúc Xá-lợi-phát đang nhập định, có hai con quỷ từ trên không đi đến. Một con tên là Vi Hại 違害鬼, một con tên là Phục Hại-復害鬼. Quỷ Vi Hại nói với quỷ Phục Hại, “Nếu ta đánh vào đầu vị sa-môn đó thì sao nhi-người đang ngồi thiền đó?”

Quỷ Phục Hại nói, “Đừng! Không nên đánh một vị sa-môn. Tốt nhất là không nên quấy rối người đang tu đạo.” Sau khi Quỷ Phục Hại đi rồi, Quỷ Vi Hại không nghe lời khuyên, nó lấy khúc cây đánh vào đầu Xá-lợi-

phát. Khi Xá-lợi-phát xuất định, ngài nghĩ rằng, “mình đã chứng quả A-la-hán, mình chẳng còn bệnh, tại sao đầu đau như thế này?” Rồi ngài đến thưa hỏi Đức Phật chuyện ấy.

Đức Phật bảo, “Ông vừa bị quỷ Vi Hại đánh vào đầu, quả báo là nó sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián—tức địa ngục A-tì. Sức lực của nó rất mạnh có thể khiến cho núi Tu-di vỡ đôi. Rất may, nhờ ông có định lực. Nếu không ông đã bị nát thành bụi.” Đó là lí do Xá-lợi-phát bị nhức đầu. Bây giờ chú đệ tử của Nguyệt Quang đồng tử ném viên ngói vào trong nước do ông quán tưởng khi nhập định, và khi ông xuất định, tim ông thấy bị đau.

Kinh văn:

我自思惟今我已得阿羅漢道久離病緣。云何今日忽生心痛。將無退失？

Ngã tự tư duy kim ngã dĩ đắc A-la-hán đạo, cửu ly bệnh duyên. Vân hà kim nhật hốt sanh tâm thống. Tương vô thoái thất?

Việt dịch:

Con tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên, tại sao hôm nay bỗng dưng đau tim? Phải chăng đã bị thôi thất?

Giải thích:

Bồ-tát Nguyệt Quang tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên. Con không mắc bệnh, thế tại sao hôm nay bỗng dưng đau

tim? Phải chăng đã bị thôi thất? Có phải con đã mất quả vị A-la-hán mà con đã chứng được? Có phải con đã lui sụt sự phát tâm từ ban đầu?

Kinh văn:

爾時童子捷來我前說如上事。我則告言。汝更見水。可即開門入此水中除去瓦礫。童子奉教後入定時。還復見水瓦礫宛然。開門除出。我後出定，身質如初。

Nhĩ thời đồng tử thiệp lai ngã tiền, thuyết như thượng sự. Ngã tắc cáo ngôn. Nhĩ cánh kiến thủy, khả tức khai môn, nhập thử thủy trung, trừ khứ ngoã lịch. Đồng tử phụng giáo, hậu nhập định thời, hoàn phục kiến thủy, ngoã lịch uyển nhiên, khai môn trừ xuất. Ngã hậu xuất định, thân chất như sơ.

Việt dịch:

Lúc bảy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước.

Giảng giải:

Lúc bảy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc

như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang nhập định, chú đệ tử lại thấy trong nước có viên ngói rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Chú đi vào phòng và nhặt viên ngói ra. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước. Tim con không còn thấy đau nữa.

Kinh văn:

逢無量佛。如是至於山海自在通王
如來。方得亡身。與十方界諸香水海。
性合真空無二無別。今於如來得童真名
預菩薩會。

*Phùng vô lượng Phật. Như thị chí ư Sơn Hải Tự Tại
Thông Vương Như Lai, phương đắc vong thân, dĩ thập
phương giới chư hương thủy hải, tánh hợp chân không
vô nhị vô biệt. Kim ư Như Lai đắc đồng chân danh, dự
Bồ-tát hội.*

Việt dịch:

Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con mới chứng được không thân, cùng với thể tánh của nước biển hương thủy trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác. Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được

danh hiệu là **Đồng chân**, được dự vào chúng hội của hàng **Bồ-tát**.

Giảng giải:

Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai. Con tu tập theo pháp quán nước như vậy trải qua vô số vô lượng chư Phật Như Lai. Cho đến khi Đức Phật Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai thị hiện ra đời, con mới chứng được không thân. Đến mức độ trong định khi quán tưởng về nước, con thấy nước ở bên ngoài và nước trong thân con là đồng một thể, và thân con biến mất. Cùng với thể tánh của nước biến hương thủy trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang thành tựu đại định do thủy quán, ngài thấy thể tánh mình đồng nhất với thể tánh của nước.

Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được danh hiệu là **Đồng chân**, được dự vào chúng hội của hàng **Bồ-tát**.

Nay đối trước Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, con công nhận là Đồng chân nhập đạo và được dự trong chúng hội của hàng Bồ-tát.

Kinh văn:

佛問圓通我以水性一味流通。得無生忍圓滿菩提斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ thủy tánh nhất vị lưu thông. Đắc vô sinh nhẫn, viên mãn bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị, nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.

Giải thích:

Nay **Đức Phật** hỏi các đệ tử về phương pháp tu tập để **đạt viên thông** mà họ đã được thành tựu. **Con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị.** Con dùng pháp quán tánh nước—về thể tánh của nước—nhận ra tánh nước chỉ thuần một vị châu lưu khắp mọi nơi. **Nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.** Theo ý kiến của con, quán nước là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG PHONG ĐẠI
Lưu Ly Quang Pháp vương tử

Kinh văn:

琉璃光法王子。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經恆沙劫。有佛出世名無量聲。開示菩薩本覺妙明。觀此世界及眾生身。皆是妄緣風力所轉。

Lưu Ly Quang Pháp vương tử tức tông toà khởi. Đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh hằng sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Thanh, khai thị Bồ-tát bản giác diệu minh. Quán thử thế giới cập chúng sanh thân, giai thị vọng duyên phong lực sở chuyển.

Việt dịch:

Lưu Ly Quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới này và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra.”

Giảng giải:

Lưu Ly Quang Pháp vương tử. Lưu Ly (s: Vaiḍūrya) là ngọc quý màu xanh. Pháp vương tử là

danh hiệu để gọi hàng Bồ-tát. Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh. Đức Phật hiệu Vô Lượng Thanh ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới này và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra.”

Lưu Ly Quang Pháp vương tử thành tựu đạo quả nhờ vào phong đại.

Kinh văn:

我於爾時，觀界安立，觀世動時。觀身動止，觀心動念。諸動無二，等無差別。

Ngã ư nhĩ thời quán giới an lập, quán thế động thời, quán thân động chỉ, quán tâm động niệm. Chư động vô nhị, đẳng vô sai biệt.

Việt dịch:

Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, quán sự thiên lưu của thời gian, quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt. Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau, vốn không sai biệt.

Giải thích:

Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, có nghĩa là, các hiện tượng trong thế giới, các thế giới hệ— world-system— được hình thành như thế nào. Con quán sự

thiên lưu của thời gian. Con quán sát các thời quá khứ, hiện tại và tương lai. Con **quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt.** Ngay khi niệm tưởng vừa sinh khởi trong tâm, chúng ta đã tạo nên lực lay động của gió ngay trong tâm. Một khi có sức lay động của gió trong tâm, thì liền có nhiều loại gió bên ngoài anh khởi. **Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau.** Thể tính và tướng trạng của các thứ lay động ấy đều **vốn không sai biệt.**

Kinh văn:

我時了覺此群動性。來無所從去無所至。十方微塵顛倒眾生同一虛妄。

Ngã thời liễu giác thử quần động tánh, lai vô sở tòng, khứ vô sở chí. Thập phương vi trần điên đảo chúng sanh đồng nhất hư vọng.

Việt dịch:

Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng.

Giảng giải:

Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Lúc ấy, con đã giác ngộ rõ ràng thể tính của sự lay động ấy. **Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng.** Chúng đều là hư vọng, chúng được tạo ra từ một tính hư vọng như nhau.

Kinh văn:

如是乃至三千大千一世界內所有眾生，如一器中貯百蚊蚋啾啾亂鳴。於分寸中鼓發狂鬧。逢佛未幾，得無生忍。

Như thị nãi chí tam thiên đại thiên nhất thế giới nội sở hữu chúng sanh, như nhất khí trung trữ bách vạn nhuế, thu thu loạn minh, ư phân thốn trung, cổ phát cuồng nã. Phùng Phật vị kỷ, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch:

Như thế cho đến hết thấy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ầm ĩ, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Giải thích:

Như thế cho đến hết thấy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên—cứ như vậy, từ một thế giới cho đến một tiểu thiên thế giới, cho đến 1000 tiểu thiên thế giới, có nghĩa là một trung thiên thế giới và cứ như thế cho đến một đại thiên thế giới. Suốt tất cả tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ầm ĩ. Chúng sinh trong các cõi ấy cũng giống như vô số muỗi mòng bị nhốt trong cái hũ, Mỗi con muỗi trong ấy đều kêu vo ve loạn xạ. Chúng bị nhốt trong gang tấc, ồn ào rối rít. Trong mỗi không gian rất nhỏ, chúng kêu la rối rít. Con quán sát

theo cách này, và chẳng bao lâu sau khi **con gặp Phật, liền được vô sinh pháp nhẫn.**

Kinh văn:

爾時心開。乃見東方不動佛國。
為法王子事十方佛。身心發光，洞徹無礙。

Nhĩ thời tâm khai, nãi kiến Đông phương bất động Phật quốc, vi Pháp vương tử sự thập phương Phật. Thân tâm phát quang, đồng triệt vô ngại.

Việt dịch:

Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con thành vị Pháp vương tử, thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rộng suốt không ngăn ngại

Giảng giải:

Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con tập trung công phu tu tập theo phương pháp này một thời gian rất lâu, không để cho một niệm hư vọng xen vào. Cuối cùng, con được giác ngộ, tâm con khai mở, và con có thể thấy được Đức Phật Bất động Dược sư Như Lai ở phương đông. Ngài còn được gọi là Bất động Phật và Kim cang Phật. **Còn thành vị Pháp vương tử ở quốc độ ấy, và con thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rộng suốt không ngăn ngại.** Con tiếp tục công phu tu tập cho đến khi tâm con phát sáng và thân

cũng phát sáng. Nó xuyên suốt lẫn nhau và hoàn toàn không ngăn ngại.

Kinh văn:

佛問圓通我以觀察風力無依。悟菩提心入三摩地。合十方佛傳一妙心。斯為第一。

Phật vấn viên thông. ngã dĩ quán sát phong lực vô y. Ngộ bồ-đề tâm nhập tam-ma-địa. Hợp thập phương Phật truyền nhất diệu tâm. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu, nên ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu.

Có nghĩa là, gió vốn không có tự thể riêng của nó—không có tự tánh. Từ đó, nên con ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Con nhận được pháp môn truyền tâm ấn của chư Phật. Đó là phương pháp tốt nhất. Pháp môn quán sát tính bất động của gió là phương pháp hay nhất. Con nghe như vậy. Con đã thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu phong đại.

VIÊN THÔNG KHÔNG ĐẠI

Hư Không Tạng Bồ-tát

Kinh văn:

虛空藏菩薩。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我與如來定光佛所得無邊身。

Hư Không Tạng Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ Như Lai, Định Quang Phật sở, đắc vô biên thân.

Việt dịch:

Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang.”

Giảng giải:

Hư Không Tạng Bồ-tát thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu không đại là một trong bảy đại đã nói đến trước đây. Bây giờ ngài Hư Không Tạng Bồ-tát thuật lại phương pháp quán chiếu về không đại.

Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang.”

Như Lai ở đây là chỉ cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Hư Không Tạng Bồ-tát là chỉ cho thân thể giống như hư không—vô biên, không ngăn mé. Đức Phật Định Quang là chỉ cho Nhiên Đăng Phật. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tu hành vào đại a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ngài được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật.

Kinh văn:

爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛刹化成虛空。

Nhĩ thời thủ chấp tứ đại bảo châu, chiếu minh thập phương vi trần Phật sát, hoá thành hư không.

Việt dịch:

Lúc ấy tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không.

Giải thích:

Lúc ấy, là khi Hư Không Tạng Bồ-tát đã chứng được vô biên thân. Con cầm—Ngài có trong tay bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không. Việc này diễn ra trong vô lượng cõi nước của chư Phật nhiều như vi trần.

Kinh văn:

爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛刹化成虛空。又於自心現大圓鏡。內

放十種微妙寶光。流灌十方。盡虛空際

Hư u tự tâm hiện đại viên kính, Nội phóng thập chủng vi diệu bảo quang, lưu quán thập phương, tận hư không tế.

Việt dịch:

Lại trong tự tâm hiện ra đại viên kính trí, trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi sắp cùng tận hư không khắp mười phương.

Giải giảng:

Hư Không Tạng Bồ-tát, từ trong chân tâm thường trú **hiện ra đại viên kính trí**. Kính này biểu tượng cho đại trí huệ. Khi thức thứ 8 được chuyển thành thanh tịnh, thì nó trở thành đại viên kính trí. **Trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi sắp cùng tận hư không khắp mười phương**. Ánh sáng hào quang rất rực rỡ, chiếu khắp cùng tận hư không ở mười phương.

Kinh văn:

諸幢王刹 來入鏡內涉入我身。身同
虛空不相妨礙。

Chư Tràng vương sát lai nhập kính nội, thiệp nhập ngã thân. Thân đồng hư không, bất tương phương ngại.

Việt dịch:

Các cõi nước Phù tràng vương đều hiện ra trong kính này và nhập vào thân con. Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau.

Giảng giải:

Các cõi nước **Phù tràng vương**—có nghĩa là, các Phật độ—**đều hiện ra trong kính này và nhập vào thân con**. Hư Không Tạng Bồ-tát đều gom vào trong kính tất cả các quốc độ của chư Phật trong cùng tận hư không, khắp 10 pháp giới. Khi các quốc độ ấy hiện ra trong gương, chúng liền nhập vào thân ngài. **Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau**. Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát tự nó là hư không, hư không chính là thân ngài. Tuyệt đối chẳng có gì khác biệt nhau giữa thân ngài và hư không.

Kinh văn:

身能善入微塵國土。廣行佛事得大隨順。

Thân năng thiện nhập vi trần quốc độ. Quảng hành Phật sự đắc đại tùy thuận.

Việt dịch:

Thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tùy thuận.

Giảng giải:

Hư Không Tạng Bồ-tát nhận ra rằng thân mình chính là hư không. Do vậy, chẳng có gì ranh giới để phân biệt giữa hai thực thể ấy, và cũng chẳng có gì phương ngại giữa chúng. Chúng dung thông nhau. Từ ý nghĩa đó, **thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tùy thuận.**

Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát rộng khắp nhiều quốc độ. Ngài sẽ làm gì khi ngài có thể đi đến khắp các cõi nước như vậy? Ngài phụng sự các Đức Phật. Ngài làm việc ấy như thế nào? Ngài chuyển các việc làm ở thế gian thành Phật sự. Ngài có được sự tùy thuận, có nghĩa là ngài đạt được năng lực lớn nhất để tùy thuận, hoà hiệp với chúng sinh.

Kinh văn:

此大神力由我諦觀四大無依，妄想生滅，虛空無二，佛國本同。於同發明得無生忍。

Thử đại thần lực do ngã đế quán tứ đại vô y, vọng tưởng sinh diệt. Hư không vô nhị, Phật quốc bản đồng. Ư đồng phát minh, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch:

Có được thần lực lớn này là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai, quốc độ Phật vốn đồng nhau. Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn.

Giảng giải:

Có được thần lực lớn này—năng lực tùy thuận tất cả chúng sinh—là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu. Con chiêm nghiệm và quán chiếu thật chi tiết về bốn đại: đất, nước, lửa, gió,

đều không có tự thể. Chúng chẳng y cứ vào một cái gì cả. Con nhận ra rằng, **do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai.** Do hư vọng mà khởi dậy có phân biệt sinh tử. Con quán chiếu thấy được rằng, thân thể con vốn chẳng khác biệt với hư không. Ngay cả các **quốc độ Phật cũng đồng nhau.** ‘Đồng’ có nghĩa là các cõi nước của chư Phật, vốn cũng là không. Chính Bồ-tát Hư Không Tạng nhận ra các pháp đều vốn là không. Ngài xoay chuyển các pháp đều quy về hư không, gồm cả những nơi là cõi nước của chư Phật và cả những nơi chẳng phải là cõi nước của chư Phật. **Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn.** Con nhận ra tính không này, và điều thực chứng ấy đã khiến cho con đạt được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn:

佛問圓通，我以觀察虛空無邊，入三摩地，妙力圓明。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ quán sát hư không vô biên, nhập tam-ma-địa, diệu lực viên minh. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán chiếu hư không vốn không ngăn mé, nên được thể nhập vào chánh định, có được diệu lực viên minh. Đây là phương pháp tốt nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do dùng năng lực quán chiếu hư không vốn không ngăn mé. Vì hư không chẳng có ranh giới, nên thấy thân thể con cũng trở nên không có ranh giới. Từ sự quán chiếu về hư không, mà con nhập được vào chánh định–hư không định và con chứng được **diệu lực viên minh**. Hư không định này vô cùng vi diệu. Năng lực của định này hoàn toàn viên mãn và sáng suốt. **Đây là phương pháp tốt nhất**. Do vậy nên đối với con, Bồ-tát Hư Không Tạng, như con đã từng tu tập, thấy đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG THỨC ĐẠI
Di-lặc Bồ-tát

Kinh văn:

彌勒菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經微塵劫。有佛出世名日月燈明。我從彼佛而得出家。心重世名好遊族姓。

Di-lặc Bồ-tát tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh vi trần kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ngã tòng bỉ Phật nhi đắc xuất gia. Tâm trọng thế gian, hảo du tộc tính.

Việt dịch:

Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn rtrọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý.”

Giải thích:

Di-lặc Bồ-tát, còn gọi là A-dật-đa (Ajita). Di-lặc (Maitreya) là họ của gia đình. Còn A-dật-đa (Ajita) là tên của ngài. Di-lặc (Maitreya) có nghĩa là Từ thị. A-dật-đa (Ajita) Hán dịch là Vô năng thắng. Chắc quý vị đã từng

thấy hình ảnh vị tăng to béo mập mập trong trai đường của các ngôi chùa. Di-lặc chính là vị ấy. Có lẽ là vị Bồ-tát này thích ăn ngon nên hình dáng to lớn như vậy. Ngài cũng rất thích cười, nhưng tiếng cười của ngài không thô tháo. Đúng hơn, ngài luôn luôn nở nụ cười rất tươi trên mặt. Ngài rất thích chơi với trẻ con, và đáp lại, trẻ con cũng rất thích chơi với ngài. Khi nào quanh ngài cũng có nhiều trẻ con vây quanh. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, không còn là bậc đạo sư giáo hoá chúng sinh ở cõi này nữa, thì Đức Phật Di-lặc sẽ ra đời để tiếp tục việc giáo hoá chúng sinh. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni được gọi là Hồng Dương Phật. Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, ngài sẽ được gọi là Bạch Dương Phật. Điều này có nghĩa là khi Đức Phật Di-lặc thị hiện ra đời, thì máu của chúng sinh sẽ là màu trắng, không còn màu đỏ như thời trước nữa. Loài người hiện nay có máu màu đỏ vì đang ở trong thời giáo hoá của Hồng Dương Phật.

Khi nào Đức Phật mới Di-lặc thị hiện ra đời? Nghe thật là lâu xa khi quý vị được kể ra, nhưng thực sự là chẳng xa chút nào, vì theo cái nhìn của một vị Bồ-tát thì đó chỉ là trong nháy mắt. Vậy thời gian từ đây đến khi ngài ra đời là bao lâu? Như hiện nay, mạng sống của con người vào khoảng chừng 60 năm. Cứ 100 năm, mạng sống của con người giảm xuống một tuổi và chiều cao trung bình giảm đi 1 *inch*. Giảm như vậy cho đến khi mạng sống của con người còn lại chừng 30 tuổi, thì sẽ có một cơn dịch bệnh. Con người sẽ chết rất nhanh vì bệnh tật, đến mức họ chết một giờ ngay sau khi mắc bệnh.

Người ta có thể gọi bác sĩ, nhưng bác sĩ cũng chết như những người khác. Chừng 50% số dân còn lại kháng cự được với bệnh tật. Khi mạng sống của những người này còn lại 25 tuổi, thì sẽ có một cơn thiên tai khác. Tại sao những người này phải chết? Vì thời ấy, tinh thần của những người này quá suy đồi. Có quá nhiều người ác, thế nên trời đất phải trừ diệt những người căn tính thô bạo này. Họ sẽ chịu không nổi và phải đổi lấy một thân thể tốt hơn. Thế nên, trong đợt dịch bệnh đầu tiên, 50% số người phải chết. Khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống 25 tuổi, sẽ có một trận hoả tai. Không chỉ loài người trên thế giới bị đốt cháy, mà cả những chúng sinh ở cõi trời thiên thứ nhất (sơ thiên thiên) cũng bị thiêu rụi.

Hoả tai tận sơ thiên.

Các biển cả trên thế gian đều khô kiệt. Không biết bao nhiêu người bị chết trong lửa. Tuy vậy, cũng có người thoát được kiếp thiêu. Khi mạng sống trung bình của con người còn lại chừng 20 tuổi, sẽ có nạn thủy tai.

Thủy tai tận nhị thiên.

Khi mạng sống trung bình của con người còn sống sót giảm xuống dưới 20 tuổi, sẽ có nạn phong tai, nó sẽ thổi đến cõi trời thiên thứ ba.

Phong tai tận tam thiên.

Nên kinh nói rằng trong cõi trời Lục dục thiên, có 5 dấu hiệu báo trước tai hoạ.

Trước hết, ở cõi trời thiên thứ ba, sẽ có phong tai.

*Dù ai có công phu tu tập, đạt đến cõi trời phi tướng
phi phi tướng xứ,
Cũng không bằng vãng sanh về cõi Tây phương
Tịnh độ.*

Cõi Lục dục thiên như chúng ta đã nghe giảng từ trước, đó là cõi trời Tứ thiên vương, Đao lợi thiên, Tu-dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hoá lạc thiên và Tha hoá tự tại thiên.¹ Chúng sinh trong các cõi trời này phải chịu năm tướng suy.

1. Hoa trên đầu khô héo. Chư thiên ở cõi trời thường có vòng hoa trên đầu. Vòng hoa này không do họ làm ra, mà hoa tự hiện ra để trang nghiêm cho thân tướng của họ. Nhưng khi một chúng sinh ở cõi trời gần mạng chung, thì điều gì sẽ xảy ra? Hoa sẽ rụng xuống. Trước khi một chúng sinh ở cõi trời chấm dứt thọ mạng, thì hoa trên đầu họ vẫn còn tươi.

¹ Lục dục Thiên (天; deva): e: Six desire Heaven.

1. Tứ thiên vương (四天王; cāturmahārājikadeva); e: Heaven of the Four Kings
2. Đao lợi (利) hay Tam thập tam thiên (三十三天; s: trāyastriṃśa-deva); the Trayastrimsha Heaven.
3. Dạ-ma (夜摩; s: yāmadeva) hoặc Tu-dạ-ma thiên (須夜摩天; s: suyāmadeva); e: Suyama Heaven.
4. Đâu-suất thiên (兜率天; s: tuṣita); e: Tushita Heaven,
5. Hoá lạc thiên (化樂天; s: nirmāṇarati-deva); e: Heaven of Bliss by Transformation
6. Tha hoá tự tại thiên (他化自在天; s: paranirmitavaśavarti-deva); e: Heaven of Comfort from Others' Transformations.

2. Y phục dơ bẩn. Áo quần của chư thiên nam nữ trên cõi trời không phải giặt như áo quần của loài người ở thế gian. Áo quần của chư thiên sẽ không bao giờ bị dơ bẩn mãi cho đến khi có năm tướng suy hiện ra. Đây là kết quả của quả báo. Sự dơ bẩn trên áo quần của họ là có từ nghiệp chướng. Tại sao mọi người có mùi rất nặng khi họ sắp chết? Người khác lại có mùi nặng khi chết. Đó cũng là nghiệp báo.
3. Nách đỏ mồ hôi. Chư thiên không đổ mồ hôi như loài người. Họ không có mồ hôi, ngoại trừ khi họ sắp mạng chung.
4. Toàn thân hôi thối. Bình thường, chư thiên thường toát ra mùi hương từ thân họ. Tuy nhiên, khi sắp mạng chung, thì có mùi rất khó chịu. Thông thường, họ chẳng phải xông ướp thân thể bằng các thứ hương hoa, vì thân họ vốn tự nhiên đã có mùi hương.
5. Không ngồi được lâu. Họ không ngồi được lâu như thường ngày. Họ bồn chồn đứng dậy rồi ngồi xuống như thể họ điên dại. Giữa cơn xáo động này, họ rất bối rối, và chẳng bao lâu nữa là họ qua đời. Họ lại đầu thai xuống cõi trần.

Khi ba thảm họa (tam tai) này xảy ra, mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi. Lúc đó, chiều cao trung bình của con người sẽ bằng như con chó bây giờ. Họ rất đỗi bại và hành xử chẳng khác gì loài bò, heo, ngựa. Họ ham muốn tình dục ngay khi vừa mới sinh ra. Họ cũng biết nói ngay khi sinh ra. Họ liền có bản năng tình dục là vì,

Tình sinh ái, ái sinh dục.

Lúc đó, loài người tự buông mình vào sự phóng dăng. Họ kết hôn vào tuổi lên hai hoặc lên ba. Họ sinh con và họ chết lúc 10 tuổi. Nhưng khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi, thì kiếp tăng lại bắt đầu.

Tiến trình cũng giống nhau: cứ mỗi 100 năm, họ được tăng thêm 1 tuổi. Mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi. Lúc đó kiếp giảm lại bắt đầu. Rồi đến kiếp tăng. Khi mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi thì Đức Phật Di-lặc ra đời.

Có một vài tôn giáo khác đã cho rằng Đức Phật Di-lặc đã thị hiện thành Phật rồi. Đây chỉ là lời nói mớ, căn bản là do họ không hiểu gì về Phật pháp. Sự thị hiện của Đức Phật Di-lặc sẽ diễn ra theo một cách thức nhất định, quý vị không thể giải thích theo lối như vậy được.

Khi Đức Phật Di-lặc còn trong thời gian tu tập, ngài thường tìm cầu sự thuận lợi cho riêng mình, người Trung Hoa gọi là ‘phan duyên.’ Ngài thường thích giao du với kẻ giàu sang quyền quý. Thế nên mặc dù ngài và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng tu tập một thời gian, mà Di-lặc không thành Phật nhanh như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vì Bồ-tát Di-lặc mãi còn thích phan duyên. Tôi tin là ngài còn thích mong cầu sự tiện nghi thoải mái, nên thấy ngài mập mạnh làm sao? Ngài mập vì ngài thích ăn ngon, chẳng phải chỉ vì ngài hay cười.

Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn trọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý. Con thích giao hảo với những người có danh vọng giàu sang trong xã hội.” “Hàng quyền quý” là chỉ cho những gia đình giàu sang. Quốc gia nào cũng có những người giàu, và bất kỳ khi Di-lặc Bồ-tát đến đâu, ngài cũng không để ý đến người nghèo, nhưng chỉ thích đến những gia đình giàu sang để giao du với họ. Đi đến đâu ngài cũng tự khoa trương chiúnh mình. Ngài giả mạo theo cách này khi mới phát tâm tu tập. Nhưng quý vị đừng cho rằng Di-lặc Bồ-tát chỉ là một người phan duyên, vì cuối cùng ngài đã dừng lại điều ấy. Đoạn kinh văn tiếp theo sẽ nói rõ ngài đã từ bỏ việc ấy vào lúc nào.

Kinh văn:

爾時世尊教我修習唯心識定入三摩地。歷劫已來以此三昧事恒沙佛。求世名心歇滅無有。

Nhĩ thời Thế Tôn giáo ngã tu tập duy tâm thức định, nhập tam-ma-địa. Lịch kiếp dĩ lai, dĩ thử tam muội, sự hằng sa Phật. Cầu thế danh tâm yết diệt vô hữu.

Việt dịch:

Lúc ấy Đức Thế tôn dạy con tu tập pháp định

duy tâm thức, con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định này, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn.

Giảng giải:

Lúc ấy tâm mong cầu sự thuận lợi tiện nghi cho riêng mình và tâm phan duyên đã dừng lại. Tâm ấy của Di-lặc Bồ-tát đã dừng lại từ lâu. Chúng ta nên học theo cách ngài đã dừng bất tâm phan duyên hơn là thay vì bắt chước các tập khí xấu.

Lúc ấy Đức Thế tôn, tức là Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh **dạy con tu tập pháp định duy tâm thức,**

Tam giới duy tâm

Vạn pháp duy thức.

Đó là nguyên lý của pháp Duy thức quán

con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định này, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Con được cúng dường chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn. Cả lòng ham thích danh tiếng và thói quen thích giao du với người giàu có đều biến mất, Bây giờ con không còn phan duyên nữa, không còn mong cầu sự tiện lợi cho riêng mình nữa.

Kinh văn:

至然燈佛出現於世。我乃得成無上妙圓識心三昧。

Chí Nhiên Đấng Phật xuất hiện ư thế, ngã nãi đắc thành vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Việt dịch:

Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đấng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Giảng giải:

Di-lặc Bồ-tát thừa tiếp, “Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đấng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.” Ngài chứng đắc được pháp viên thông rất vi diệu, đó là định lực thức tâm tam-muội.

Kinh văn:

乃至盡空如來國土淨穢有無。皆是
我心變化所現。

*Nãi chí tận không Như Lai quốc độ, tịnh uế hữu vô,
giai thị ngã tâm biến hoá sở hiện.*

Việt dịch:

Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Giảng giải:

Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Ngày cả sự biến hiện của cùng khắp các cõi hư không hư không của các Đức Như Lai, các thứ thành tựu, cấu uế, đều là do từ tâm con biến hiện mà có.” Các

hiện tượng ấy đều biến hiện từ định lực thức tâm tam-muội của Di-lặc Bồ-tát.

Kinh văn:

世尊我了如是唯心識故。識性流出無量如來。今得授記次補佛處。

Thế tôn, ngã liễu như thị duy tâm thức cố, thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Kim đắc thụ kí, thứ bổ Phật xứ.

Việt dịch:

Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy, nên từ thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi này.

Giải thích:

Di-lặc Bồ-tát thưa cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: “**Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy—nguyên lí đã được nói ở trên—nên từ thức tánh lưu xuất—là biến hiện từ tâm thức—vô lượng Như Lai.** Biến hiện ra vô lượng vô biên chư Phật. **Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi này.** Con được Thế tôn thọ kí sẽ thành Phật, trong tương lai, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, con sẽ thị hiện thành Phật ở cõi ta-bà này.”

Kinh văn:

佛問圓通。我以諦觀十方唯識。識心圓明入圓成實。遠離依他及遍計執，得無生忍。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã dĩ đế quán, thập phương duy thức, thức tâm viên minh nhập viên thành thật. Viễn ly y tha cập biến kế chấp. Đắc vô sanh nhẫn. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật, rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Vạn pháp trong mười phương đều là biến hiện từ tâm thức. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật. Đây có nghĩa là trí huệ. Rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Có ba tánh:

1. Y tha khởi.
2. Biến kế chấp
3. Viên thành thật.

Từ tánh Viên thành thật, tâm niệm chúng sinh do dựa vào cái khác sinh khởi rồi khởi dậy tâm tính toán suy lường không ngừng. Chúng ta có thể ví rằng tánh Viên thành thật cũng như dây gai, tánh y tha khởi cho đó giống như sợi dây thừng, tánh Biến kế chấp là nhìn

sợi thừng trông tựa như con rắn. Chẳng hạn, ban đêm có người trông thấy sợi dây thừng được bện bằng gai và nhầm đó là rắn và sợ hãi. Đó là tác dụng của biến kế sở chấp, nhầm dây thừng là con rắn nên có phản ứng như vậy. Họ trở thành chấp trước vào ý tưởng đó là con rắn, trong khi vốn chẳng phải như vậy. Khi họ nhận ra đó chỉ là sợi dây thừng, anh ta nhận ra tánh y tha khởi nơi mình. Khi anh ta biết sợi dây thừng làm bằng gì, là anh ta trở về lại với tánh viên thành thật nơi mình. Anh ta nhận ra được nó thực sự là gì. Di-lặc Bồ-tát tu tập duy thức quán mà được giác ngộ. Trong đoạn kinh văn naày, ngài đề cập đến ba tánh khi ngài nói, “thể nhập tánh viên thành thật” và “rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp.”

VIÊN THÔNG KIẾN ĐẠI
Bồ-tát Đại Thế Chí

Kinh văn:

大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử dĩ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ-tát tức tòng toà khởi, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch:

Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giải thích:

Đại Thế Chí Pháp vương tử và Bồ-tát Quán Thế Âm đều là con trai của Đức Phật A-di-đà khi Đức Phật còn là vị Chuyển luân thánh vương. Khi Đức Phật A-di-đà đã thành tựu quả Phật, hai vị Bồ-tát này đến để trợ thủ cho ngài. Hai vị Bồ-tát là hai người bạn đồng hành hàng ngày của Đức Phật A-di-đà, một vị bên trái, một vị bên phải. Khi Đức Phật A-di-đà nhập diệt, không còn là bậc giáo chủ của cõi Cực lạc phương Tây, trong nửa đêm, giáo pháp sẽ suy tàn, và đến cuối nửa đêm đó, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ thành Phật tại cõi Cực lạc phương Tây. Khi Bồ-tát Quán Thế Âm nhập diệt, không làm bậc giáo

chủ của cõi Cực lạc phương Tây nữa, thì Bồ-tát Đại Thế Chí sẽ thành Phật cùng một cách như Bồ-tát Quán Thế Âm, ngài làm giáo chủ cõi Tây phương Cực lạc. Bồ-tát Đại Thế Chí còn được gọi là Đắc Đại Thế—得大勢. Ngài rất mạnh, đến mức độ mỗi khi ngài nhấc tay, động chân, hay lắc đầu, thì đất bằng chuyển động. Khi ngài đi, thì đất rung chuyển. “Pháp vương tử” có nghĩa là Bồ-tát.

Cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Năm mươi hai Bồ-tát ở đây biểu tượng cho thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, diệu giác—Năm mươi hai giai vị tu chứng của hàng Bồ-tát.

Kinh văn:

大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名無量光。十二如來相繼一劫。其最後佛名超日月光。彼佛教我念佛三昧。

Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp. Kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bì Phật giáo ngã niệm Phật tam-muội.

Việt dịch:

Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật

ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội.

Giảng giải:

Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Vào kiếp đó, có 12 Đức Phật Như Lai thị hiện ra trên đời, Đức Phật thứ 12 hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội. Đức Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con niệm danh hiệu ‘Nam-mô A-di-đà Phật.’

A-di-đà (Amitābha) có nghĩa là ‘Vô lượng quang’ và ‘Vô lượng thọ’; có phải ngài là Đức Phật A-di-đà mà chúng ta thường biết đó chăng? Có lẽ không. Vì Đức Phật A-di-đà lúc đó là Đức Phật đã thành tựu Phật quả từ 10 kiếp trước. Nhưng danh hiệu vẫn đồng là một. Có nhiều Đức Phật có danh hiệu giống nhau, cũng như người thường có tên hoặc họ trùng nhau vậy.

Kinh văn:

譬如有人一專為憶，一人專忘。如是二人若逢不逢或見非見。

Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong. Như thị nhị nhân, nhưc phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến.

Việt dịch:

Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.

Giảng giải:

Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên. Đây là một ví dụ. Có hai người, một người luôn luôn nhớ đến người kia, trong khi người kia không bao giờ nhớ đến người khác. Có lẽ họ là bạn bè hay bà con. Hai người này dụ cho Đức Phật và chúng sinh. Đức Phật thường nhớ đến chúng chúng ta, các ngài luôn luôn thường xót chúng sinh, nhưng chúng sinh thì không bao giờ nhớ đến Phật. Chúng ta có thể có ít cơ may để học Phật pháp, nhưng chúng ta hoàn toàn không biết rõ những gì đang được giảng giải. Chúng ta hoàn toàn không biết những điều ấy vi diệu như thế nào. Tại sao chư Phật lại nhớ nghĩ đến chúng sinh. Vì các ngài thấy rằng chúng sinh vốn có cùng bản tánh Phật như các ngài. Chư Phật nhìn chúng sinh như là cha mẹ của các ngài trong quá khứ, và sẽ là chư Phật trong tương lai. Thế nên Đức Phật dạy rằng, “Mọi chúng sinh trên cõi giới này đều có Phật tánh. Đều có thể thành Phật.” Không có riêng một chúng sinh nào mà chẳng được thành Phật. Đây chính là điểm then chốt đã khiến chó đạo Phật trở nên cao quý và lan rộng khắp mọi nơi. Đó là lí do tại sao chư Phật không tán thành các việc sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Giữ và thực hành năm giới là cách thể hiện lòng thương tưởng đến chúng sinh. Vì

chư Phật thấy rõ rằng chúng sinh có cùng thể tánh như các ngài, ngài muốn giáo hoá họ, để giúp cho họ tiến lên, thành tựu Phật quả.

Chúng sinh chúng ta đến thế giới này và bỏ gốc để theo ngọn. Chúng ta quên đi nguồn gốc, bồi giác hiệp trần—turn our backs on enlightenment and unite with the dust—trần lao phiền não nơi thế gian. Đó là lí do khiến cho chúng ta quên đi chư Phật và không nhớ gì đến các ngài.

Có nhiều phương pháp thực hành niệm danh hiệu Phật.

1. Trì danh niệm Phật: Quý vị có thể niệm danh hiệu của Đức Phật nào mà mình thích. Chẳng hạn, nếu quý vị thích Đức Phật A-di-đà, quý vị có thể niệm ‘Nam-mô A-di-đà Phật.’ Hoặc có thể quý vị thích niệm ‘Nam-mô Bốn sư Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Phật.’ Hoặc có thể quý vị thích niệm ‘Nam-mô Tiêu tai Diên thọ Dược sư Lưu ly Quang Vương Phật.’ Đó chính là đồng như danh hiệu với chư Phật trong khắp mười phương—quý vị có thể chọn danh hiệu nào để niệm tùy ý. Mục đích của việc niệm Đức Phật là nhằm gom niệm tưởng lãng xảng thành nhất tâm nhớ nghĩ về Đức Phật—là để trừ đi những vọng tưởng. Nếu quý vị không dính líu với những vọng tưởng, thì quý vị sẽ không sinh khởi vọng tưởng, và khi quý vị không tạo nên các việc ác, có nghĩa là quý vị đang trên đường làm việc thiện.
2. Quán tưởng niệm Phật. Quán tưởng Đức Phật A-di-

đà từ tướng lông màu trắng ở giữa trán đang phóng ra hào quang. Có bài kệ tán thán việc này,

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di

Hám mục trùng thanh tứ đại hải.

Quý vị có hình dung ra được không? Nếu quý vị có tâm lượng nhỏ hẹp, thì ý niệm của quý vị về Đức Phật cũng sẽ rất yếu khi quán tưởng về ngài. Nếu quý vị có tâm thiết tha rộng lớn, thì sự quán tưởng về hình tượng Phật sẽ to lớn vô cùng.

3. *Quán tượng niệm Phật*: Theo phương pháp này, quý vị nhìn vào tượng Phật A-di-đà khi niệm danh hiệu ngài. Và khi niệm Phật quý vị quán tưởng đến những thân trang nghiêm và các tướng tốt của ngài. Nhưng tôi báo quý vị biết rằng, điều này có thể xảy ra khi quý vị bị một loài ma gá vào khi quý vị niệm Phật. Nói chung, bất kỳ quý vị tu tập pháp môn nào, cũng cần phải có giới hạnh—đức hạnh trong tu đạo. Khi tôi ở chùa Ze Xing, núi Da Yu tại Hồng Kong, có một vị tử-khuru muốn tu một khoá Phật lập tam-muội. Khi tu tập pháp này, người tu phải ở trong thất và đi kinh hành liên tục, nên gọi đó là pháp Thường hành tam-muội¹—hoặc Phật lập tam-muội.

¹ Bát-chu tam-muội 般舟三昧 Pratyutpanna-samādhī; Bát-chu 般舟 Hán dịch nghĩa là Phật lập 佛立, còn dịch là Thường hành đạo 常行道. Tông Thiên Thai gọi là Thường hành tam-muội 常行三昧. Khi tu tập pháp tam-muội này, trong suốt thời gian từ 7 ngày cho đến 90 ngày, hành giả phải công phu liên tục không được gián đoạn.

Trong 90 ngày, hành giả đi liên tục trong phòng, không nằm, không ngủ. Đây là pháp môn đòi hỏi nhiều nghị lực. Vị tỷ-khưu ấy phải niệm Phật suốt trong thời gian tu tập pháp Thường hành tam-muội này. Một hôm, tôi để ý thấy rằng càng ngày vị ấy niệm Phật càng lớn tiếng hơn, cho đến một hôm ông ta rống lên, “Nam-mô A-di-đà Phật! Nam-mô A-di-đà Phật!” Khi tôi nghe như vậy, tôi biết ông ta đã gặp một cảnh giới nào đó, thế nên tôi đến để xem thử sao. Ông ta chạy quanh thất như điên. Điều gì đã xảy ra? Trong kiếp trước, vị tỷ-khưu này là một con bò. Vì ông ta đã làm được một số công đức ở một ngôi chùa nhờ cày ruộng cho chùa, nên đời này, ông được làm vị tỷ-khưu. Tuy nhiên, mặc dù là một tỷ-khưu, tập khí của loài bò vẫn chưa được thay đổi. Ông ta có một thói quen thật kỳ lạ.

Lí do mà ông ta chạy quanh phòng là vì ông ta thấy Đức Phật A-di-đà hiện ra, và ông ta đuổi theo ngài. Điều gì thực sự đã xảy ra? Vị tỷ-khưu ấy đã gặp phải ma sự. Vốn thực chẳng có Đức Phật A-di-đà nào đến cả, đó chỉ là một con trâu nước hiện lên từ biển. Nó là loài thủy quái biến hiện thành Đức Phật A-di-đà để gạt vị tỷ-khưu. Vị này tưởng đó là Đức Phật A-di-đà hiện ra, nên chạy theo ngài.

Khi tôi đến đó, tôi dùng một phương pháp để giải trừ ma sự cho vị tỷ-khưu. Thế nên cũng có khi quý vị gặp phải ma sự khi trì niệm danh hiệu Phật.

4. *Thực tướng niệm Phật*: Đây có nghĩa chính là tham

thiền—investigating dhyāna. Chúng ta ngồi thiền và tham công án ‘Ai là người niệm Phật?’

Trong đoạn kinh này, một người luôn luôn nhớ đến Phật, một người thường chẳng bao giờ nhớ đến chúng sinh. **Thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.**

Dù họ có gặp nhau, cũng như thể là họ chưa từng thấy nhau. Có thể họ đã gặp nhau ở một nơi nào đó, nhưng “chẳng hợp nhãn nhau.” Vì năng lượng của họ không giao thoa nhau, vì một người thì nhớ một người quên. Họ không thể gặp được nhau. Dù họ có đối diện nhau, cũng như thể họ không thấy nhau.

Kinh văn:

二人相憶二憶念深。如是乃至從生
至生。同於形影不相乖異。

*Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm, như thị nãi chí
tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương thừa dị.*

Việt dịch:

Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm, như thể cho đến đời này sang đời khác, như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau.

Giải giảng:

Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm—nếu họ nhớ nhau rất sâu đậm— như thể cho đến đời này sang đời khác, như

hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau. Cái bóng của mình dù mình có đi đâu nó cũng đi theo, nó không bao giờ rời bỏ hình ảnh của nó. Hai người này cũng sẽ như vậy và không bao giờ tách rời ra. Họ sẽ không bao giờ còn có việc chẳng nhận ra nhau hay quên nhau.

Kinh văn:

十方如來憐念眾生如母憶子。若子逃逝雖憶何為。子若憶母如母憶時。母子歷生不相違遠。

Thập phương Như Lai lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược tử đào thê, tuy ức hà vi. Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh bất tương vi viễn.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau.

Giải thích:

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con—Chư Phật trong mười phương thường thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Dù mẹ thường nhớ con mọi thời, nhưng con quên mẹ, thì thật vô ích. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau. Nếu mẹ và con cùng nhớ đến nhau

trong theo cách ấy, thì mẹ con sẽ nhớ nhau suốt đời, từ đời này sang đời khác. Họ sẽ không bao giờ tách lìa nhau.

Có nghĩa là, nếu chư Phật thương tưởng, hằng nhớ đến chúng sinh, mà nếu chúng sinh cũng nhớ đến chư Phật, thì đời này sang đời khác, chúng sinh và Phật chẳng lìa xa nhau. Chúng ta sẽ ở bên Phật mãi mãi.

Kinh văn:

若眾生心憶佛念佛。現前當來，必定見佛。

Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật. Hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật.

Việt dịch:

Nếu tâm chúng sinh, nhớ Phật, tưởng đến Phật, thì đời này, đời sau, nhất định thấy Phật.

Giảng giải:

Nếu chúng sinh tưởng nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật, thì chắc chắn họ sẽ được thấy Phật trong đời này hoặc đời sau.

Kinh văn:

去佛不遠。不假方便自得心開。

Khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện tự đắc tâm khai.

Việt dịch:

Họ đã cách Phật không xa, nên không nhờ vào phương tiện mà được tâm khai ngộ.

Giải thích:

Họ chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Kinh văn:

如染香人身有香氣。此則名曰香光莊嚴。

Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tác danh viết hương quang trang nghiêm.

Viết dịch:

Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Giải thích:

Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Nếu có người xông ướp thân thể mình bằng hương thơm, thì mùi hương ấy sẽ thấm đượm quanh thân. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Kinh văn:

我本因地以念佛心入無生忍。今於此界攝念佛人歸於淨土。

Ngã bản nhân địa dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn. Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư tịnh độ.

Viết dịch:

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn. Nay con trong cõi này, tiếp dẫn những người niệm Phật trở về cõi Tịnh độ.

Giảng giải:

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn.

Bồ-tát Đại Thế Chí nói rằng từ trong nhân địa tu hành của ngài, có nghĩa là, từ khi mới phát tâm tu đạo làm vị tỷ-khưu, ngài chứng được vô sinh pháp nhẫn nhờ vào pháp niệm Phật. **Nay con trong cõi này—cõi ta-bà, tiếp dẫn những người niệm Phật.** Như thổi nam châm sẽ thu hút hết thảy các vụn sắt, Bồ-tát Đại Thế Chí tiếp độ và dẫn dắt mọi chúng sinh nào tu tập pháp niệm danh hiệu Phật, đưa họ **trở về cõi Tịnh độ.** Ngài dẫn dắt họ trở về với cõi Cực lạc.

Kinh văn:

佛問圓通我無選擇都攝六根淨念。
相繼得三摩地斯為第一

Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch đô nhiếp lục căn tịnh niệm. Tương kế đắc tam-ma-địa tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Đó là phương pháp hay nhất.

Giảng giải:

Đức Phật hỏi về phương pháp để tu tập đạt được viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không

cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Con không có sự lựa chọn nào khác. Con chỉ có một pháp phương pháp là niệm danh hiệu Phật. Con dùng pháp môn này để thu nhiếp sáu căn và các vọng tưởng khởi dậy từ sáu căn ấy. Con điều phục sáu căn không để cho chúng khởi dậy vọng tưởng nữa. Con niệm Phật với tâm thanh tịnh mãi không gián đoạn, cho đến khi con đạt được chánh định **Đó là phương pháp hay nhất.**

大佛頂萬行首楞嚴經卷第五
(Hết quyển 5 bản Hán)

Thích Nhuận Châu



Tịnh thất TỬ NGHIÊM

Mùa Phật Đản Pl. 2550

Bính Tuất-2006.

MỤC LỤC

KHAI KINH KỆ	5
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN.....	7
CHƯƠNG 1	
MỞ SÁU NÚT	9
SÁU NÚT	70
HAI MƯƠI LĂM PHÁP MÔN VIÊN THÔNG.	100
VIÊN THÔNG SÁU TRẦN	
Viên Thông Thanh Trần - <i>Kiều-trần-na</i>	107
Viên Thông Sắc Trần - <i>Ưu-bà-ni sa-đà</i>	112
Viên Thông Hương Trần - <i>Hương Nghiêm đồng tử</i>	117
Viên Thông Vị Trần - <i>Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát</i> ...	121
Viên Thông Xúc Trần - <i>Bạt-đà-bà-la</i>	128
Viên Thông Pháp Trần - <i>Ma-ha Ca-diếp</i>	133
VIÊN THÔNG NĂM CĂN	
Viên Thông Nhãn Căn - <i>A-na-luật-đà</i>	141

Viên Thông Tị Căn - <i>Châu-lợi Bàn-đặc-ca</i>	145
Viên Thông Thiệt Căn - <i>Kiều-phạm-bát-đề</i>	159
Viên Thông Thân Căn - <i>Tát-lãng-già Bà-ta</i>	164
Viên Thông Về Thân Căn - <i>Tu-bồ-đề</i>	169

SÁU THỨC

Viên Thông Về Nhãn Thức - <i>Xá-lợi-phát</i>	173
Viên Thông Nhĩ Thức - <i>Bồ-tát Phổ Hiền</i>	179
Viên Thông Tị Thức - <i>Tôn-đà-la Nan-đà</i>	184
Viên Thông Thiệt Thức - <i>Phù-lâu-na Di-đa-la-ni Tử</i>	189
Viên Thông Về Thân Thức - <i>Ưu-ba-ly</i>	194
Viên Thông Ý Thức - <i>Mục-kiền-liên</i>	216

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

Viên Thông Hoà Đại - <i>Ô-sô-sắc-ma</i>	222
Viên Thông Địa Đại - <i>Trì Địa Bồ-tát</i>	228
Viên Thông Thủy Đại - <i>Nguyệt Quang đồng tử</i>	237
Viên Thông Phong Đại - <i>Lưu Ly Quang Pháp vương tử</i>	247
Viên Thông Không Đại - <i>Hư Không Tạng Bồ-tát</i>	253
Viên Thông Thức Đại - <i>Di-lặc Bồ-tát</i>	260
Viên Thông Kiến Đại - <i>Bồ-tát Đại Thế Chí</i>	272